

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

NGUYỄN VĂN DƯƠNG

**PHÁT TRIỂN LỰC LƯỢNG SẢN XUẤT Ở
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG THỜI KỲ ĐẨY MẠNH
CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HOÁ**

Chuyên ngành: Triết học

Mã số : 60 22 80

**LUẬN VĂN THẠC SĨ
KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN**

**2013 | PDF | 103 Pages
buihuuhanh@gmail.com**

Người hướng dẫn khoa học: TS. TRẦN NGỌC ÁNH

Đà Nẵng - Năm 2013

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, kết quả nêu trong luận văn là trung thực, có nguồn gốc rõ ràng và chưa từng được công bố trong bất kỳ công trình nào khác.

Người cam đoan

Nguyễn Văn Dương

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của đề tài.....	1
2. Mục tiêu nghiên cứu.....	3
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu	3
4. Phương pháp nghiên cứu.....	4
5. Bố cục đề tài	4
6. Tổng quan tài liệu nghiên cứu	4
CHƯƠNG 1. LÝ LUẬN VỀ LỰC LƯỢNG SẢN XUẤT	12
1.1. LỰC LƯỢNG SẢN XUẤT VÀ CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN SỰ PHÁT TRIỂN LỰC LƯỢNG SẢN XUẤT	12
1.1.1. Vị trí của lực lượng sản xuất trong sự phát triển xã hội.....	12
1.1.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển của lực lượng sản xuất.....	24
1.2. PHÁT TRIỂN LỰC LƯỢNG SẢN XUẤT THEO HƯỚNG CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA Ở VIỆT NAM	29
1.2.1. Phát triển lực lượng sản xuất thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam	29
1.2.2. Phát triển lực lượng sản xuất gắn với công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam.....	30
CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN LỰC LƯỢNG SẢN XUẤT Ở THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG HIỆN NAY	32
2.1. TỔNG QUAN VỀ THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG	32
2.1.1. Khái quát về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội.....	32
2.1.2. Những thành tựu về phát triển kinh tế - xã hội.....	35
2.2. PHÁT TRIỂN LỰC LƯỢNG SẢN XUẤT Ở THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG - THÀNH TỰU VÀ HẠN CHẾ	42
2.2.1. Thực trạng nguồn lao động, tư liệu sản xuất	42

2.2.2. Xu hướng vận động và phát triển của lực lượng sản xuất ở thành phố Đà Nẵng	57
2.2.3. Ảnh hưởng của toàn cầu hóa và cách mạng khoa học công nghệ hiện đại đối với sự phát triển của lực lượng sản xuất ở thành phố Đà Nẵng	63

CHƯƠNG 3. PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN LỰC LƯỢNG SẢN XUẤT Ở THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG THỜI KỲ ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA

3.1. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN LỰC LƯỢNG SẢN XUẤT Ở THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

3.1.1. Phát triển lực lượng sản xuất theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.....	65
3.1.2. Những phương hướng lớn nhằm phát triển lực lượng sản xuất ở thành phố Đà Nẵng	70

3.2. GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN LỰC LƯỢNG SẢN XUẤT Ở THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG THỜI KỲ ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA

3.2.1. Phát triển lực lượng sản xuất trên cơ sở khơi dậy nguồn lực con người, nguồn tài nguyên vốn có của thành phố.....	76
3.2.2. Nâng cao quy mô, chất lượng và hiệu quả của nền kinh tế, tiếp tục đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại.....	79
3.2.3. Xây dựng, hoàn thiện quan hệ sản xuất phù hợp, tiến bộ.....	81
3.2.4. Tăng cường sự lãnh đạo của Thành ủy, nâng cao hiệu lực quản lý của chính quyền các cấp đối với sự phát triển lực lượng sản xuất.....	85

KẾT LUẬN

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....

QUYẾT ĐỊNH GIAO ĐỀ TÀI LUẬN VĂN THẠC SĨ (BẢN SAO).

DANH MỤC CÁC HÌNH

Số hiệu	Tên hình	Trang
Hình 2.1	GDP bình quân đầu người tại thành phố Đà Nẵng	36
Hình 2.2	Tốc độ tăng trưởng GDP thành phố Đà Nẵng	37
Hình 2.3	Cơ cấu GDP thành phố Đà Nẵng theo ngành kinh tế	37
Hình 2.4	Đầu tư trực tiếp nước ngoài tại thành phố Đà Nẵng	41
Hình 2.5	Kim ngạch xuất nhập khẩu của thành phố Đà Nẵng	42

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Lịch sử phát triển của xã hội là lịch sử vận động, thay thế lẫn nhau của các hình thái kinh tế - xã hội từ thấp đến cao. Sự vận động, phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội là do sự tác động qua lại một cách biện chứng giữa lực lượng sản xuất với quan hệ sản xuất, giữa cơ sở hạ tầng với kiến trúc thượng tầng. Trong đó, lực lượng sản xuất là yếu tố năng động nhất trong các yếu tố cấu thành phương thức sản xuất, quyết định xu hướng, tốc độ, nhịp độ vận động của quan hệ sản xuất, thông qua đó làm thay đổi kiến trúc thượng tầng. Suy đến cùng, sự phát triển của lực lượng sản xuất quyết định sự hình thành, phát triển và thay thế lẫn nhau của các hình thái kinh tế - xã hội.

Ở Việt Nam trước đổi mới, chúng ta đã sai lầm khi phát triển lực lượng sản xuất trên cơ sở quan hệ sản xuất vượt quá xa trình độ lực lượng sản xuất. Điều đó không những không thúc đẩy mà còn kìm hãm sự phát triển của lực lượng sản xuất, khiến nền kinh tế bị trì trệ trong một thời gian khá dài. Chính vì vậy, đòi hỏi Đảng ta phải nhìn thẳng vào sự thật, xác định rõ nguyên nhân, xem xét lại cả về nhận thức, phương pháp tiến hành xây dựng, phát triển lực lượng sản xuất và từ đó đề ra được đường lối đúng đắn cho việc phát triển lực lượng sản xuất trong thời kỳ đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Văn kiện Đại hội IX Đảng Cộng sản Việt Nam khẳng định một trong những nhiệm vụ hàng đầu ở nước ta là: *"Phát huy sức mạnh toàn dân tộc, tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa"* [20, tr. 9].

Sau hơn 25 năm thực hiện đường lối đổi mới do Đảng Cộng sản Việt Nam khởi xướng và lãnh đạo, đất nước ta đã thoát khỏi khủng hoảng kinh tế -

xã hội, đạt được những thành tựu to lớn và rất quan trọng, thế và lực của đất nước đã không ngừng được nâng lên trên trường quốc tế. Từ đó đưa nước ta chuyển sang một giai đoạn cách mạng mới, giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, nhằm mục tiêu đến năm 2020 đưa nước ta về cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

Cùng với cả nước, thành phố Đà Nẵng đang trong quá trình đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa với những đặc điểm riêng có của mình. Là một thành phố trực thuộc Trung ương, lại nằm ở khu vực trung độ của cả nước, thành phố Đà Nẵng là cửa ngõ hướng ra Thái Bình Dương của hành lang kinh tế Đông - Tây, nên thành phố Đà Nẵng có nhiều tiềm năng về kinh tế, và có vị trí quan trọng về cả chính trị, quốc phòng, an ninh.

Chính quyền và nhân dân thành phố Đà Nẵng trong thời gian qua đã đạt được những thành tựu đáng khích lệ trên tất cả các mặt, các lĩnh vực. Tuy nhiên, bên cạnh những thuận lợi cũng như thành tựu đã đạt được, thì thành phố Đà Nẵng vẫn còn tồn tại một số hạn chế như: trình độ lực lượng sản xuất còn tương đối thấp, thành phố chưa có sản phẩm công nghiệp mũi nhọn với sản lượng lớn, chất lượng và uy tín cao để hội nhập vào thị trường trong nước và quốc tế, đội ngũ nguồn nhân lực còn yếu và thiếu so với nhu cầu thực tế...

Do vậy, việc tổng kết lý luận và thực tiễn, vận dụng lý luận vào thực tiễn cuộc sống, rút ra những bài học kinh nghiệm để phát triển hơn nữa lực lượng sản xuất ở thành phố Đà Nẵng trong thời kỳ đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước là một yêu cầu cấp thiết và mang ý nghĩa chính trị - xã hội sâu sắc.

Xây dựng thành phố Đà Nẵng trở thành một trong những đô thị lớn của cả nước, là trung tâm kinh tế - xã hội lớn của miền Trung với vai trò là trung tâm công nghiệp, thương mại, du

lịch và dịch vụ; thành phố cảng biển, đầu mối giao thông quan trọng về trung chuyển vận tải trong nước và quốc tế, trung tâm văn hóa - thể thao, giáo dục - đào tạo và khoa học - công nghệ của miền Trung; địa bàn giữ vị trí chiến lược quan trọng về quốc phòng, an ninh của khu vực miền Trung và cả nước,...Đà Nẵng phấn đấu để trở thành một trong những địa phương đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và cơ bản trở thành thành phố công nghiệp trước năm 2020 [12, tr. 55].

Xuất phát từ lý do trên, nên tôi chọn đề tài: "*Phát triển lực lượng sản xuất ở Thành phố Đà Nẵng thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa*" làm đề tài luận văn tốt nghiệp Thạc sĩ chuyên ngành Triết học, với hi vọng sẽ đóng góp một phần nhỏ bé công sức của mình vào việc nghiên cứu và làm rõ cơ sở lý luận cũng như cơ sở thực tiễn trong quá trình phát triển lực lượng sản xuất của cả nước nói chung cũng như thành phố Đà Nẵng nói riêng, nhằm đẩy mạnh hơn nữa sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

2. Mục tiêu nghiên cứu

Từ lý luận chung về lực lượng sản xuất và trên cơ sở phân tích thực trạng phát triển lực lượng sản xuất ở thành phố Đà Nẵng, luận văn nêu lên các giải pháp phát triển lực lượng sản xuất nhằm đẩy mạnh hơn nữa tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở thành phố Đà Nẵng hiện nay.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu:

Đối tượng nghiên cứu của đề tài này là phát triển lực lượng sản xuất ở thành phố Đà Nẵng thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Phạm vi nghiên cứu:

Về không gian: Trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Về thời gian: Trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, bắt đầu từ năm 1997.

4. Phương pháp nghiên cứu

Để thực hiện được mục đích, mục tiêu nghiên cứu đã đề ra, luận văn sử dụng các phương pháp nghiên cứu sau:

Đề tài được nghiên cứu trên cơ sở những quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, các quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam, những chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển lực lượng sản xuất.

Đề tài sử dụng phương pháp luận duy vật biện chứng và duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác - Lênin, phương pháp lôgic kết hợp với lịch sử. Ngoài ra đề tài luận văn còn sử dụng những phương pháp khác như: phân tích, tổng hợp, thống kê, khảo sát, so sánh...

5. Bố cục đề tài

Ngoài phần mở đầu, phần kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, phần nội dung của luận văn gồm 3 chương, 6 tiết.

6. Tổng quan tài liệu nghiên cứu

Trong những năm qua, xoay quanh vấn đề phát triển lực lượng sản xuất thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đã có rất nhiều công trình khoa học đề cập đến. Những kết quả nghiên cứu này có giá trị lý luận và thực tiễn nhất định.

Về sách và tạp chí có một số công trình như:

Nguyễn Trọng Chuẩn, “Góp vào vấn đề phát triển lực lượng sản xuất ở nước ta hiện nay”, *Tạp chí Triết học*, số 2, năm 1990. Bài viết nêu lên vấn đề cơ bản của lực lượng sản xuất và các giai đoạn phát triển quan trọng của lực lượng sản xuất trong tiến trình lịch sử của xã hội loài người. Đồng thời, tác giả còn nêu lên các giải pháp nhằm phát triển lực lượng sản xuất ở nước ta.

Trương Hữu Hoàn, “Vấn đề sự phù hợp của quan hệ sản xuất với lực lượng sản xuất xét từ tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất”, *Tạp chí Triết học*, số 1, năm 1994. Tác giả đã trình bày mối quan hệ giữa lực lượng sản xuất với quan hệ sản xuất, tác giả đã xem xét vấn đề quan hệ sản xuất được gọi là phải phù hợp với cả tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất hay chỉ cần phù hợp với một trong hai yêu cầu đó là đủ.

Vũ Đình Cự (1997), *Khoa học và công nghệ - Lực lượng sản xuất hàng đầu*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội. Trong cuốn sách, tác giả trình bày vai trò ngày càng to lớn của khoa học công nghệ. Đó là khoa học công nghệ đã trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp.

Hồ Anh Dũng (2002), *Phát huy yếu tố con người trong lực lượng sản xuất ở Việt Nam hiện nay*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội. Tác giả đã làm rõ luận điểm con người là yếu tố quan trọng nhất trong lực lượng sản xuất, đồng thời đưa ra giải pháp nhằm phát huy yếu tố con người trong lực lượng sản xuất.

Nguyễn Hữu Khiển, “Học thuyết Mác và hoàn thiện các yếu tố của lực lượng sản xuất ở Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Triết học*, số 3, năm 2009. Trong bài viết này tác giả đã dựa trên quan điểm của học thuyết Mác về hình thái kinh tế - xã hội nói chung, về phát triển lực lượng sản xuất nói riêng, để làm rõ một số nguyên tắc, phương pháp luận cơ bản trong việc vận dụng quan

điểm của Chủ nghĩa Mác, nhằm phát triển và hoàn thiện các yếu tố của lực lượng sản xuất ở Việt Nam hiện nay.

Lương Xuân Quỳnh (2008), *Xây dựng quan hệ sản xuất định hướng xã hội chủ nghĩa và thực hiện tiến bộ công bằng, xã hội ở Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội. Tác giả đã đề cập đến hệ quan điểm, phương hướng, chính sách, giải pháp xây dựng quan hệ sản xuất định hướng xã hội chủ nghĩa và thực hiện tiến bộ công bằng xã hội ở nước ta.

Gần đây nhất có các công trình nghiên cứu liên quan như: TS. Phạm Ngọc Dũng (2011), *Công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn từ lý luận đến thực tiễn ở Việt Nam hiện nay*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội. Cuốn sách làm rõ hơn về vai trò quan trọng của công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và đưa ra các giải pháp hợp lý, có tính thực tiễn cao nhằm thực hiện thắng lợi mục tiêu tổng quát và lâu dài của công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

GS.TS. Nguyễn Văn Khánh (2012), *Nguồn lực trí tuệ Việt Nam - Lịch sử, hiện trạng và triển vọng*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội. Tác giả phân tích quá trình xây dựng và phát huy nguồn lực trí tuệ, những yếu tố thúc đẩy cũng như cản trở việc phát huy nguồn lực này; từ đó, đề xuất những giải pháp và khuyến nghị về mặt chính sách đối với Đảng và Nhà nước, nhằm phát triển nguồn lực trí tuệ Việt Nam, thiết thực phục vụ sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển đất nước trong thế kỷ XXI.

TS. Phạm Thị Túy (2010), *Thu hút và sử dụng ODA vào phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế ở Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội. Cuốn sách góp phần phổ biến và nâng cao nhận thức về nguồn vốn ODA, đặc biệt là hình thành nền tảng kiến thức cần thiết ở tầm vĩ mô nhằm nâng cao hiệu quả

sử dụng nguồn vốn ODA nói chung, ODA cho xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế nói riêng.

PGS. TS Phạm Thành Nghị (2010), *Phát triển con người vùng Tây Bắc nước ta*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội. Cuốn sách đã tiến hành phân tích định lượng về sự phát triển con người vùng Tây Bắc theo các chỉ số phát triển con người trên cơ sở các số liệu thống kê, các báo cáo phát triển con người. Từ kết quả phân tích số liệu thống kê và kết quả điều tra, tác giả đưa ra những gợi ý về giải pháp cho các vấn đề phát triển con người vùng Tây Bắc trong giai đoạn tới. Thông qua đó, các địa phương khác trong cả nước có thể tham khảo và áp dụng cho phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương mình.

PGS.TS. Nguyễn Đăng Thành (2012), *Phát triển nguồn nhân lực ở vùng dân tộc thiểu số Việt Nam đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội. Cuốn sách trình bày những luận cứ lý thuyết và thực tiễn nhằm nhận thức đầy đủ và toàn diện hơn vấn đề phát triển nguồn nhân lực ở vùng dân tộc thiểu số. Bên cạnh đó, tác giả còn đề xuất hệ quan điểm, giải pháp toàn diện cho hoạch định chính sách phát triển nguồn nhân lực dân tộc thiểu số, phục vụ yêu cầu đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước nói chung, tại các vùng dân tộc thiểu số nói riêng.

TS. Trần Hồng Lưu (2010), *Vai trò của tri thức khoa học trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam hiện nay*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội. Tác giả đã làm rõ bản chất, cấu trúc của tri thức khoa học, vai trò quan trọng của tri thức khoa học trong đời sống xã hội và đề xuất một số giải pháp nhằm phát triển tri thức khoa học, phục vụ cho sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta hiện nay.

PGS. TS. Ngô Thắng Lợi (2011), *Hoạch định phát triển kinh tế - xã hội, Lý luận và thực tiễn ở Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội. Tác giả đã

giới thiệu những nét khái quát nhất về công tác hoạch định phát triển kinh tế trong điều kiện nền kinh tế thị trường hội nhập quốc tế. Đặc biệt là lập luận sự cần thiết phải có hoạch định phát triển trong điều kiện kinh tế thị trường, sự khác biệt của nó so với cơ chế tập trung mệnh lệnh và điều đó chi phối chức năng, nguyên tắc của hoạch định phát triển trong kinh tế thị trường, hệ thống hóa quá trình sử dụng công cụ hoạch định phát triển của Việt Nam.

PGS.TS. Ngô Doãn Vịnh (2011), *Nguồn lực và động lực cho phát triển nhanh và bền vững nền kinh tế Việt Nam trong giai đoạn 2011 - 2020*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội. Tác giả đã đề cập những vấn đề liên quan đến nguồn lực và động lực cho sự phát triển như: đất đai, tài nguyên thiên nhiên, nhân lực, vốn, khoa học - công nghệ...; đồng thời, tác giả cũng phân tích các nội dung về nhận thức, chủ trương, các biện pháp đã thực thi và kết quả huy động, sử dụng đối với mỗi loại nguồn lực; làm rõ những nguyên nhân chủ yếu của những thành tựu và hạn chế, bài học kinh nghiệm rút ra từ những thành công và chưa thành công...

TS. Nguyễn Bá Ân (2012), *Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước giai đoạn 2011 - 2020*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội. Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại là một bước đột phá chiến lược, là yếu tố quan trọng thúc đẩy quá trình cơ cấu lại nền kinh tế và chuyển đổi mô hình tăng trưởng, nhằm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020.

Viện Nghiên cứu phát triển kinh tế - xã hội Hà Nội (2012), *Phát triển bền vững kinh tế - xã hội các thành phố theo hướng hiện đại*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội. Nội dung cuốn sách trình bày những vấn đề cơ bản và thực trạng phát triển kinh tế - xã hội của nước ta nói chung và các thành phố lớn như Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Cần Thơ nói riêng; xác định

mục tiêu, nhiệm vụ, tiêu chí và định hướng, các bước đi, mô hình, giải pháp cho các thành phố thực hiện thành công quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo hướng hiện đại; hướng tới sự phát triển bền vững.

PGS.TS. Trần Hậu - PGS.TS. Đoàn Minh Huân (2012), *Phát triển dịch vụ xã hội ở nước ta đến năm 2020 - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội. Trong cuốn sách, các tác giả đã luận giải bản chất kinh tế - xã hội của dịch vụ xã hội, cơ sở lý luận của phát triển dịch vụ xã hội, phân loại dịch vụ xã hội và chức năng của dịch vụ xã hội đối với sự phát triển kinh tế - xã hội ở nước ta; đề xuất phương hướng, giải pháp chủ yếu nhằm phát triển dịch vụ xã hội và đổi mới quản lý phát triển dịch vụ xã hội ở nước ta đến năm 2020.

Liên quan đến phát triển lực lượng sản xuất ở thành phố Đà Nẵng, có thể kể đến các công trình sau:

TS. Dương Anh Hoàng (2012), *Phát triển nguồn nhân lực phục vụ công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở thành phố Đà Nẵng*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội. Tác giả đã làm rõ lý luận phát triển nguồn nhân lực và những đặc điểm quan trọng của quá trình đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở thành phố Đà Nẵng hiện nay. Phân tích và đánh giá thực trạng phát triển nguồn nhân lực ở thành phố Đà Nẵng, bao gồm cả thành tựu và hạn chế, đồng thời chỉ ra những nguyên nhân đó. Luận chứng quan điểm phát triển nguồn nhân lực, đề xuất một số giải pháp mang tính định hướng để góp phần thúc đẩy sự phát triển nguồn nhân lực của thành phố Đà Nẵng trong thời gian tới.

Công ty cổ phần thông tin kinh tế đối ngoại (2005), *Đà Nẵng - thế và lực mới trong thế kỷ XXI*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội; *Đà Nẵng toàn cảnh*, NXB Đà Nẵng, 2010... Các cuốn sách này đã bước đầu đưa bạn đọc làm quen với vùng đất và con người Đà Nẵng, khái quát bức tranh toàn cảnh trong sự

nghiệp phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội của thành phố, từ đó hình dung rõ hơn về lộ trình sắp tới của thành phố Đà Nẵng.

Đề cập đến các ngành kinh tế chủ lực của thành phố Đà Nẵng hiện nay, có các công trình, tạp chí, hội thảo như:

Tạp chí Phát triển kinh tế - xã hội Đà Nẵng, Số 24/2011 có một chuyên đề trình bày về vấn đề “Liên kết phát triển Du lịch các tỉnh Duyên hải miền Trung”. Trong đó, có nhiều bài viết sâu sắc về vấn đề phát triển du lịch bền vững của thành phố Đà Nẵng.

Hội thảo khoa học của Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng. Cụ thể như : Hội thảo vào tháng 9/2011 với chủ đề: Phát triển nhanh và bền vững kinh tế - xã hội khu vực Duyên hải miền Trung và Tây Nguyên; Hội thảo khoa học: “Phát triển nguồn nhân lực cho vùng kinh tế trọng điểm miền Trung” vào tháng 12/2011 và Hội thảo khoa học: “Phát triển kinh tế - xã hội miền Trung và Tây Nguyên gắn với yêu cầu tái cơ cấu kinh tế” tháng 6/2012 được tổ chức tại Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng.

Ngoài ra, còn có các bài viết liên quan, được đăng tải trên các Website như:

Bài: Các ngành kinh tế chủ yếu của Đà Nẵng đăng trên: vietrade.gov.vn; Hiện đại hóa đội tàu đánh bắt xa bờ đăng trên web: thoibaonganhang.vn; Ứng dụng công nghệ hiện đại cho tàu đánh cá xa bờ đăng trên: baodanang.vn; Ngư dân bám biển đánh bắt xa bờ: Đề “mỗi thuyền viên là một cảm tử quân” đăng trên web: congan.com.vn; Đóng tàu lớn ra khơi đăng trên: m.tuoiitre.vn; Đà Nẵng hướng đến một thành phố phát triển công nghệ thông tin đăng trên: baoxaydung.com.vn; Quy hoạch tổng thể phát triển ngành Khoa học và Công nghệ thành phố Đà Nẵng đến năm 2020, đăng trên danang.gov.vn;...

Tóm lại, các công trình nghiên cứu trên đây mới chỉ đề cập đến một vài yếu tố của lực lượng sản xuất, cho đến nay chưa có công trình nghiên cứu nào tập trung làm rõ vấn đề phát triển lực lượng sản xuất ở thành phố Đà Nẵng thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa dưới dạng một luận văn khoa học hay một cuốn sách chuyên khảo. Tuy vậy, những công trình nghiên cứu này là cơ sở, là nguồn tư liệu quý báu để tôi tiếp thu học hỏi, chắt lọc và hoàn thiện luận văn Thạc sĩ Triết học của mình.

CHƯƠNG 1

LÝ LUẬN VỀ LỰC LƯỢNG SẢN XUẤT

1.1. LỰC LƯỢNG SẢN XUẤT VÀ CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN SỰ PHÁT TRIỂN LỰC LƯỢNG SẢN XUẤT

1.1.1. Vị trí của lực lượng sản xuất trong sự phát triển xã hội

a. Khái niệm lực lượng sản xuất

Lịch sử loài người là lịch sử của các phương thức sản xuất kế tiếp nhau. C. Mác đã cho rằng, trước hết con người ta phải ăn, uống, ở, mặc trước khi làm chính trị, khoa học, nghệ thuật, tôn giáo. Nhưng muốn có cái để ăn, để ở, để mặc thì con người phải lao động. Tuy nhiên, lao động của con người không thể tùy tiện được, mà phải có cách thức lao động, hay nói cách khác đó chính là phương thức sản xuất.

Phương thức sản xuất là cách thức con người thực hiện quá trình sản xuất ở một giai đoạn lịch sử nhất định. Phương thức sản xuất là sự thống nhất biện chứng hai mối quan hệ của con người. Thứ nhất, là mối quan hệ của con người với tự nhiên trong quá trình sản xuất, gọi là lực lượng sản xuất. Thứ hai, là mối quan hệ giữa con người với con người trong quá trình sản xuất, gọi là quan hệ sản xuất. Hai mối quan hệ này thống nhất biện chứng với nhau.

C. Mác và Ph. Ăngghen nêu ra thuật ngữ “lực lượng sản xuất” lần đầu tiên trong tác phẩm “Hệ tư tưởng Đức”. Nội dung khái niệm lực lượng sản xuất đã được các ông tiếp tục phát triển, mở rộng trong các tác phẩm của mình sau này như “Sự khốn cùng của triết học”, “Lao động làm thuê và tư bản”, “Tiền công, giá cả và lợi nhuận” và đặc biệt là trong bộ “Tư bản”. Thông qua sự phân tích các yếu tố của quá trình sản xuất, C. Mác đã vạch ra bản chất của lực lượng sản xuất, cho chúng ta cơ sở khoa học để hiểu một cách đúng đắn nội dung khái niệm lực lượng sản xuất.

Sự sản xuất ra đời sống - đời sống bản thân mình bằng lao động cũng như ra đời sống của người khác bằng việc sinh con đẻ cái - biểu hiện là quan hệ song trùng, một mặt là quan hệ với tự nhiên, mặt khác là quan hệ về xã hội, quan hệ xã hội với ý nghĩa đó là sự hợp tác của nhiều cá nhân, không kể là trong những điều kiện nào và nhằm mục đích gì. Do đó chúng ta thấy rằng một phương thức sản xuất nhất định hay một giai đoạn xã hội nhất định là luôn luôn gắn bó với một phương thức hợp tác nhất định hay một giai đoạn xã hội nhất định, rằng bản thân của một phương thức sản xuất ấy là một “sức sản xuất [41, tr. 81].

Tóm lại, nội dung cơ bản của lực lượng sản xuất là:

Thứ nhất, lực lượng sản xuất biểu hiện mối quan hệ giữa con người với tự nhiên, là những lực lượng do xã hội tạo ra để cải tạo và làm chủ tự nhiên. Đó là kết quả năng lực thực tiễn của con người trong quá trình tác động vào giới tự nhiên, tạo ra của cải vật chất cho sự phát triển xã hội.

Thứ hai, lực lượng sản xuất là một thể thống nhất hữu cơ giữa yếu tố người và yếu tố vật chất của quá trình sản xuất. Trong đó, con người là chủ thể tích cực, sáng tạo và quyết định. Với trí tuệ là chủ đạo, con người biết vận dụng tri thức khoa học, kĩ thuật chuyên môn, kĩ năng, kĩ xảo để chế tạo, cải tiến và sử dụng các phương tiện, công cụ sản xuất tác động vào đối tượng lao động để sản xuất ra những vật phẩm thiết yếu cho xã hội.

Thứ ba, lực lượng sản xuất luôn có sự kế thừa, phát triển liên tục, quyết định sự tồn tại và phát triển của xã hội loài người.

Lực lượng sản xuất biểu hiện mối quan hệ giữa con người với tự nhiên trong quá trình sản xuất. Lực lượng sản xuất thể hiện

năng lực thực tiễn của con người trong quá trình sản xuất ra của cải vật chất. Lực lượng sản xuất bao gồm người lao động với kỹ năng lao động của họ và tư liệu sản xuất, trước hết là công cụ lao động. Trong quá trình sản xuất, sức lao động của con người và tư liệu sản xuất, trước hết là công cụ lao động kết hợp với nhau tạo thành lực lượng sản xuất” [3, tr. 351-352].

Lí giải sâu sắc phạm trù lực lượng sản xuất, cần phải nắm vững các phương diện quan trọng của nó như: trình độ, tính chất, thực trạng và sự phát triển của lực lượng sản xuất. Sự phát triển của lực lượng sản xuất đặt ra yêu cầu giữa ba mặt đó của lực lượng sản xuất phải có mối quan hệ biện chứng với nhau.

b. Kết cấu của lực lượng sản xuất

Theo quan niệm của triết học Mác - Lênin, lực lượng sản xuất gồm hai bộ phận sau, đó là người lao động và tư liệu sản xuất.

Do tri thức khoa học ngày càng đóng vai trò to lớn trong sản xuất nên tham gia vào lực lượng sản xuất còn có cả đội ngũ trí thức đông đảo lao động bằng trí óc thay thế dần lao động chân tay.

Về người lao động: bao gồm các yếu tố như sức lao động, thói quen lao động, kỹ năng lao động, kỹ thuật lao động và khoa học công nghệ.

Trong các yếu tố cấu thành lực lượng sản xuất thì người lao động là yếu tố hàng đầu, giữ vị trí trung tâm và quyết định. V. I. Lênin đã viết: “*Lực lượng sản xuất hàng đầu của toàn thể nhân loại là công nhân, là người lao động*” [43, tr. 340].

Sở dĩ như vậy bởi vì con người là thành tố chủ đạo của lực lượng sản xuất, chính nhờ hoạt động có ý thức, sự hoạt động hướng vào đối tượng lao động, làm cho đối tượng trở nên hữu ích đối với con người và đối với xã hội

loài người nói chung. Các yếu tố của tự nhiên chỉ trở thành tư liệu sản xuất khi con người sử dụng với mục đích tạo ra sản phẩm vật chất để nuôi sống xã hội. *“Con người không chỉ chế tạo ra công cụ lao động, không chỉ đề ra kế hoạch, lựa chọn phương pháp lao động mà còn trực tiếp sử dụng công cụ lao động để sản xuất ra của cải vật chất”* [43, tr. 370].

Như vậy, yếu tố hàng đầu của lực lượng sản xuất là con người, đặc biệt trong điều kiện cách mạng khoa học - công nghệ hiện đại. Chính con người là nhân tố năng động, sáng tạo ra công nghệ mới và sử dụng công nghệ để tạo ra của cải vật chất. Vì vậy, yêu cầu tất yếu là phải đầu tư vào giáo dục - đào tạo, phát huy và sử dụng một cách có hiệu quả nhất nguồn lực con người.

Ngoài các yếu tố cấu thành người lao động như sức lao động, thói quen lao động, kỹ năng lao động, kỹ thuật lao động, thì trong thời đại ngày nay, yếu tố khoa học kỹ thuật đóng vai trò không nhỏ trong sự phát triển của lực lượng sản xuất. Đó là, khoa học kỹ thuật đã trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp. Khoa học kỹ thuật là “một lực lượng cách mạng có tác dụng thúc đẩy sự tiến lên của lịch sử”. C. Mác đã thừa nhận rằng: “Khoa học là đòn bẩy mạnh mẽ của lịch sử”, là “lực lượng cách mạng có ý nghĩa tối cao”.

Có một lực lượng sản xuất khác mà tư bản có được không mất khoản chi phí nào - đó là sức mạnh của khoa học... Nhưng tư bản chỉ có thể chiếm hữu được sức mạnh ấy của khoa học bằng cách sử dụng máy móc (phần nào cả trong quá trình hóa học). Sự tăng dân số là một lực lượng sản xuất mà tư bản có được không phải chi phí gì cả... Nhưng vì để có thể sử dụng được trong quá trình sản xuất trực tiếp, bản thân những lực lượng ấy cần đến một bản thể do lao động tạo ra. Nghĩa là tồn tại dưới dạng lao động vật hóa [41, tr. 483-484].

Như vậy, ngay từ những năm giữa thế kỉ XIX, C. Mác đã khẳng định khoa học có vai trò cực kì to lớn đối với sự phát triển của lực lượng sản xuất, và nó sẽ trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp khi được “chuyển hóa”, ứng dụng ở một mức độ nhất định nào đó. Khoa học vốn là sản phẩm của tư duy, của trí tuệ, nếu không thông qua hoạt động của người lao động mà chỉ tự bản thân nó thôi, thì như C. Mác đã nói, khoa học không thể biến thành cái gì cả, không thể sinh ra tác động tích cực hay tiêu cực.

Tư liệu sản xuất

Để tiến hành hoạt động sản xuất vật chất, con người cần có tư liệu sản xuất. Tư liệu sản xuất bao gồm đối tượng lao động và tư liệu lao động.

Đối tượng lao động

Đối tượng lao động là bộ phận của giới tự nhiên mà lao động của con người tác động vào nhằm biến đổi nó theo mục đích của mình. Đó là yếu tố vật chất của sản phẩm tương lai. Đối tượng lao động có hai nhóm:

Thứ nhất, là nhóm có sẵn trong tự nhiên như các loại khoáng sản trong lòng đất, lâm sản, đất đai, rừng, biển, sông ngòi...Loại đối tượng này con người chỉ cần dùng sức lao động tác động vào để tạo ra của cải vật chất đáp ứng nhu cầu tồn tại, phát triển của mình và của xã hội. Nói cách khác, loại đối tượng này con người chỉ cần làm cho chúng tách khỏi mối liên hệ trực tiếp với tự nhiên là có thể sử dụng được. Chúng là đối tượng lao động của các ngành công nghiệp khai thác như ngành khai thác than, dầu khí...

Thứ hai, nhóm đối tượng đã qua chế biến, nghĩa là sản phẩm lao động của ngành này là đối tượng lao động của ngành khác, ví dụ như sắt thép là sản phẩm lao động của ngành luyện kim, nhưng nó lại là đối tượng lao động của ngành xây dựng.

Xu hướng biến đổi của đối tượng lao động là “*Nhóm thứ hai ngày càng tăng lên và dần dần chiếm đa số, còn nhóm thứ nhất ngày càng giảm đi và dần dần trở thành thiểu số*” [29, tr. 43]. Những đối tượng này trở thành đối tượng sản xuất khi được đặt đối diện với lao động của con người, được họ tác động vào (gián tiếp hay trực tiếp) và nhất thiết phải có một ý nghĩa nào đó trong quá trình sản xuất của họ.

Mọi đối tượng lao động đều bắt nguồn từ tự nhiên, nhưng không phải mọi yếu tố của tự nhiên đều là đối tượng của lao động. Bởi vì, những yếu tố của tự nhiên mà con người tác động vào trong quá trình sản xuất, nhằm biến đổi nó phù hợp với mục đích của mình thì mới gọi là đối tượng lao động. Những yếu tố của tự nhiên mà con người chưa biết đến, chưa khám phá, chưa tác động vào để tạo ra sản phẩm vật chất thì chưa trở thành đối tượng lao động.

Tư liệu lao động:

Hoạt động sản xuất vật chất đòi hỏi những tư liệu và phương tiện làm khâu trung gian truyền tải sức lao động từ con người đến đối tượng lao động, gọi là tư liệu lao động. “*Tư liệu lao động là một vật hay hệ thống những vật làm nhiệm vụ truyền dẫn sự tác động của con người lên đối tượng lao động, nhằm biến đổi đối tượng lao động thành sản phẩm đáp ứng yêu cầu của con người* [43, tr. 11].

Tư liệu lao động là bộ phận trực tiếp để con người tác động vào giới tự nhiên, vào đối tượng lao động. Vì vậy, nó thường xuyên có sự biến đổi. Sự biến đổi của tư liệu lao động là tùy thuộc vào yêu cầu và mối quan hệ giữa con người với tự nhiên trong điều kiện, hoàn cảnh cụ thể mà nó đảm nhiệm.

Ngày nay, khi khoa học công nghệ phát triển, các tư liệu lao động đang dần dần được hiện đại hóa. Nó không còn đơn thuần là bộ phận truyền dẫn

các hoạt động của con người nữa, mà đang góp phần vào định hướng hoạt động lao động của con người một cách có hiệu quả.

Với sự phát triển nhanh chóng của khoa học kỹ thuật, tư liệu lao động được cải tiến, ngày càng thuận lợi hơn cho quá trình thực hiện tác động vào đối tượng lao động, đồng thời mang lại năng suất lao động cao hơn. Tư liệu lao động không còn là phương tiện mà con người phải trực tiếp tiếp cận nữa, mà thay vào đó là các dây chuyền sản xuất với sự giám sát của các phương tiện trung gian. Sự phát triển cao của tư liệu lao động, công cụ lao động hiện đại, đã phần nào thay thế con người trong quá trình trực tiếp tiếp xúc với đối tượng lao động.

Tư liệu lao động của sản xuất vật chất bao gồm hai bộ phận chủ yếu, đó là: công cụ lao động và các phương tiện khác (như phương tiện vận chuyển, phương tiện cất giữ), hỗ trợ cho con người khi sử dụng công cụ cũng như khi tiến hành lao động nói chung. Trong đó, công cụ lao động là hệ thống “xương cốt”, “bắp thịt” của sản xuất vật chất và là tiêu chí quan trọng nhất trong quan hệ của con người với giới tự nhiên.

Trong quá trình sản xuất, công cụ lao động không ngừng được cải tiến và hoàn thiện, chính điều này đã làm biến đổi toàn bộ tư liệu sản xuất. Xét đến cùng, nó là nguyên nhân sâu xa của mọi biến đổi xã hội, “*cái cối xay quay bằng tay sinh ra chế độ lãnh chúa phong kiến, còn máy hơi nước thì sinh ra chế độ tư bản*” [46, tr. 331].

Trình độ phát triển của tư liệu lao động mà chủ yếu là của công cụ lao động, đó là thước đo trình độ cải tạo, làm chủ tự nhiên của con người, là cơ sở xác định trình độ phát triển của sức sản xuất, là tiêu chuẩn để phân biệt sự khác nhau giữa thời đại kinh tế này với thời đại kinh tế khác. Chính vì thế, C. Mác viết: “*Những thời đại kinh tế khác nhau không phải ở chỗ họ sản xuất ra*

cái gì mà là ở chỗ sản xuất bằng cách nào với những tư liệu lao động nào”
[44, tr. 388].

Sự phong phú của đối tượng lao động là điều kiện thuận lợi cho con người tác động, khai thác cũng như sáng tạo các giá trị vật chất mới. Bộ phận phương tiện vận chuyển, phương tiện cất giữ như nhà xưởng, kho, băng truyền, đường sá, bến cảng, sân bay, phương tiện giao thông vận tải, điện nước, bưu điện, thông tin liên lạc... đóng vai trò phục vụ trực tiếp hoặc gián tiếp cho quá trình sản xuất của xã hội.

c. Vai trò của lực lượng sản xuất đối với sự phát triển xã hội

Lực lượng sản xuất là phương tiện để tiến hành sản xuất vật chất cho xã hội

C. Mác cho rằng, tiền đề đầu tiên cho sự tồn tại của con người đó là việc: “Con người ta phải có khả năng sống đã rồi mới có thể làm ra lịch sử”. Muốn vậy, con người cần có thức ăn, thức uống, nhà ở, quần áo...những thứ đó chỉ có thể được tạo ra từ sản xuất vật chất. Như vậy, hành vi lịch sử đầu tiên của con người là việc sản xuất ra những tư liệu để thỏa mãn những nhu cầu ấy, đó là hoạt động cơ bản của con người, là cái để phân biệt của con người với con vật.

Để tiến hành sản xuất vật chất, con người không chỉ có quan hệ với tự nhiên mà còn phải có quan hệ với nhau và trên cơ sở quan hệ sản xuất đó mà phát sinh các quan hệ khác như: chính trị, đạo đức, pháp luật. Vì vậy, trong quá trình sản xuất, con người không những làm biến đổi tự nhiên, biến đổi xã hội, mà còn đồng thời làm biến đổi cả bản thân mình. Do đó, sản xuất vật chất không ngừng phát triển, tất yếu làm cho xã hội cũng không ngừng phát triển theo.

Sự phát triển của lực lượng sản xuất sẽ làm cho năng suất lao động tăng cao, thời gian lao động xã hội cần thiết rút ngắn đến mức tối thiểu, thời gian nhàn rỗi cho xã hội nói chung và cho từng thành viên nhiều hơn, tạo điều kiện cho sự phát triển toàn diện của mỗi cá nhân. Sự phát triển toàn diện của mỗi cá nhân lại tạo ra khả năng tương ứng để thúc đẩy sự phát triển của lực lượng sản xuất.

Ngày nay, với sự phát triển của nền kinh tế tri thức và cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật, đã đem lại những bước tiến tiến to lớn. Đặc biệt là những phát hiện trong nhiều trong lĩnh vực như: công nghệ vật liệu mới, vật lý học, sinh học và hóa học... Đồng thời, những bước tiến lớn trong khoa học xã hội đã làm cho bức tranh toàn cảnh của loài người trở nên hết sức phong phú, vượt xa hình dung của họ ở thế kỉ trước.

Vai trò quyết định của lực lượng sản xuất đối với quan hệ sản xuất đã làm cho xã hội chuyển từ hình thái kinh tế - xã hội này lên hình thái kinh tế - xã hội khác cao hơn

Khuynh hướng sản xuất của xã hội luôn biến đổi và phát triển. Sự phát triển đó bắt đầu từ sự biến đổi và phát triển của lực lượng sản xuất, trước hết là công cụ lao động, đó là yếu tố động nhất, cách mạnh nhất của phương thức sản xuất. Cùng với sự phát triển của lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất cũng hình thành và biến đổi theo cho phù hợp với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất, sự phù hợp đó tạo đà cho lực lượng sản xuất phát triển.

Khi lực lượng sản xuất đã phát triển lên một trình độ mới, quan hệ sản xuất cũ không còn phù hợp nữa, dẫn tới việc xóa bỏ quan hệ sản xuất cũ và thay thế nó bằng quan hệ sản xuất mới. Điều đó đồng nghĩa với sự diệt vong của cả một phương thức sản xuất đã lỗi thời và đánh dấu sự ra đời của một phương thức sản xuất mới tiến bộ hơn.

Tới một giai đoạn phát triển nào đó, các lực lượng sản xuất vật chất của xã hội sẽ mâu thuẫn với những quan hệ sản xuất hiện có...mà trong đó từ trước đến nay, các lực lượng sản xuất vật chất vẫn phát triển. Từ chỗ là hình thức phát triển của lực lượng sản xuất, những quan hệ ấy trở thành xiềng xích của các lực lượng sản xuất. Khi đó bắt đầu thời đại của một cuộc cách mạng xã hội [45, tr. 439].

Tính chất của lực lượng sản xuất thể hiện ở tính chất của tư liệu sản xuất và của lao động. Cho đến khi máy móc ra đời, lực lượng sản xuất mới mang tính chất xã hội hóa. Tư liệu sản xuất có tính chất cá nhân trở thành tư liệu sản xuất có tính chất xã hội, đòi hỏi phải có sự hợp tác của nhiều người, mỗi người làm một bộ phận, một khâu của quy trình sản xuất, từ đó mới hoàn thành được sản phẩm ấy.

Trình độ của lực lượng sản xuất là trình độ phát triển của công cụ lao động, của kĩ thuật, trình độ kinh nghiệm, kĩ năng lao động của con người, mức độ tập trung công nhân trong một xí nghiệp, quy mô sản xuất, trình độ phân công lao động xã hội...Trình độ lực lượng sản xuất càng cao thì sự phân công lao động càng tỉ mỉ và khoa học.

Khi nói tới các chế độ trước chủ nghĩa tư bản, các nhà kinh điển thường chỉ nói đến mâu thuẫn của quan hệ sản xuất với trình độ của lực lượng sản xuất. Đến chế độ chủ nghĩa tư bản, các nhà kinh điển mới nêu lên mâu thuẫn giữa quan hệ sản xuất với tính chất của lực lượng sản xuất. Quy luật về sự phù hợp của quan hệ sản xuất với trình độ của lực lượng sản xuất đã tác động to lớn tới sự phát triển của lịch sử loài người, làm cho xã hội chuyển từ hình thái kinh tế - xã hội này lên hình thái kinh tế - xã hội khác cao hơn.

Trong xã hội công xã nguyên thủy, lực lượng sản xuất rất thấp kém, công cụ sản xuất thô sơ, lạc hậu. Họ cùng nhau sản xuất, tất cả của cải làm ra đều tiêu dùng hết, không còn dư thừa nên không thể có sự chiếm đoạt làm của riêng, không có chế độ bóc lột. Quan hệ sản xuất thời kì này phải phù hợp với trình độ thấp kém của lực lượng sản xuất thời bấy giờ.

Khi công cụ bằng sắt xuất hiện, lực lượng sản xuất phát triển hơn, nghề trồng trọt và chăn nuôi được đẩy mạnh, người lao động có khả năng sản xuất đủ mức sống tối thiểu và dư thừa đôi chút. Từ đó mới có điều kiện xuất hiện chế độ tư hữu, chế độ bóc lột người mà hình thức đầu tiên là chế độ chiếm hữu nô lệ. Tuy vậy, quan hệ sản xuất chiếm hữu nô lệ đã đóng vai trò thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển lên một bước.

Về sau, quan hệ sản xuất chiếm hữu nô lệ lại kìm hãm sự phát triển của lực lượng sản xuất. Để duy trì và phát triển lực lượng sản xuất, hình thức bóc lột nô lệ được thay bằng hình thức bóc lột nông nô, xã hội nô lệ chuyển thành xã hội phong kiến. Quan hệ sản xuất phong kiến ra đời lại làm cho lực lượng sản xuất phát triển lên một bước mới.

Cuối thời kì trung cổ, phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa hình thành trong lòng xã hội phong kiến, đã từng bước làm xuất hiện những yếu tố xã hội hóa trong lực lượng sản xuất. Đến khi máy móc xuất hiện, lao động tập thể phát triển với quy mô ngày càng lớn. Tất cả những yếu tố đó làm cho lực lượng sản xuất mang tính chất xã hội hóa ngày càng rõ nét.

Nền sản xuất lớn tư bản chủ nghĩa đã hình thành. Nhưng đến một trình độ nhất định, sự phát triển của lực lượng sản xuất trên cơ sở tập trung tư liệu sản xuất và xã hội hóa lao động cao đã làm cho quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa trở nên chật hẹp, không thể chứa đựng lực lượng sản xuất to lớn được tạo ra trong lòng nó nữa. Sự không phù hợp của quan hệ sản xuất tư bản chủ

nghĩa với lực lượng sản xuất đã xã hội hóa cao đưa đến những xung đột gay gắt và khủng hoảng kinh tế trầm trọng, phá hoại sản xuất.

Chính mâu thuẫn trong lòng phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa nên chủ nghĩa tư bản đã không ngừng điều chỉnh để thích ứng, (ví dụ: chủ nghĩa tư bản đã thành lập các tập đoàn tư bản, các công ty xuyên quốc gia...). Nhưng sự điều chỉnh đó có giới hạn, vì mâu thuẫn này chỉ có thể được giải quyết thông qua cách mạng vô sản, để xóa bỏ quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa và thay thế bằng quan hệ sản xuất phù hợp với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất. Từ đó hình thành hình thái kinh tế xã hội cao hơn - hình thái kinh tế xã hội cộng sản chủ nghĩa.

Thúc đẩy khoa học phát triển

Lực lượng sản xuất phát triển tạo ra nhu cầu, điều kiện vật chất như: nhà xưởng, máy móc, và các phương tiện cần thiết cho nghiên cứu khoa học. Lực lượng sản xuất trở thành tiêu chuẩn thực tiễn chứng minh cho tính đúng đắn của các tri thức khoa học. Sự phát triển cao của lực lượng sản xuất đã tạo ra các nhu cầu khách quan để phát triển khoa học kỹ thuật.

Chẳng hạn, trong nền sản xuất thủ công nghiệp, đó là nền sản xuất với lao động thủ công nặng nhọc, năng suất lao động thấp. Song chính nền sản xuất thủ công đã chứa đựng trong nó những tiền đề khách quan cho sự ra đời và phát triển của một ngành khoa học mới, nhằm giải quyết mâu thuẫn giữa sản xuất và nhu cầu ngày càng tăng lên của nhân loại. Lực lượng sản xuất phát triển, tạo mọi điều kiện cho khoa học phát triển, lực lượng sản xuất trở thành điểm xuất phát, cơ sở, động lực, mục tiêu của nghiên cứu khoa học. Đến lượt nó, nghiên cứu khoa học lại thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển hơn nữa.

Như vậy, rõ ràng mối quan hệ giữa lực lượng sản xuất và khoa học là mối quan hệ biện chứng, trong đó khoa học đã trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp và là nguồn gốc của tái sản xuất. Hơn nữa trình độ phát triển của nền sản xuất, mà trước hết đó là trình độ phát triển của lực lượng sản xuất đã đạt đến mức độ cao thì sẽ thúc đẩy khoa học phát triển.

Nhờ sự tác động biện chứng và phát triển của mối quan hệ này mà thời gian từ nghiên cứu đến sản xuất, quá trình sáng tạo và đổi mới sản xuất được rút ngắn lại. Khoa học trở thành lực lượng dẫn đường cho sản xuất, quá trình sáng tạo, đổi mới kỹ thuật công nghệ và sản phẩm mới cũng được đẩy mạnh, rút ngắn.

Nói tóm lại, ở nước ta nói chung và thành phố Đà Nẵng nói riêng, việc phát triển lực lượng sản xuất vừa có thể theo trình tự, vừa có thể rút ngắn. Để phát triển nhanh chóng lực lượng sản xuất, trước hết phải tạo dựng nguồn nhân lực chất lượng cao gồm các nhà quản lý giỏi, các chuyên gia đầu ngành, các nhà doanh nghiệp lớn và đội ngũ công nhân tay nghề bậc cao, đảm bảo tỉ lệ hợp lý về cơ cấu giữa các thành phần đó luôn thích ứng với đòi hỏi của lực lượng sản xuất đang phát triển. Sử dụng những thành tựu của cách mạng khoa học và công nghệ là phương thức hữu hiệu để “rút ngắn” tiến trình phát triển của lực lượng sản xuất. Nhưng trong quá trình đó, chúng ta cũng phải đề phòng nguy cơ trở thành “bãi rác công nghệ” của các nước phát triển.

1.1.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển của lực lượng sản xuất

a. Các nhân tố cấu thành lực lượng sản xuất

Trong quá trình sản xuất, con người vận dụng sức lao động, kinh nghiệm, thói quen lao động, tri thức khoa học kỹ thuật, sử dụng tư liệu lao động, tác động vào đối tượng lao động để tạo ra của cải vật chất cho xã hội.

Quá trình phát triển của sản xuất cũng là quá trình con người cải tiến công cụ lao động, bổ sung và hoàn thiện tư liệu lao động, nhằm đạt năng suất lao động cao và tạo ra nhiều sản phẩm cho xã hội.

Công cụ lao động là yếu tố động nhất, cách mạng nhất trong lực lượng sản xuất. Con người với sự cải tiến, phát minh công cụ lao động và mở rộng tư liệu sản xuất, trình độ kỹ thuật phát triển cao hơn, nên nhiều ngành nghề mới xuất hiện, do đó phân công lao động xã hội tiến triển không ngừng. Trình độ phát triển khác nhau của tư liệu lao động là thước đo trình độ cải tạo, làm chủ tự nhiên của con người, và cũng là tiêu chuẩn quan trọng để phân biệt sự khác nhau giữa các thời đại lịch sử. C. Mác viết: *“Những thời đại kinh tế khác nhau không phải ở chỗ chúng sản xuất ra cái gì, mà là ở chỗ chúng sản xuất bằng cách nào, với những tư liệu nào”* [44, tr. 388].

Ngày nay, khoa học đã trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp. Trở thành điểm xuất phát cho những biến đổi to lớn trong kỹ thuật sản xuất và tạo ra những ngành sản xuất mới đồ sộ hơn. Cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật hiện đại đã kết hợp khoa học và kỹ thuật thành một thể thống nhất không thể tách biệt được, đưa đến những phương pháp sản xuất mới. Khoa học còn phát hiện, đề ra những phương pháp khai thác các nguồn năng lượng mới và chế tạo vật liệu nhân tạo có tác dụng nhiều mặt mà trước đây chưa phát hiện ra.

Chính vì những lẽ đó, năng suất lao động không ngừng được nâng cao, đó là do sự cải tiến công cụ lao động và sự phát triển của khoa học kỹ thuật. Vì vậy, năng suất lao động được xem là tiêu chuẩn cơ bản để đánh giá sự tiến bộ của kỹ thuật sản xuất, đánh giá trình độ lực lượng sản xuất của một xã hội. Lực lượng sản xuất của xã hội được kế thừa và phát triển liên tục từ thế hệ này đến thế hệ khác. Mỗi một thế hệ khi mới sinh ra, thích ứng với một trình độ lực lượng sản xuất nhất định.

Sự phát triển của người lao động, đặc biệt là về trình độ tay nghề, tri thức, chất xám có ý nghĩa quyết định, nhất là trong nền kinh tế tri thức. Kinh tế tri thức là một bước tiến lớn của nhân loại. So với kinh tế vật chất như kinh tế nông nghiệp, kinh tế công nghiệp, là nền kinh tế dựa trên cơ sở khai thác, sản xuất, phân phối và sử dụng vật chất là các tác nhân hữu hình và hữu hạn thì tri thức là loại tài nguyên vô hình và vô hạn, ngày một nhiều hơn, tốt hơn, có thể khai thác lợi ích từ các tài nguyên thiên nhiên hiện có và tìm ra những tài nguyên mới.

b. Các nhân tố bên ngoài lực lượng sản xuất

Quan hệ sản xuất

Có rất nhiều yếu tố bên ngoài lực lượng sản xuất, ảnh hưởng đến sự phát triển của nó. Trong đó, yếu tố quan trọng nhất là quan hệ sản xuất. Trong mối quan hệ giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, quan hệ sản xuất là yếu tố không thụ động. Tuy hình thành trên cơ sở lực lượng sản xuất, nhưng quan hệ sản xuất có tác động trở lại đối với lực lượng sản xuất.

Quan hệ sản xuất quy định mục đích sản xuất, khuynh hướng phát triển các nhu cầu về lợi ích vật chất và tinh thần, quy định các hệ thống tổ chức quản lý sản xuất, quản lý xã hội, tác động đến thái độ của con người trong lao động sản xuất, đến cách thức tổ chức phân công lao động xã hội, đến tổ chức và ứng dụng khoa học công nghệ. Chính trên cơ sở quan hệ sản xuất tiến bộ hay lạc hậu mà hình thành một hệ thống những nhân tố thúc đẩy hoặc kìm hãm sự phát triển của sản xuất.

Do đó khi quan hệ sản xuất phù hợp với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất thì nó thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển mạnh mẽ, và ngược lại khi quan hệ sản xuất đã lỗi thời thì nó lại kìm hãm sự phát triển của lực lượng sản xuất. Tác động kìm hãm của quan hệ sản xuất đã lỗi thời đối

với sự phát triển của lực lượng sản xuất chỉ là tạm thời, theo quy luật khách quan, cuối cùng nó sẽ bị thay thế bằng một kiểu quan hệ sản xuất mới, phù hợp với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất, tạo đà cho lực lượng sản xuất phát triển.

Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI với nhận định: Lực lượng sản xuất bị kìm hãm không chỉ trong trường hợp quan hệ sản xuất lạc hậu mà cả khi quan hệ sản xuất phát triển không đồng bộ, có những yếu tố vượt quá xa so với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất. Từ đó, Đảng ta đã từng bước tạo lập được một lực lượng sản xuất tiên tiến, đưa ra chủ trương phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa (thực chất là nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, theo định hướng xã hội chủ nghĩa) để thích ứng với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất.

Dân số và các yếu tố chính trị - xã hội

Dân số là một trong những yếu tố ảnh hưởng không nhỏ tới sự phát triển của lực lượng sản xuất. Mỗi quốc gia, dân tộc phải có một số dân nhất định để có được lực lượng người lao động cần thiết cho việc tổ chức sản xuất, đảm bảo duy trì và phát triển đời sống xã hội. Dân số, tốc độ gia tăng dân số của một nước, ít nhiều có ảnh hưởng đến sinh hoạt vật chất, đến tồn tại và phát triển của nước đó. Vì dân số là điều kiện để đảm bảo lực lượng sản xuất của xã hội (người lao động) và lực lượng chiến đấu, bảo vệ Tổ quốc.

Số lượng dân cư và mật độ dân số có ảnh hưởng không nhỏ đến nguồn lao động, đến sự phân công lao động xã hội. Nó có thể kìm hãm hoặc thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế - xã hội. Bởi vai trò của điều kiện dân số luôn tác động lên sự phát triển của xã hội trên cả hai bình diện số lượng và chất lượng. Đặc biệt, hiện

nay vấn đề chất lượng dân số ngày càng được quan tâm đúng mức, gắn với nguồn nhân lực và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao.

Ở những nước có điều kiện tự nhiên và xã hội tương tự như nhau, nhưng yếu tố dân số khác nhau có thể đẩy nhanh hoặc kìm hãm tốc độ phát triển kinh tế và sự tiến bộ của xã hội, (vì phải giải quyết yêu cầu đầu tư lao động để mở rộng ngành nghề, khai thác tài nguyên, khai khẩn đất hoang, đẩy mạnh phân công lao động xã hội...).

Tuy vậy, không thể kết luận rằng dân số là yếu tố quyết định sự tồn tại và phát triển xã hội. Dân số không thể là căn cứ để giải thích tính chất của chế độ xã hội, và sự chuyển biến chế độ xã hội từ hình thái kinh tế - xã hội này sang hình thái kinh tế - xã hội khác không phải do dân số quyết định. Không phải cứ nước nào có số dân đông hơn những nước khác thì có chế độ xã hội tiến bộ hơn. Trong thực tế, có những nước số dân ít nhưng lại có một chế độ xã hội tiến bộ hơn, một hình thái kinh tế - xã hội cao hơn.

Dân số không chỉ là một nhân tố sinh vật mà còn là một nhân tố xã hội. Sự tăng dân số phụ thuộc vào tính chất chế độ xã hội, vào bản chất của hình thái kinh tế - xã hội. Mỗi hình thái kinh tế - xã hội có đặc thù về dân số của nó, không thể đồng nhất một cách trừu tượng quy luật về dân số trong các xã hội khác nhau. Sự phân tích trên để chứng minh rằng dân số cũng như người lao động là một điều kiện thiết yếu để đảm bảo lực lượng sản xuất xã hội phát triển.

Các yếu tố bên ngoài lực lượng sản xuất cũng có tác động đến sự phát triển của nó. Ngoài các yếu tố kể trên thì không thể không kể đến vai trò của các yếu tố khác như: điều kiện địa lý tự nhiên, đường lối, chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước, cũng như của đội ngũ các nhà hoạch định chính sách...

1.2. PHÁT TRIỂN LỰC LƯỢNG SẢN XUẤT THEO HƯỚNG CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA Ở VIỆT NAM

1.2.1. Phát triển lực lượng sản xuất thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam

a. Mục tiêu phát triển lực lượng sản xuất

Mục tiêu phát triển lực lượng sản xuất trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam là nhằm xây dựng cơ sở vật chất cho chủ nghĩa xã hội, xây dựng nước ta trở thành một nước công nghiệp có cơ sở vật chất - kỹ thuật hiện đại, cơ cấu kinh tế hợp lý, quan hệ sản xuất tiên bộ, phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, đời sống vật chất và tinh thần cao, quốc phòng, an ninh vững chắc, dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.

Phát triển lực lượng sản xuất trên cơ sở công nghiệp hóa, hiện đại hóa, không phải chỉ là phát triển nền công nghiệp. Mà đó còn là phát triển mọi lĩnh vực từ sản xuất vật chất và dịch vụ của nền kinh tế, cho đến các khâu trang thiết bị, phương pháp quản lý, tác phong lao động, kỹ năng, kỹ thuật sản xuất...

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa là xu hướng phát triển tất yếu của các nước trên thế giới. Đây cũng là con đường phát triển tất yếu của nước ta, vì mục tiêu “Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”. Công nghiệp hóa gắn với hiện đại hóa không chỉ là công cuộc xây dựng kinh tế mà chính là sự biến đổi cách mạng sâu sắc đối với quá trình phát triển kinh tế - xã hội, nhằm đưa đất nước thoát khỏi tình trạng nước nghèo, kém phát triển và rút ngắn khoảng cách tụt hậu so với các nước trong khu vực và trên thế giới.

b. Yêu cầu của sự phát triển lực lượng sản xuất

Để thực hiện được mục tiêu phát triển lực lượng sản xuất, phát huy có hiệu quả vai trò của lực lượng sản xuất đối với sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam, thì yêu cầu đầu tiên là phải xây dựng quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của nó.

Thứ hai, xuất phát từ vai trò quyết định của nhân tố con người trong lực lượng sản xuất, chúng ta phải đẩy mạnh hơn nữa sự nghiệp giáo dục - đào tạo, sử dụng và phát huy tốt nguồn lực con người với tư cách vừa là động lực, vừa là mục tiêu của quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Thứ ba, phát triển khoa học - công nghệ để nó thực sự là động lực then chốt của quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Thứ tư, để lực lượng sản xuất phát huy được vai trò quyết định, là động lực thúc đẩy sự phát triển của quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, thì phải có những điều kiện và động lực. Vì vậy, phải tạo động lực để kích thích tính tích cực, chủ động của lực lượng sản xuất. Cụ thể như: động lực lợi ích, động lực tâm lý xã hội, môi trường xã hội, tự nhiên thuận lợi...

1.2.2. Phát triển lực lượng sản xuất gắn với công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam

a. Khái niệm công nghiệp hóa, hiện đại hóa

Trước đây, công nghiệp hóa, hiện đại hóa được hiểu là quá trình cải tiến kỹ thuật của toàn bộ nền kinh tế, tức là quá trình chuyển từ một nền kinh tế nông nghiệp chủ yếu dựa trên kỹ thuật thủ công, sang nền kinh tế công nghiệp dựa trên kỹ thuật cơ khí hiện đại. Ngày nay, quan niệm truyền thống này không còn phù hợp với thời kì toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế và phát triển kinh tế tri thức.

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa là quá trình chuyển đổi căn bản, toàn diện các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và quản lý kinh tế - xã hội từ sử dụng sức lao động thủ công là chính sang sử dụng một cách phổ biến sức lao động cùng với công nghệ, phương tiện và phương pháp tiên tiến, hiện đại dựa trên sự phát triển của công nghiệp và tiến bộ khoa học - công nghệ nhằm tạo ra năng suất lao động xã hội cao [6, tr. 86].

b. Phát triển lực lượng sản xuất trên cơ sở công nghiệp hóa, hiện đại hóa

Chủ nghĩa xã hội muốn tồn tại và phát triển, cũng cần phải có một nền kinh tế tăng trưởng và phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu xã hội chủ nghĩa về tư liệu sản xuất. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa chính là quá trình tạo ra nền tảng cơ sở vật chất - kỹ thuật cho nền kinh tế quốc dân xã hội chủ nghĩa. Mỗi bước tiến của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa là một bước tăng cường cơ sở vật chất - kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội, phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất và góp phần hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa.

Như vậy, công nghiệp hóa, hiện đại hóa chỉ là biểu hiện trình độ phát triển lực lượng sản xuất chứ không phải lực lượng sản xuất và công nghiệp hóa, hiện đại hóa là hai yếu tố không tách rời nhau của một quá trình. Hơn nữa, phát triển lực lượng sản xuất không tách rời hoàn thiện quan hệ sản xuất và gắn với sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN LỰC LƯỢNG SẢN XUẤT Ở THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG HIỆN NAY

2.1. TỔNG QUAN VỀ THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

2.1.1. Khái quát về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội

Ở vào trung độ của đất nước, thành phố Đà Nẵng có vị trí trọng yếu cả về chính trị, kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng, là đầu mối giao thông quan trọng về đường bộ, đường sắt, đường biển và đường hàng không, cửa ngõ chính ra biển Đông của các tỉnh miền Trung, Tây Nguyên và các nước tiểu vùng Mê Kông, là cửa ngõ phía đông của hành lang kinh tế Đông - Tây.

Đây là lợi thế quan trọng cho phép thành phố Đà Nẵng mở rộng giao lưu kinh tế với các nước và các tỉnh, thành phố trong cả nước, tạo lực để trở thành trung tâm của vùng kinh tế trọng điểm miền Trung. Đặc biệt, thành phố Đà Nẵng còn có sân bay quốc tế, tuyến đường sắt quốc gia, tuyến quốc lộ 1A và quốc lộ 14B đi qua, thực sự là điểm trung chuyển hàng hóa lý tưởng vào nội địa, cũng như khu vực và thế giới. Thành phố Đà Nẵng đang chứa đựng nhiều tiềm năng và lợi thế để bứt phá trong công cuộc phát triển lực lượng sản xuất, đẩy mạnh hơn nữa sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Về vị trí địa lý

Thành phố Đà Nẵng có diện tích: 1.256,24 km² gồm 7 quận, huyện, với 47 xã, phường. Phía bắc giáp tỉnh Thừa Thiên - Huế, phía nam và tây giáp tỉnh Quảng Nam, phía đông giáp biển Đông. Thành phố Đà Nẵng cách Thủ đô Hà Nội 764 km về phía bắc, cách Thành phố Hồ Chí Minh 964 km về phía nam.

Về địa hình

Địa hình thành phố Đà Nẵng vừa có đồng bằng, vừa có núi. Trong đó, địa hình núi chiếm diện tích lớn, độ cao khoảng 700 - 1.500 m. Vùng núi cao và dốc tập trung ở phía tây và tây bắc, độ dốc lớn (trên 40⁰), là nơi tập trung nhiều rừng đầu nguồn, có ý nghĩa bảo vệ môi trường sinh thái của thành phố.

Về khí hậu

Thành phố Đà Nẵng nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa điển hình, nhiệt độ cao và ít biến động. Nhiệt độ trung bình hàng năm khoảng 25,9⁰C; cao nhất vào các tháng 6, 7, 8 (trung bình 28 - 30⁰C); thấp nhất vào các tháng 12, 1, 2 (trung bình 18 - 23⁰C). Riêng vùng rừng núi Bà Nà (độ cao xấp xỉ 1.500 m), nhiệt độ trung bình khoảng 20⁰C.

Về tài nguyên

Tài nguyên nước ngầm: khu vực có triển vọng khai thác nằm ở tệp đá vôi Hòa Hải và Hòa Quý, với chiều sâu tầng chứa nước 50 - 60m, có thể đảm bảo cung cấp cho nhà máy nước với công suất 5 - 10 nghìn m³/ngày đêm; khu vực Hòa Khánh ở độ sâu tầng chứa nước 30 - 90m, khả năng khai thác 10 nghìn m³/ngày đêm.

Tài nguyên biển: với chiều dài hơn 70km bờ biển, thành phố Đà Nẵng là chủ sở hữu các vịnh nước sâu, bãi tắm đẹp như Mỹ Khê, Non Nước, Nam Ô, Thanh Khê,... Đây là những cảnh quan đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển du lịch và nghỉ dưỡng tại địa phương. Ngoài ra, vùng biển thành phố Đà Nẵng có trữ lượng hải sản lớn, khả năng khai thác khoảng 60 - 70 nghìn tấn/năm. Tiềm năng về diện tích mặt nước là điều kiện thuận lợi cho việc hình thành nhiều vùng nuôi trồng thủy sản như: Thọ Quang, Nại Hiên Đông, Hòa Cường, vùng biển Cổ Cò,...

Tài nguyên đất: thành phố Đà Nẵng có nhiều loại đất khác nhau, song quan trọng nhất là hai nhóm: đất phù sa thích hợp với thâm canh cây lúa, trồng rau và hoa quả ven đô; đất đỏ vàng thích hợp với các loại cây công nghiệp dài ngày, cây đặc sản, dược liệu và chăn nuôi đại gia súc,...

Tài nguyên rừng: thành phố Đà Nẵng với hơn 36.729 ha diện tích đất rừng tự nhiên (năm 2000), phân bố chủ yếu ở những nơi có độ dốc lớn, địa hình phức tạp, tỷ lệ rừng che phủ đạt 49,6%, trữ lượng gỗ đạt khoảng 3 triệu m³.

Tài nguyên khoáng sản: bao gồm đá hoa cương, cát trắng, cát xây dựng, than bùn, fenspat, đất sét, nước khoáng, gỗ,... Đặc biệt, vùng thềm lục địa có nhiều triển vọng về dầu khí.

Tài nguyên du lịch: thành phố Đà Nẵng là nơi có nhiều thiết chế văn hóa, nhiều địa danh văn hóa - lịch sử nổi tiếng như: Bảo tàng Điêu khắc Văn hóa Chăm, Thành Điện Hải, Nghĩa trũng Hòa Vang, Nghĩa trũng Phước Ninh, Di tích nhà mẹ Nhu, Đình làng Nại Nam, Đình Bồ Bản, Đình Túy Loan,...

Ngoài ra, thành phố Đà Nẵng còn được thiên nhiên ban tặng nhiều danh lam thắng cảnh ngoạn mục, nên thơ như: Đèo Hải Vân, bán đảo Sơn Trà, núi Bà Nà, Núi Chúa, Ngũ Hành Sơn, các bãi tắm Mỹ Khê, Bắc Mỹ An, Non Nước, Thanh Khê, Nam Ô,... Đây là tiền đề thuận lợi cho việc phát triển nhiều loại hình du lịch tại địa phương.

Về kinh tế - xã hội

Dân số: năm 2011, số dân toàn thành phố Đà Nẵng là 951.680 người.

Nằm trong vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, gồm các tỉnh, thành phố: Đà Nẵng, Thừa Thiên - Huế, Quảng Nam, Quảng Ngãi và ở vào vị trí trung độ của cả nước với các trục đường Bắc - Nam xuyên Việt và Đông - Tây xuyên Á nối với Đông Bắc Campuchia, Nam Lào và Đông Bắc Thái Lan,

thành phố Đà Nẵng có điều kiện thuận lợi để xây dựng cảng biển nước sâu và rất thuận lợi trong các tuyến đường hàng hải quốc tế.

Đây cũng là yếu tố địa lí quan trọng, có khả năng hình thành các điểm trung chuyển hàng hóa thuận lợi cho các thị trường trong lục địa Đông Dương và khu vực Đông Nam Á. Hệ thống giao thông của thành phố Đà Nẵng bao gồm: đường bộ, đường sông, cảng biển, sân bay và hệ thống viễn thông tương đối hoàn chỉnh, sẽ tạo điều kiện hình thành nhanh các ngành công nghiệp hướng về xuất khẩu, các khu công nghiệp, khu chế xuất, mở rộng thị trường nội địa và thị trường khu vực.

Thành phố Đà Nẵng nằm ở trung độ “Con đường di sản thế giới” dài 1.500km, trải dọc theo bờ biển miền Trung trên quốc lộ 1A từ thành phố Vinh - Nghệ An đến Đà Lạt - Lâm Đồng. Tuyến đường này được hình thành nhằm liên kết “tam giác di sản” gồm cố đô Huế, phố cổ Hội An, thánh địa Mỹ Sơn với các di tích ở miền Trung, bảo đảm cho sự phát triển bền vững của ngành du lịch thành phố Đà Nẵng.

Thành phố Đà Nẵng với những lợi thế về vị trí địa lí, tiềm năng thiên nhiên ưu đãi. Vì vậy, thành phố đang giữ vị trí đặc biệt thuận lợi, tạo nền tảng cơ bản để thực hiện thành công sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển nhanh chóng và bền vững trong tương lai.

2.1.2. Những thành tựu về phát triển kinh tế - xã hội

Nền kinh tế phát triển tương đối toàn diện

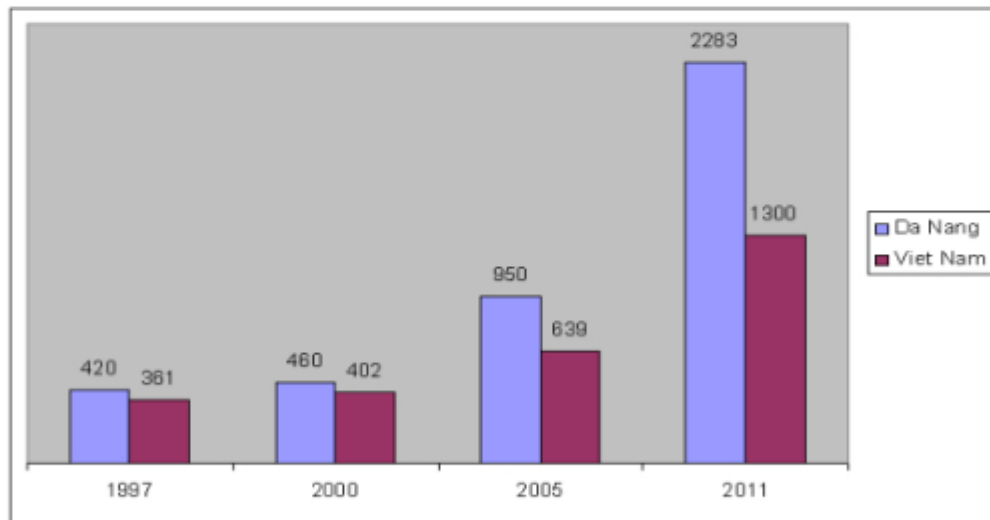
Đối với thành phố Đà Nẵng, sau khi chia tách từ tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng, chính thức trở thành thành phố trực thuộc Trung ương ngày 1/1/1997, tăng trưởng kinh tế có tầm quan trọng hàng đầu, không phải chỉ do xuất phát điểm của thành phố còn thấp so với các thành phố trực thuộc Trung ương khác, mà còn do yêu cầu đặt ra là phải tăng trưởng nhanh để sớm trở thành

một đô thị hiện đại của khu vực miền Trung - Tây Nguyên mà còn làm tiền đề để thực hiện nhiều mục tiêu kinh tế - xã hội như phát triển kết cấu hạ tầng đi trước một bước, tạo việc làm mới và giảm thất nghiệp, phát triển y tế, giáo dục...

Về quy mô, tổng sản phẩm trong nước (GDP) của thành phố năm 1997 theo giá so sánh là 2.589,8 tỷ đồng, đến năm 2009 đã tăng lên 9.236 tỷ đồng, tăng 3,5 lần, bình quân đạt 11,1%/năm (bình quân cả nước là 7,2%/năm). Do vậy, những thành tựu về tăng trưởng kinh tế của Đà Nẵng trong giai đoạn 1997 - 2009 là rất ấn tượng và đáng tự hào.

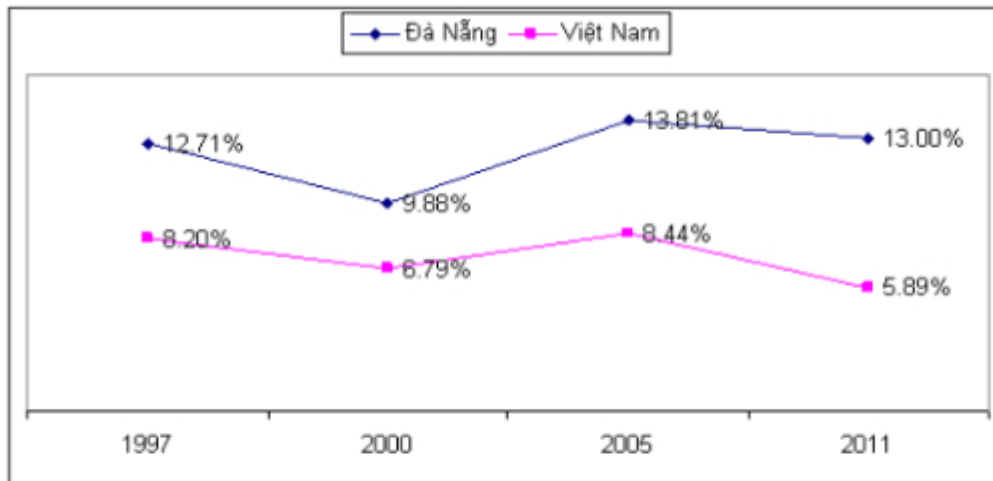
Kinh tế phát triển tương đối toàn diện, đạt tốc độ tăng trưởng khá, hiệu quả và sức cạnh tranh được nâng lên một bước. Tốc độ tăng GDP bình quân 11%/năm. GDP bình quân đầu người năm 2010 đạt 2.015 USD. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực theo hướng “dịch vụ - công nghiệp - nông nghiệp”.

ĐVT: USD



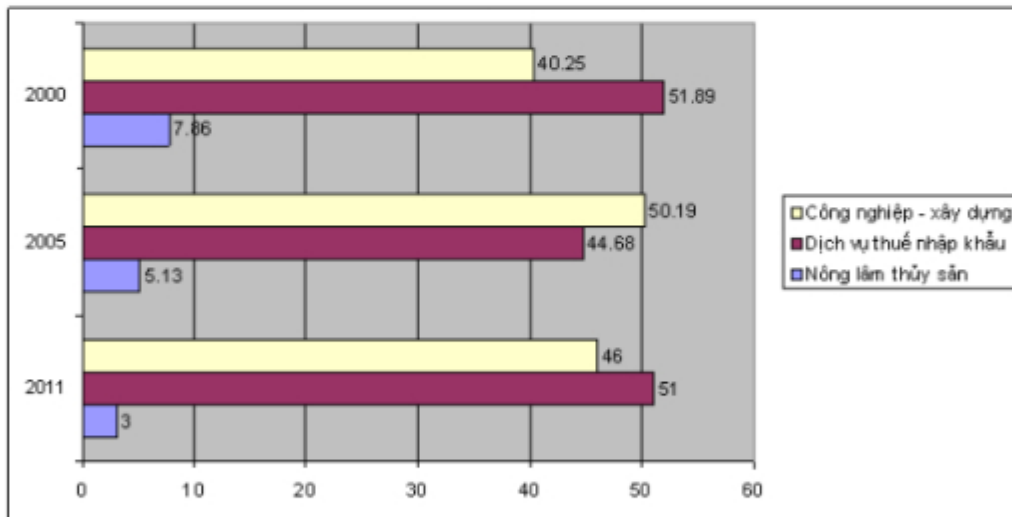
Nguồn: Cổng Thông tin điện tử thành phố Đà Nẵng

Hình 2.1: GDP bình quân đầu người tại thành phố Đà Nẵng



Nguồn: Cổng Thông tin điện tử thành phố Đà Nẵng

Hình 2.2: Tốc độ tăng trưởng GDP thành phố Đà Nẵng



Nguồn: Cổng Thông tin điện tử thành phố Đà Nẵng

Hình 2.3: Cơ cấu GDP thành phố Đà Nẵng theo ngành kinh tế

Về thành tựu các ngành kinh tế cơ bản của thành phố Đà Nẵng

Ngành công nghiệp

Công nghiệp là ngành kinh tế chủ lực của thành phố Đà Nẵng và có giá trị sản xuất tăng cao, trong đó ngành công nghiệp chế biến chiếm tỷ trọng trên 90% giá trị sản xuất toàn ngành. Các sản phẩm công nghiệp chủ lực của thành phố Đà Nẵng là thủy sản đông lạnh, dệt, may mặc, xi măng, lốp ô tô, da giày.

Bên cạnh đó, có một số sản phẩm khác tuy còn chiếm tỷ trọng thấp, nhưng có nhiều tiềm năng phát triển thành các sản phẩm công nghiệp chủ lực mới như: đóng tàu; cơ khí; sản xuất và lắp ráp ô tô, xe máy; thiết bị điện, điện tử và linh kiện điện tử - tin học; đồ uống (bia, các sản phẩm từ sữa...); sợi, vải lụa thành phẩm...

Kim ngạch xuất khẩu của các sản phẩm công nghiệp liên tục tăng cao; sản xuất công nghiệp thành phố năm 2010 có mức tăng trưởng khá, giá trị sản xuất công nghiệp đạt 12.431,33 tỷ đồng, tăng 14,35% so với năm 2009. Giá trị sản xuất công nghiệp trung ương ước đạt 5.093,21 tỷ đồng, tăng 2,78% so với cùng kì năm trước. Công nghiệp Nhà nước đóng tại địa phương ước đạt 120,54 tỷ đồng, tăng 8,62%. Giá trị sản xuất công nghiệp của khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 2.605,89 tỷ đồng, tăng 37,69%.

Về qui hoạch và phát triển các Khu công nghiệp, thành phố Đà Nẵng có 6 Khu công nghiệp tập trung với tổng diện tích qui hoạch là 1.451 ha, bao gồm: Khu công nghiệp Hòa Cầm, Khu công nghiệp dịch vụ thủy sản Đà Nẵng, Khu công nghiệp Đà Nẵng, Khu công nghiệp Liên Chiểu, Khu công nghiệp Hòa Khánh và Khu công nghiệp Hòa Khánh mở rộng.

Ngành nông - lâm - thủy sản

Năm 2010, sản lượng khai thác thủy sản thực hiện được 35.940 tấn, tăng 13,84% so với năm trước. Riêng khai thác nước mặn đạt 35.849 tấn; so với kế

hoạch đạt 97,05%; so với cùng kỳ năm trước đạt 114%. Kết cấu hạ tầng và dịch vụ nghề cá luôn được đầu tư nâng cấp, xây dựng mới. Hoạt động nuôi trồng thủy sản phát triển khá và đạt hiệu quả kinh tế cao, tốc độ tăng sản lượng nuôi trồng đạt bình quân 12,9%/ năm.

Sản xuất nông nghiệp của thành phố Đà Nẵng chủ yếu vẫn là cây lúa, với diện tích luôn chiếm trên 55% tổng diện tích gieo trồng. Năm 2010, năng suất lúa bình quân 56,3 tạ ha/vụ, so với cùng kỳ năm trước tăng 4,74%. Sau cây lúa là cây ăn quả, đặc biệt là rau các loại từng bước tăng tỷ trọng trong cơ cấu cây trồng; tốc độ tăng bình quân đạt 6,8%/ năm.

Ngành lâm nghiệp, thành phố Đà Nẵng chú trọng đẩy nhanh tiến độ trồng rừng, chủ yếu là rừng phòng hộ, rừng đầu nguồn đã nâng cao độ che phủ và bảo vệ cảnh quan phục vụ phát triển du lịch sinh thái. Bên cạnh đó, để hỗ trợ cho đời sống của các gia đình ở vùng nông thôn và miền núi. Chính quyền địa phương đã triển khai thực hiện nhiều chương trình như: trồng rừng kinh tế, đẩy mạnh khuyến lâm, phát triển kinh tế vườn đồi và các mô hình nông - lâm - thủy sản kết hợp cũng như khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia chế biến lâm sản xuất khẩu từ gỗ rừng trồng...

Dịch vụ

Các ngành dịch vụ ở thành phố Đà Nẵng ngày càng phát triển đa dạng, đóng góp tích cực vào sự tăng trưởng kinh tế của thành phố. Thành phố Đà Nẵng là một trong những trung tâm lớn về du lịch - thương mại, giao dịch tài chính - tín dụng, giáo dục - đào tạo và y tế của khu vực miền Trung - Tây nguyên.

Thương mại

Thương mại là lĩnh vực có bước phát triển nhanh và khá toàn diện. Tỷ trọng GDP thương mại luôn chiếm trên 30% tổng GDP khối dịch vụ. Tổng

mức bán lẻ hàng hoá và dịch vụ năm 2010 đạt gần 30.787 tỷ đồng, tăng 14,59% so cùng kỳ năm trước. Hệ thống hạ tầng thương mại của thành phố không ngừng được đầu tư và phát triển. Các siêu thị, trung tâm thương mại lớn lần lượt ra đời như các siêu thị: Bài Thơ, Intimex, Nhật Linh, Big C...; trung tâm Hội chợ triển lãm quốc tế, trung tâm bán buôn Metro... Mạng lưới đại lý và các kênh phân phối phát triển với trên 1.000 doanh nghiệp kinh doanh thương mại cùng với nhiều chi nhánh, văn phòng đại diện, kho hàng của các doanh nghiệp trên cả nước mở tại thành phố Đà Nẵng.

Hoạt động xuất khẩu của thành phố Đà Nẵng ngày càng khởi sắc. Kim ngạch xuất khẩu năm 2010 đạt gần 631,9 triệu USD, tăng 24,14%. Thị trường xuất khẩu được mở rộng ra 93 quốc gia và vùng lãnh thổ. Các sản phẩm xuất khẩu chủ yếu của thành phố Đà Nẵng là: dệt may, giày da, thủy sản, dăm gỗ, hàng thủ công mỹ nghệ, cà phê, đồ chơi trẻ em, đồ gỗ, xăm lớp cao su,...

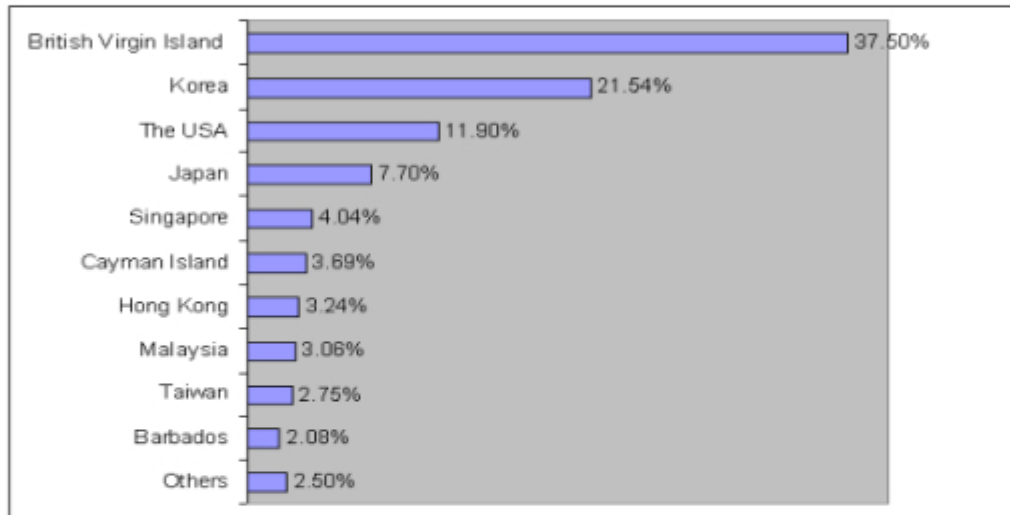
Về nhập khẩu, tổng kim ngạch nhập khẩu của thành phố Đà Nẵng có xu hướng tăng qua các năm. Năm 2010, kim ngạch nhập khẩu là 753,55 triệu USD, tăng 15,62% so cùng kỳ năm trước, trong đó tỷ trọng kim ngạch nhập khẩu máy móc, thiết bị, vật tư nguyên liệu phục vụ sản xuất chiếm 90%.

Các dịch vụ du lịch, vận tải, bưu chính - viễn thông, tài chính - ngân hàng, bảo hiểm, tư vấn... đều có bước phát triển khá với tỷ trọng đóng góp của các ngành này trong tổng GDP dịch vụ luôn đạt trên 11%; trong đó, tỷ trọng ngành du lịch ổn định ở mức 12,5 - 13,5% , tỷ trọng các ngành vận tải, bưu chính - viễn thông luôn đạt trên 11,5 - 16%.

Tình hình thu hút vốn đầu tư và kim ngạch xuất nhập khẩu

So với năm 2009, tổng vốn đầu tư phát triển thực hiện trên địa bàn thành phố năm 2010 tăng 12,33%, thực hiện 18.936 tỷ đồng, tăng 11,39% so kế hoạch. Trong năm có 19 dự án FDI mới được cấp Giấy chứng nhận đầu tư với

tổng vốn đầu tư 60,6 triệu USD và 7 dự án điều chỉnh tăng vốn với tổng số vốn tăng thêm là 60,58 triệu USD. Nâng tổng số vốn đầu tư cấp mới và tăng vốn lên 121,18 triệu USD. Lũy kế đến nay, trên địa bàn thành phố Đà Nẵng có 180 dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài với tổng vốn đăng ký là 2,79 tỷ USD. Tổng vốn thực hiện ước đạt 1,39 tỷ USD.



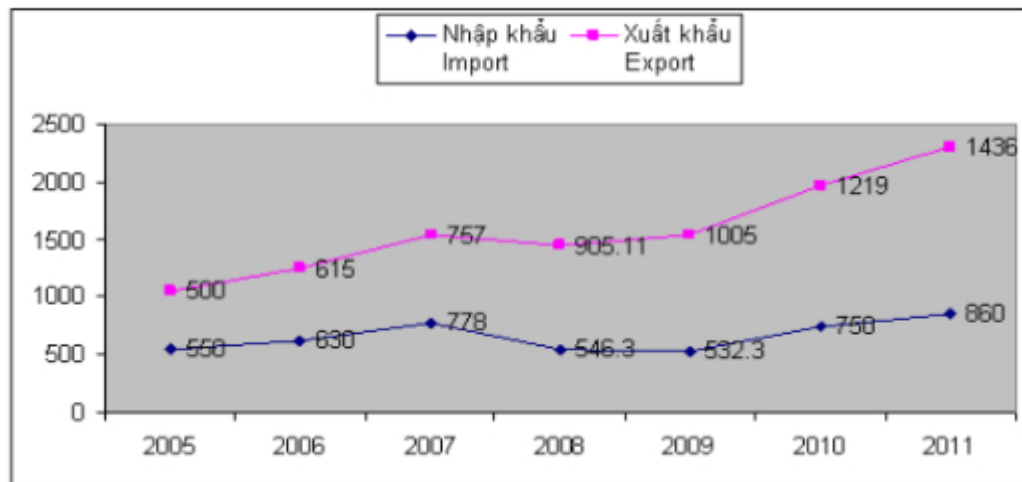
Nguồn: Cổng Thông tin điện tử thành phố Đà Nẵng

Hình 2.4: Đầu tư trực tiếp nước ngoài tại thành phố Đà Nẵng theo quốc gia

Về kim ngạch xuất nhập khẩu, thì trong giai đoạn 2005 - 2011, kim ngạch xuất khẩu của thành phố Đà Nẵng đạt tốc độ tăng trưởng đều đặn, năm sau luôn cao hơn năm trước. Năm 2011 kim ngạch xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ đạt 1.436 triệu USD, cao gần gấp 3 lần so với thời điểm năm 2005 (500 triệu USD).

Đối với kim ngạch nhập khẩu, có sự giảm sút vào các năm 2007 - 2009 và năm 2010 bắt đầu đà tăng trở lại. Năm 2011, kim ngạch nhập khẩu của thành phố Đà Nẵng đạt 860 triệu USD.

ĐVT: Triệu USD



Nguồn: Cổng Thông tin điện tử thành phố Đà Nẵng

Hình 2.5: Kim ngạch xuất nhập khẩu của thành phố Đà Nẵng

2.2. PHÁT TRIỂN LỰC LƯỢNG SẢN XUẤT Ở THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG - THÀNH TỰU VÀ HẠN CHẾ

2.2.1. Thực trạng nguồn lao động, tư liệu sản xuất

Với vị thế là trung tâm đào tạo của khu vực, nơi có nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn nghiệp vụ và tay nghề cao, thành phố Đà Nẵng có 6 trường đại học, 3 trường cao đẳng, 10 trường trung học chuyên nghiệp và trên 30 trung tâm dạy nghề, bảo đảm cung cấp đủ số lượng và chất lượng lao động theo yêu cầu của các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Người dân thành phố Đà Nẵng hiếu học, học giỏi, cần cù chịu khó, tiếp thu kiến thức nhanh là lợi thế quan trọng trong tiến trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển lực lượng sản xuất và hội nhập kinh tế quốc tế.

Về dân số và nguồn nhân lực, tính đến năm 2011, số dân toàn thành phố Đà Nẵng là 951.680 người. Trong đó, nam giới là 461.960 người, chiếm 48,54%; nữ giới là 489.720 người, chiếm 51,46%. Số dân ở thành thị là

828.660 người, chiếm 86,07% tổng số dân thành phố. Số dân ở nông thôn là 123.020 người, chiếm 12,93%. Tỷ lệ sinh là 16,08‰; tỷ lệ tử là 3,99‰; tỷ lệ tăng tự nhiên là 12,09‰.

Nguồn lao động của thành phố Đà Nẵng hiện có 655.026 người; lực lượng lao động có 480.880 người; lao động có việc làm là 457.500 người; học sinh - sinh viên là 119.146 người; đối tượng khác là 55.000 người. Tỷ lệ thất nghiệp của thành phố Đà Nẵng là 4,86%.

Lực lượng lao động của thành phố Đà Nẵng năm 2011, phân theo trình độ như sau: Công nhân kỹ thuật là 39.950 người, trung cấp là 27.440 người, đại học - cao đẳng là 88.000 người, còn lại đối tượng khác là 325.490 người.

Lao động bình quân của thành phố Đà Nẵng năm 2011 đang làm việc trong các ngành kinh tế quốc dân (có việc làm thường xuyên) phân ngành VSIC 2007 như sau:

Lao động có việc làm là 457.500 người; trong đó, lao động trong ngành nông lâm thủy sản là 38.000 người; công nghiệp chế biến, chế tạo là 90.000 người; ngành xây dựng là 48.500 người; bán buôn bán lẻ, sửa chữa ô tô, xe máy và xe động cơ khác là 87.000 người; dịch vụ lưu trú và ăn uống là 46.700 người; vận tải kho bãi là 28.000 người; giáo dục, đào tạo là 24.000 người... còn lại là lao động trong các ngành khác như công nhân khai thác mỏ; công nhân sản xuất phân phổ điện, nước, khí đốt và điều hòa không khí; công nhân cung cấp nước, hoạt động quản lý xử lý rác thải, nước thải; thông tin truyền thông; hoạt động tài chính, ngân hàng, bảo hiểm...

Về thực trạng các ngành kinh tế cơ bản của thành phố Đà Nẵng

Ngành chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá

Ngành chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá là nhóm ngành chiếm tỷ trọng lớn nhất trong ngành công nghiệp thành phố Đà Nẵng. Ngành chế biến

thực phẩm, đồ uống và thuốc lá chiếm gần 30% giá trị sản xuất công nghiệp toàn ngành, đạt tốc độ tăng trưởng cao. Các sản phẩm chính của ngành gồm: thủy sản đông lạnh xuất khẩu và bia.

Riêng thị trường bánh kẹo và đồ hộp hoàn toàn bỏ ngỏ cho sản phẩm nước ngoài và các địa phương khác chiếm lĩnh. Hầu hết các sản phẩm thủy sản đều được xuất khẩu với thị trường ngày càng được mở rộng. Bên cạnh thủy sản đông lạnh, các doanh nghiệp còn mở rộng cơ cấu mặt hàng sang các chủng loại hải sản sấy khô và tẩm gia vị. Chế biến nông sản chủ yếu phục vụ cho nhu cầu tiêu dùng tại chỗ, với quy mô nhỏ.

Ngành sản xuất hóa chất, cao su, nhựa, giấy, gỗ

Giữ vị trí thứ 2 trong ngành công nghiệp của thành phố Đà Nẵng. Nhóm ngành sản xuất hóa chất, cao su, nhựa, giấy, gỗ đang phát triển với tốc độ khá cao. Năng lực sản xuất chủ yếu tập trung vào các lĩnh vực sản xuất lớp ô tô với 150 nghìn sản phẩm/năm; lớp xe máy, xe đạp với 1,7 triệu sản phẩm/năm; sản phẩm nhựa trên 5 nghìn tấn/năm; bột giặt 6.500 tấn/năm; ô xy 150 nghìn bình/năm; axetylen 20 nghìn bình/năm; phân bón trên 5 nghìn tấn/năm; thuốc ống các loại hơn 15 triệu ống/năm; thuốc viên 742,5 triệu viên/năm; thuốc nước 188 nghìn lít/năm.

Trong ngành giấy, gỗ, toàn thành phố có 386 cơ sở, chiếm 10,25% giá trị sản xuất công nghiệp toàn ngành. Mặc dù sản xuất giấy không tăng trưởng, nhưng ngành chế biến gỗ lại phát triển mạnh, trong đó có 3 doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyên sản xuất hàng xuất khẩu.

Ngành dệt, may, da giày giữ vị trí thứ 3 trong ngành công nghiệp của thành phố Đà Nẵng. Nhóm ngành này chiếm giá trị khá lớn trong kim ngạch xuất nhập khẩu của thành phố. Trừ ngành dệt có phần giảm sút, còn lại ngành

da giày và may mặc đang trong xu thế phát triển, giải quyết nhiều lao động và thu hút sự quan tâm đầu tư của chính quyền thành phố.

Ngành sản xuất các sản phẩm từ khoáng phi kim loại

Toàn thành phố Đà Nẵng có 222 cơ sở sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại, với các sản phẩm chính như: xi măng gần 300 nghìn tấn/năm, gạch ceramic gần 1,8 triệu m²/năm, gạch, ngói...Thị trường tiêu thụ chủ yếu tại thành phố Đà Nẵng và các tỉnh miền Trung. Các sản phẩm này chiếm khoảng 13% giá trị sản xuất toàn ngành và thu hút gần 5 nghìn lao động. Một số đơn vị lớn thuộc nhóm ngành này là Công ty Xi măng Hải Vân và Công ty Gạch men Cosevco...

Ngành cơ khí luyện kim

Thành phố Đà Nẵng có hơn 700 cơ sở sản xuất cơ khí, luyện kim; trong đó chỉ có hơn 20 đơn vị sản xuất công nghiệp, số còn lại hoạt động dưới dạng cá thể. Trong những năm gần đây, một số doanh nghiệp đã nghiên cứu đầu tư đổi mới công nghệ, bổ sung thiết bị hiện đại như lò luyện thép trung tần, dây chuyền cuốn ống inox, dây chuyền mạ kẽm nhúng nóng, dây chuyền lắp ráp xe máy, hệ thống cán tôn, thiết bị cán sắt, máy tạo khuôn mẫu điều khiển bằng chương trình số CNC...

Nhờ vậy, ngành cơ khí luyện kim có thêm nhiều sản phẩm chất lượng cao hơn phục vụ nhu cầu sản xuất và đời sống như: các sản phẩm thiết bị điện, thép cán, tôn mạ kẽm, ô tô con và ô tô buýt lắp ráp, xe gắn máy lắp ráp,...Phải kể đến một số doanh nghiệp mạnh như: Công ty Cơ khí Ô tô và Thiết bị điện Đà Nẵng: lắp ráp ô tô, Công ty Thực phẩm và Đầu tư Công nghệ: lắp ráp và sản xuất linh kiện xe máy, Công ty Công nghiệp Tàu thủy: sản xuất thiết bị điện và tôn mạ. Trong thời gian tới, với sự đi lên của ngành đóng tàu, thành phố Đà Nẵng sẽ có thêm sản phẩm tàu biển trọng tải lớn.

Về kết cấu hạ tầng kỹ thuật

Về hàng không và cảng biển

Cảng Đà Nẵng là thương cảng lớn thứ 3 của Việt Nam sau cảng Sài Gòn và cảng Hải Phòng. Cảng Đà Nẵng gồm cảng Tiên Sa, cảng sông Hàn và cảng Liên Chiểu đang trong quá trình xây dựng. Vì vậy hiện nay cảng Tiên Sa đang là cảng chính. Cảng Tiên Sa đang xúc tiến cải thiện hệ thống liên kết với kho bãi nhờ vào viện trợ kinh phí của Chính Phủ Nhật Bản, và hiện có khả năng tiếp nhận tàu khách, tàu contener (25.000DWT) và tàu (35.000 DWT). Năng lực vận chuyển hàng hóa khoảng 4 triệu tấn/năm, với các chuyến quốc tế đến Nhật Bản, Đài Loan, Hồng Kong, Singapore, Hàn Quốc.

Về hàng không, nhà ga hành khách mới tại sân bay quốc tế Đà Nẵng được xây dựng ở phía Nam nhà ga cũ, với tổng diện tích sử dụng gần 36.600m², gồm 3 tầng và 1 tầng hầm. Nhà ga hành khách mới có 36 quầy thủ tục, được bố trí thuận tiện cho việc làm thủ tục chung cho cả quốc tế và quốc nội.

Hệ thống cấp nước: Nguồn cung cấp nước cho thành phố Đà Nẵng chủ yếu là từ các sông Cu Đê, Cẩm Lệ và Vĩnh Điện. Trong những năm gần đây, phát triển hệ thống cấp nước trở thành hạng mục ưu tiên của thành phố.

Nhà máy cấp nước của thành phố Đà Nẵng hiện nay có khả năng cung cấp 80.000 m³/ngày. Tuy nhiên, để đáp ứng nhu cầu về nước cho việc mở rộng sản xuất và sinh hoạt của người dân, thành phố Đà Nẵng đang xây dựng nhà máy nước có khả năng cung cấp 120 nghìn m³/ngày.

Hệ thống cấp điện: Kể từ năm 1994, khi đường dây siêu cao áp 500KV đưa thêm nguồn điện lưới Quốc gia về với Đà Nẵng, ngành điện đã cung cấp đủ cho nhu cầu sản xuất và sinh hoạt của thành phố. Bên cạnh đó, thành phố vẫn duy trì thêm nguồn điện diezen, chủ yếu phát dự phòng cho các phụ tải

quan trọng khi mất điện lưới Quốc gia, với công suất huy động 27,6 nghìn KW. Điện dùng trong công nghiệp và điện cho sinh hoạt của thành phố Đà Nẵng hiện nay, được cung cấp từ đường điện 500KV Bắc Nam. Khi có kế hoạch cắt điện cũng có nhiều doanh nghiệp sử dụng máy phát điện.

Về hạ tầng cuộc sống

Tại thành phố Đà Nẵng có 47 ngân hàng và chi nhánh ngân hàng, 9 công ty bảo hiểm, 4 công ty kiểm toán. Thành phố Đà Nẵng có trạm cáp quang quốc tế dưới biển, đường truyền thông tin với tốc độ 35 Mbps. Trong thành phố có thể sử dụng ADSL, cũng có một bộ phận sử dụng IP điện thoại.

Về thực trạng tư liệu sản xuất trong ngành thủy sản - nông - lâm nghiệp thành phố Đà Nẵng hiện nay

Trong những năm qua, mặc dù phải đối mặt với nhiều khó khăn và thử thách, nhưng ngành thủy sản - nông lâm nghiệp thành phố Đà Nẵng vẫn đạt mức tăng trưởng bình quân 6,59%/năm (2010), từng bước chuyển dịch theo hướng giảm tương đối trong cơ cấu GDP, từ 7,38% (năm 2001) xuống 6,02% (năm 2003), xuống 5% (năm 2005) và xuống 3% (năm 2010). Kết cấu hạ tầng kỹ thuật dần được tăng cường.

Cơ cấu kinh tế thủy sản - nông lâm nghiệp từng bước chuyển dịch theo hướng tăng sản xuất thủy sản, giảm nông nghiệp và lâm nghiệp. Điều đáng mừng là sản xuất của ngành đã bắt đầu tập trung theo chiều sâu, sản phẩm có chất lượng cao, mẫu mã đa dạng hơn, giá thành hợp lý được thị trường chấp nhận. Bước đầu hình thành một số vùng chuyên canh rau, cây ăn quả, vùng nuôi trồng thủy sản phục vụ nhu cầu thiết yếu của thành phố. Giá trị sản xuất của ngành luôn duy trì tăng trưởng ở mức từ 3 - 4%/năm, tỉ trọng GDP ngành nông nghiệp trong cơ cấu GDP của thành phố chuyển dịch theo hướng tích cực.

Trình độ lực lượng sản xuất của ngành ngày càng cao, quan hệ sản xuất từng bước phù hợp, nhiều cơ chế, chính sách được ban hành đã góp phần thúc đẩy và khai thác có hiệu quả các nguồn lực xã hội; cơ giới hóa, tự động hóa một số khâu, lĩnh vực trong ngành mang lại lợi ích nhiều mặt; kết cấu hạ tầng kinh tế vùng nông thôn, vùng biển, miền núi đã và đang được đầu tư hoàn chỉnh; đời sống vật chất, văn hóa, tinh thần của bà con nông dân không ngừng được nâng lên, vấn đề bảo vệ môi trường được chú trọng...

Các tiến bộ khoa học - kỹ thuật, công nghệ sinh học được ứng dụng rộng rãi. Cơ chế đầu tư thông thoáng của thành phố đã thu hút ngày càng nhiều vốn đầu tư từ các thành phần kinh tế vào lĩnh vực chế biến thủy sản, nông - lâm sản, kinh tế trang trại,... Do đó, thu nhập và đời sống của một bộ phận nông - ngư dân được nâng lên, bước đầu có tích lũy và tái đầu tư.

Phát huy tiềm năng, lợi thế của từng ngành, từng lĩnh vực nên trong lĩnh vực thủy sản, đã từ lâu, thành phố Đà Nẵng được xem là một trong những ngư trường và cảng cá lớn của khu vực. Với chiều dài hơn 70km bờ biển, thềm lục địa rộng lớn và quần đảo Hoàng Sa, thành phố Đà Nẵng có nhiều tiềm năng để phát triển kinh tế biển. Vì vậy, trong nhiều năm qua, kinh tế thủy sản đã trở thành điểm đột phá, góp phần đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế, giải quyết việc làm, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ Quốc gia trên biển, giữ vững an ninh, củng cố quốc phòng.

Kinh tế thủy sản phát triển tương đối toàn diện cả về năng lực sản xuất, lợi thế cạnh tranh và kết cấu hạ tầng. Khai thác hải sản chuyển dịch theo hướng tích cực, nhiều nghề có tiềm năng, có giá trị kinh tế cao, bền vững và bảo vệ môi trường được đầu tư phát triển. Do đó đã hình thành được những tổ khai thác quy mô lớn, hiện đại, công nghệ bảo quản tiên tiến. Lĩnh vực công nghiệp chế biến thủy sản phát triển cả về số lượng và chất lượng công nghệ. Kim ngạch xuất khẩu thủy sản tăng 12 - 13%/ năm.

Ngư trường thành phố Đà Nẵng có trữ lượng thủy sản khá lớn, có khả năng khai thác trên 150 - 200 nghìn tấn hải sản các loại mỗi năm. Trong đó có nhiều loài có giá trị kinh tế cao như: cá ngừ, cá thu, cá kiếm, cá cò,... Theo Hội Nghề cá thành phố Đà Nẵng, năm 2007 toàn thành phố có hơn 2.100 phương tiện hành nghề cá thì nay chỉ còn 1.370 phương tiện (trong đó có 200 tàu đánh bắt xa bờ), tổng công suất gần 112.000 CV. Sản lượng hải sản năm 2007 đạt hơn 40.000 tấn, giảm dần xuống, có năm chỉ đạt khoảng 30.000 tấn, năm 2012 đạt 35.000 tấn. Cũng trong năm 2012, thành phố Đà Nẵng có 9 tàu công suất từ 500 - 1.000CV vừa đóng mới.

Trong những năm gần đây, dưới tác động của các chính sách hỗ trợ từ Nhà nước và chính quyền thành phố, nên lĩnh vực khai thác hải sản của thành phố Đà Nẵng đã có sự chuyển biến mạnh sang đánh bắt xa bờ, có giá trị kinh tế cao, phục vụ nhu cầu tiêu dùng nội địa và xuất khẩu. Nhiều công trình kết cấu hạ tầng dịch vụ phục vụ khâu đánh bắt đã được đầu tư nâng cấp và xây mới. Hoạt động bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản gần bờ được quan tâm đầu tư hơn.

Nhằm nâng cao năng lực khai thác hải sản cũng như vươn khơi đánh bắt xa bờ, nên thành phố Đà Nẵng chú trọng xây dựng một thể hệ tàu cá công suất lớn. Minh chứng cụ thể cho điều đó là chỉ bốn tháng đầu năm 2013, toàn thành phố đã có 8 con tàu với công suất từ 400 - 880 CV được đóng mới. Đây là một thể hệ tàu lớn vừa có thể chống trả được cuồng phong của biển cả, vừa hiện ngang đối trọng với các tàu cá nước ngoài.

Mặc dù trong bối cảnh kinh tế - xã hội gặp nhiều khó khăn do khủng hoảng kinh tế đưa lại, song sản lượng khai thác hải sản của ngư dân trên địa bàn thành phố Đà Nẵng vẫn có dấu hiệu tăng lên. Năm 2012, ước 36.010 tấn, đạt 104,6% kế hoạch, tăng 4% so với năm 2011. Các DN chế biến thủy sản đã đầu tư nhiều dây chuyền chế biến, nhất là dây chuyền chế biến chả cá, nên sản

phẩm sau khai thác đều được tiêu thụ nhanh và tạo thuận lợi cho ngư dân. Cảng cá Thọ Quang tiếp tục được nâng cấp, đáp ứng tốt nhu cầu dịch vụ hậu cần nghề cá một cách quy mô, theo hướng hiện đại của thành phố.

Về trồng trọt, chăn nuôi

Kể từ khi chia tách tỉnh, ngành chăn nuôi của thành phố Đà Nẵng phát triển khá với nhịp độ tăng trưởng bình quân 11,9%/năm. Trong đó, chăn nuôi gia cầm tăng bình quân 18,5%/năm, chăn nuôi gia súc tăng 13,05%/năm. Phong trào chăn nuôi được đẩy mạnh, số lượng và sản lượng vật nuôi tăng lên đáng kể, tỷ trọng chăn nuôi trong nông nghiệp được cải thiện rõ rệt. Toàn thành phố Đà Nẵng đã xuất hiện những mô hình chăn nuôi quy mô lớn, như mô hình: lợn hướng nạc, bò thịt năng suất cao, thay thế đàn đàn bò vàng của địa phương.

Việc ứng dụng các tiến bộ khoa học, công nghệ, nhất là công nghệ giống mới được đưa vào sản xuất, từng bước hình thành các vùng sản xuất chuyên canh tập trung như: lúa, rau, hoa, cây cảnh, giết mổ và chăn nuôi tập trung... đảm bảo cho công tác quản lý, kiểm soát dịch bệnh, xử lý môi trường một cách hiệu quả. Năng suất cây trồng, vật nuôi tăng khá, năm 1997 năng suất lúa chỉ đạt 41 tạ/ha/vụ thì nay đạt trên 57 tạ/ha/vụ; sản lượng thịt gia súc, gia cầm cung cấp trên địa bàn khoảng 50.000 tấn/năm; sản lượng rau quả các loại khoảng 30.000 tấn/năm; các ngành dịch vụ phục vụ cho trồng trọt và chăn nuôi phát triển đồng bộ.

Về thủy lợi

Tất cả các công trình thủy lợi đầu mối như hồ chứa nước, trạm bơm điện, đập dâng, hệ thống kênh chính, nội đồng đã được đầu tư kiên cố, chủ động nước tưới cho hầu hết diện tích sản xuất trồng trọt, nuôi trồng thủy sản,...

Về lâm nghiệp

Trong lĩnh vực lâm nghiệp, thành phố Đà Nẵng có 66.892 ha đất lâm nghiệp, chiếm 53,2% diện tích đất tự nhiên, trong đó đất có rừng là 53.300 ha, với độ che phủ đạt 42,5% diện tích. Những khu rừng đặc dụng, phòng hộ như Sơn Trà, Bà Nà,...vừa có giá trị điều hòa khí hậu, vừa có giá trị về cảnh quan du lịch.

Lĩnh vực chế biến lâm sản có bước phát triển khá, từ 45 cơ sở chế biến gỗ (năm 1999) đã tăng lên 84 cơ sở (năm 2010), trong đó có 15 cơ sở chế biến lâm sản xuất khẩu có hệ thống máy móc thiết bị công nghệ tiên tiến, hiện đại. Kể từ khi thành phố Đà Nẵng đóng cửa rừng tự nhiên vào năm 2001, đến nay toàn thành phố có trên 6.000 ha rừng trồng kinh tế, nên phần lớn các cơ sở chế biến đều phải nhập khẩu và thu mua nguyên liệu từ các địa phương khác. Tuy vậy, giá trị xuất khẩu lâm sản của ngành năm 2003 đạt 5,6 triệu USD và sẽ còn tăng cao hơn trong những năm tới.

Công tác quản lý, bảo vệ rừng, trồng rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng cảnh quan môi trường, rừng ven biển... luôn được chú trọng. Qua đó phát huy vai trò điều hòa sinh thủy của rừng, bảo tồn đa dạng sinh học... phục vụ phát triển du lịch sinh thái. Bên cạnh đó, công nghiệp chế biến gỗ, lâm sản và hàng thủ công mỹ nghệ phát triển khá, nhiều mặt hàng có chất lượng cao, mẫu mã đẹp, xuất khẩu sang nhiều nước trên thế giới.

Trong quá trình phát triển, ngành thủy sản - nông - lâm của thành phố Đà Nẵng phải đối mặt với nhiều thách thức. Sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp vùng ven chưa được quan tâm thích đáng nên chưa có được những sản phẩm cây trồng, con vật nuôi tiêu biểu. Trong lĩnh vực thủy sản, khai thác thủy sản gần bờ còn chiếm tỷ trọng lớn, tiềm năng ngư trường vùng xa bờ chưa được khai thác triệt để. Sản xuất tôm giống còn bấp bênh vì quy hoạch

chưa rõ ràng. Trồng trọt và chăn nuôi vẫn phát triển ở quy mô kinh tế hộ, chất lượng cây trồng, vật nuôi còn thấp. Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến tình trạng trên là do công tác quy hoạch phát triển của ngành luôn bị phá vỡ do tốc độ đô thị hóa của thành phố diễn ra quá nhanh.

Về du lịch

Thành phố Đà Nẵng có chiều dài bờ biển hơn 70 km, trải dài từ đèo Hải Vân đến Non Nước với bờ cát trắng mịn, làn nước biển trong xanh với nhiều bãi biển đẹp như: Mỹ Khê, Non Nước, Bắc Mỹ An, Bãi Bụt, Tiên Sa, Nam Ô, Thanh Khê,... Thành phố Đà Nẵng còn có những danh thắng du lịch nổi tiếng như: Ngũ Hành Sơn, Bà Nà - Suối Mơ, đèo Hải Vân... đó là những điều kiện lí tưởng để phát triển du lịch thành phố theo hướng bền vững.

Với những lợi thế đó, nên mặc dù năm 2012 là một năm đầy thách thức do khủng hoảng kinh tế thế giới, nhưng du lịch của thành phố Đà Nẵng đã có những tín hiệu khả quan. Tổng lượt khách tham quan, du lịch đến thành phố Đà Nẵng ước đạt 2,7 triệu lượt, tăng 12% so với năm 2011. Thu nhập xã hội từ hoạt động du lịch ước đạt 6.000 tỷ đồng, tăng 36% so với năm 2011.

Đến nay, thành phố Đà Nẵng có 60 dự án đầu tư vào lĩnh vực du lịch với tổng vốn đầu tư 4.004,2 triệu USD, trong đó có 13 dự án đầu tư nước ngoài và 47 dự án đầu tư trong nước. Thành phố Đà Nẵng đang tập trung đầu tư để hoàn chỉnh hệ thống hạ tầng du lịch.

Để du lịch thực sự trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, đóng vai trò trung tâm động lực cho du lịch khu vực miền Trung - Tây Nguyên, các cấp chính quyền thành phố Đà Nẵng đã xây dựng chiến lược đầu tư toàn diện trước mắt và lâu dài nhằm khai thác triệt để hiệu quả tiềm năng du lịch của địa phương. Từ năm 1998, thành phố Đà Nẵng đã chính thức vào cuộc bằng dự án đánh thức “nàng công chúa” Bà Nà - Suối Mơ sau gần 100 năm ngủ quên với kinh

phí lúc đó lên tới 170 tỉ đồng. Với số vốn đầu tư này, Bà Nà - Suối Mơ đã nhanh chóng trở thành điểm du lịch độc đáo và hấp dẫn của thành phố Đà Nẵng.

Sau dự án xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật khu du lịch Bà Nà, tuyến đường ven biển Liên Chiểu - Thuận Phước với chiều dài 12,4 km cũng được đầu tư với số vốn lúc đó là 480 tỉ đồng, tuyến đường du lịch Sơn Trà - Điện Ngọc dài 24 km có số vốn đầu tư là 400 tỉ đồng đã hoàn thành vào năm 2003. Đây là hai tuyến đường khởi động cho dự án phát triển cụm di tích tổng hợp Quốc gia Lăng Cô - Sơn Trà - Hội An.

Ngoài ra, thành phố Đà Nẵng đang tiếp tục triển khai nhiều dự án du lịch ven biển như: dự án Nam Ô, Làng Vân, Xuân Thiều, Nam bán đảo Sơn Trà, Bãi Bụt, cụm dịch vụ Hòa Khánh - Thuận Phước,... với tổng kinh phí đầu tư hàng ngàn tỉ đồng, tạo tiền đề quan trọng thúc đẩy hoạt động đầu tư trong và ngoài nước vào ngành du lịch thành phố.

Hệ thống khách sạn trên địa bàn thành phố được các doanh nghiệp trong và ngoài nước đầu tư xây dựng mới và nâng cấp. Trong đó, một số khách sạn cao cấp như: Furama Resorts, Bamboo Green, Daesco, Datraco, Royal,... đã ra đời và đi vào hoạt động. Từ năm 2003, tại thành phố Đà Nẵng đã có 2 dự án đầu tư nước ngoài được triển khai xây dựng như: Khách sạn Riverview Hotel tiêu chuẩn 5 sao với số vốn đầu tư lên tới 24 triệu USD, rồi khu du lịch biển Vegas Club 5 sao đã ra đời...

Bên cạnh đó, thành phố Đà Nẵng cũng đã thu hút hàng chục dự án trong nước, tiêu biểu như: dự án Khu du lịch Bãi Nam có tổng vốn đầu tư 30 triệu USD, Khu du lịch Bãi Bụt có tổng vốn đầu tư 150 tỉ đồng, Khu Bãi Trẹm 50 tỉ đồng, Khu du lịch Tiên Sa,... Tính đến nay, trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, nhiều dự án du lịch được cho phép đầu tư với tổng vốn đầu tư hàng tỉ

USD. Trong đó, nhiều dự án thu hút nhiều tập đoàn lớn như: Vina Capital, Indochina Capital... đầu tư vào các sân golf, khách sạn, resort cao cấp ...

Về thực trạng tư liệu sản xuất trong ngành thương mại

Sau khi tách ra từ tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng năm 1997, kinh tế thành phố Đà Nẵng phát triển với tốc độ cao, khoảng 11,57%/năm. Cùng với sự phát triển mạnh mẽ của các ngành công nghiệp, xây dựng và thủy sản, thương mại - dịch vụ đã trở thành một trong những ngành kinh tế mũi nhọn của thành phố Đà Nẵng khi chiếm tới 51% GDP của thành phố. Kết quả này đã góp phần quan trọng kích thích sự tăng trưởng kinh tế của thành phố Đà Nẵng nói riêng và khu vực miền Trung - Tây Nguyên nói chung.

Hạ tầng thương mại từng bước được văn minh hóa với sự ra đời của Siêu thị Đà Nẵng, Siêu thị Big C, Co.opmart, metro,... Các cửa hàng, cửa hiệu tự chọn xuất hiện ngày càng nhiều. Văn minh thương mại ngày càng được cải tiến và lớn mạnh: chủng loại hàng hóa phong phú, đa dạng, chất lượng, giá cả hợp lý được người tiêu dùng chấp nhận và đến với siêu thị ngày càng tăng, sức mua nhờ đó tăng khoảng 15% - 20%.

Thói quen mua sắm hiện đại bắt đầu được hình thành và nhân rộng trong người dân thành phố. Hàng chục chợ lớn nhỏ được xây dựng mới, cải tạo, chỉnh trang đưa vào sử dụng theo quy hoạch. Một số chợ miền núi đã được xây dựng, bước đầu đảm bảo cung cấp hàng hóa thiết yếu phục vụ đời sống của người dân vùng nông thôn, miền núi như muối, I-ốt, dầu hỏa, lương thực, thực phẩm, quần áo,...

Số lượng doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thương mại - dịch vụ ngày càng tăng, với sự tham gia của hơn 3.100 doanh nghiệp và hơn 20 nghìn hộ cá thể, tạo nên thị trường phức hợp đan xen nhiều thành phần kinh tế. Bên cạnh đó, cơ chế thông thoáng về thủ tục thành lập, xuất nhập khẩu,... đã nhanh

chóng phát huy tác dụng khiến khu vực kinh tế tư nhân phát triển với tốc độ khá nhanh. Các doanh nghiệp thương mại nhà nước được củng cố, sắp xếp, cổ phần hóa, góp phần tăng hiệu quả kinh doanh.

Một số hoạt động dịch vụ như du lịch, bưu chính - viễn thông, vận tải, tài chính, ngân hàng tăng khá với 12,9%. Nhiều dịch vụ mới xuất hiện như thương mại điện tử, marketing, quảng bá thương hiệu, tiếp thị sản phẩm mới,... đã góp phần đổi mới một cách cơ bản các dịch vụ truyền thống, nâng cao các tiêu chí của chất lượng phục vụ. Thêm vào đó, các hình thức dịch vụ đa dạng như chăm sóc sức khỏe, sắc đẹp, văn hóa, thể thao, giải trí,... đã khiến hoạt động dịch vụ của thành phố Đà Nẵng ngày càng khởi sắc.

Thành phố Đà Nẵng đã không ngừng nâng cao hiệu quả xuất nhập khẩu. Do được cải tiến, đầu tư công nghệ, máy móc, kết hợp với đẩy mạnh công tác xúc tiến thương mại, sản phẩm xuất khẩu của thành phố Đà Nẵng từ chỗ chỉ có 40 nhóm sản phẩm với gần 100 mặt hàng đã tăng lên trên 50 nhóm sản phẩm với hơn 150 mặt hàng. Trong đó, chiếm tỷ trọng lớn nhất là nhóm ngành hàng công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp (chiếm 50%), tiếp đến là thủy sản (27,5%), nông - lâm sản (11%), dịch vụ (11,5%). Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu là nhóm dệt may 13,3%, da giày 12%, đồ gỗ gia dụng và hàng thủ công mỹ nghệ 3%, thủy sản đông lạnh chiếm 24,2%,...

Nhận thức được tầm quan trọng của ngành thương mại - dịch vụ đối với sự phát triển của nền kinh tế thành phố, Sở Công thương thành phố Đà Nẵng đã không ngừng tham mưu, xây dựng, quy hoạch hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật của ngành thương mại. Cụ thể là Sở Công thương thành phố đã đầu tư và đưa vào sử dụng một siêu thị, 13 chợ với tổng vốn đầu tư lên tới 100 tỷ đồng, 3 trung tâm thương mại, thương xá lớn, đó là Thương xá Vĩnh Trung, Trung tâm Thương mại văn phòng Phạm Hồng Thái - Nguyễn Thái Học, Trung tâm Thương mại văn phòng Lê Lợi - Hùng Vương. Thêm vào đó, 7 dự

án xây dựng chợ cũng đang trong giai đoạn xây dựng. Trong đó, trọng tâm là chợ đầu mối Hòa Cường, nơi tập trung mua bán hàng hóa với số lượng lớn và phát luồng bán buôn tại thị trường đô thị, miền núi trên địa bàn khu vực miền Trung - Tây Nguyên.

Là một trong ba trung tâm bưu chính - viễn thông lớn nhất của cả nước, trong những năm qua, Bưu điện thành phố Đà Nẵng đã xây dựng được hệ thống mạng lưới bưu chính - viễn thông rộng khắp, năng lực và chất lượng mạng tăng nhanh, tốc độ phát triển máy điện thoại cao, nhiều sản phẩm dịch vụ viễn thông mới ra đời và hoàn thiện nhằm đáp ứng nhanh chóng, kịp thời nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của thành phố trọng điểm miền Trung.

Bưu điện thành phố Đà Nẵng đã đầu tư trang bị hệ thống chuyển mạch 1000E10 gồm 3 tổng đài trung tâm và 23 tổng đài vệ tinh với tổng dung lượng hơn 125 nghìn số. Mạng truyền dẫn có 36 tuyến cáp quang với chiều dài hơn 153km, tổng dung lượng 604 luồng (đã sử dụng 320 luồng). Mạng ngoại vi gồm 150 nghìn đôi cáp chủ yếu đi ngầm trong lòng đất. Đến nay, dung lượng của tổng đài và cáp đã được khai thác hơn 90%, đạt đến ngưỡng của sự cho phép. Kết quả này cho thấy, Bưu điện thành phố Đà Nẵng đã sử dụng tốt hiệu quả đồng vốn đầu tư.

Mạng lưới bưu cục của thành phố Đà Nẵng với hơn 152 điểm giao dịch, đồng thời phát triển thêm 100 đại lý bưu điện, đưa bán kính phục vụ bình quân gần 1km nên hành trình đường thư, phát hành báo chí đảm bảo về thời gian cũng như chất lượng dịch vụ. Trong những năm qua, Bưu điện thành phố Đà Nẵng đã ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin vào công tác quản lý mạng như: xây dựng mạng LAN, WAN nhằm quản lý thống nhất dữ liệu mạng cấp, khách hàng, các chương trình báo cáo, quản lý, điều hành sản xuất và kinh doanh,... Đây được đánh giá là mạng diện rộng, có quy mô lớn và hiện đại của thành phố Đà Nẵng cũng như của toàn ngành, mạng thông tin

trên đã tạo nền tảng cho các ứng dụng thực tế nhằm đem lại hiệu quả cao trong sản xuất, kinh doanh như tiết kiệm nhân lực, giúp lãnh đạo nắm bắt, chỉ đạo nhanh chóng kịp thời và chính xác các hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Tóm lại, bên cạnh những mặt mạnh và tích cực như đã phân tích ở trên, thì sự phát triển tư liệu sản xuất ở thành phố Đà Nẵng cũng còn những hạn chế như trình độ công nghệ của đa số doanh nghiệp ở mức thấp; mức độ lạc hậu về công nghệ so với Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh từ 1 - 2 thế hệ, đặc biệt ở một số ngành, lĩnh vực như: đóng sửa tàu thuyền, hoá chất, dược phẩm, cơ khí chế tạo. Thiết bị sử dụng ở nhiều doanh nghiệp đã quá cũ, thậm chí có thiết bị đã sử dụng trên 30 năm. Hệ số hao mòn hữu hình lớn, bình quân 45,9%. Có rất ít các dây chuyền thiết bị mới được đầu tư một cách đồng bộ. Chất lượng tăng trưởng kinh tế của thành phố Đà Nẵng chưa cao; một số ngành, lĩnh vực phát triển chưa thật bền vững; vai trò động lực, sự hợp tác, liên kết khu vực và sức lan tỏa còn hạn chế. Kết cấu hạ tầng đô thị chưa thật đồng bộ.

2.2.2. Xu hướng vận động và phát triển của lực lượng sản xuất ở thành phố Đà Nẵng

Để tạo lập cơ sở vật chất kỹ thuật thì theo nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin, mọi quốc gia đều phải tiến hành quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Mục tiêu quan trọng nhất của công nghiệp hóa là nhằm phát triển sản xuất xã hội trước hết là lực lượng sản xuất.

Bộ phận cách mạng nhất, tạo ra nhiều giá trị gia tăng nhất của lực lượng sản xuất to lớn của xã hội ngày nay là khoa học công nghệ. Đó là lực lượng sản xuất hàng đầu. Do đó vai trò của các yếu tố vật chất có tính truyền thống của lực lượng sản xuất có sự thay đổi lớn, yếu tố trí tuệ có vai trò quyết định nhất trong mối quan hệ với yếu tố tài nguyên thiên nhiên, sức lao động.

Khuynh hướng biến đổi của yếu tố người lao động trong giai đoạn hiện nay là ngày càng được nâng cao hơn về trình độ, chuyên môn kỹ thuật, tay nghề, có khả năng làm việc trong môi trường công nghệ cao và cạnh tranh, có tác phong kỷ luật làm việc.

Lực lượng sản xuất là nhân tố thường xuyên biến đổi và phát triển. Sự biến đổi của lực lượng sản xuất có nhiều nguyên nhân. Một là do bản thân người lao động với những kinh nghiệm và kỹ năng không ngừng tích lũy và tăng lên. Hai là bản thân khoa học, công nghệ trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp.

Lực lượng sản xuất ở thành phố Đà Nẵng vận động theo xu hướng nông nghiệp thì con số về sản lượng tăng nhưng tỉ trọng trong GDP giảm, phát triển công nghiệp công nghệ cao, công nghệ thông tin - truyền thông, công nghệ phần mềm, du lịch - dịch vụ, tài chính - ngân hàng. Định hướng phát triển của thành phố Đà Nẵng đến năm 2020, theo đó lực lượng sản xuất phát triển theo hướng dịch vụ, công nghiệp, nông nghiệp hiện đại; góp phần đẩy mạnh hơn nữa sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa thành phố.

Thành phố Đà Nẵng đã đi đầu trong việc tập trung nâng cao quy mô, chất lượng, hiệu quả của nền kinh tế, tiếp tục đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng Dịch vụ - Công nghiệp - Nông nghiệp và áp dụng tiến bộ khoa học - công nghệ vào các ngành, các lĩnh vực. Phát triển đa dạng các dịch vụ, nhất là những dịch vụ công nghệ cao, có giá trị gia tăng cao. Dịch vụ Đà Nẵng có tiềm năng, lợi thế như: du lịch, dịch vụ cảng và vận tải biển, viễn thông, công nghệ thông tin, tài chính, ngân hàng, giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ... để Đà Nẵng từng bước trở thành trung tâm dịch vụ lớn ở khu vực miền Trung và của cả nước.

Phát triển dịch vụ đa dạng, với tốc độ tăng trưởng cao hơn khu vực sản xuất và cao hơn tốc độ tăng GDP, phần đầu đưa Đà Nẵng sớm trở thành một trong bốn trung tâm thương mại - dịch vụ lớn, vừa là trung tâm giao thương trong nước, vừa là cửa ngõ giao thương với nước ngoài. Đầu tư phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của thành phố. Ưu tiên phát triển và hiện đại hóa các ngành dịch vụ, nhất là dịch vụ du lịch, thương mại, tài chính, ngân hàng và các dịch vụ có giá trị gia tăng cao như viễn thông, vận tải, cảng biển, chăm sóc sức khỏe, giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ. Khuyến khích sản xuất và đẩy mạnh xuất khẩu; tăng tỷ trọng xuất khẩu sản phẩm chế biến.

Trong những năm qua, kinh tế thành phố Đà Nẵng tăng trưởng với tốc độ đáng mừng. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng giảm tỷ trọng ngành nông nghiệp, tăng tỷ trọng ngành công nghiệp - xây dựng, dịch vụ. Ngành công nghiệp có mức tăng trưởng khá, ngành du lịch được tập trung đầu tư phát triển, thu hút một số dự án đầu tư xây dựng khu du lịch cao cấp đạt tiêu chuẩn quốc tế như Furama Resort, Bãi Bụt, Non Nước - Bến Thành,...

Thành phố còn khuyến khích và thúc đẩy phát triển các ngành sản xuất công nghiệp có lợi thế cạnh tranh, công nghiệp phụ trợ, công nghiệp phục vụ nông nghiệp, chế biến nông lâm - thủy sản; tăng dần các ngành công nghiệp công nghệ cao, có giá trị gia tăng cao. Phát triển công nghiệp và xây dựng theo hướng tăng hàm lượng khoa học và công nghệ, chú trọng công nghệ cao, thân thiện với môi trường, như các sản phẩm thiết bị điện, điện tử, dược, phần mềm tin học, vật liệu mới, công nghiệp cơ khí chế tạo, cơ khí chính xác, công nghiệp chế biến hàng xuất khẩu.

Thành phố Đà Nẵng tiếp tục hình thành những ngành công nghiệp chủ lực, công nghiệp hướng xuất khẩu như: dệt may, da giày, chế biến hải sản, cơ khí, điện tử, hóa chất, vật liệu xây dựng theo công nghệ hiện đại và không gây

ô nhiễm môi trường. Nhằm mục đích khuyến khích mọi thành phần kinh tế tham gia đầu tư sản xuất công nghiệp, thành phố sẽ tập trung kêu gọi đầu tư vào các khu công nghiệp, hình thành các điểm công nghiệp dịch vụ nông thôn, khôi phục các làng nghề truyền thống, thực hiện nhất quán các cơ chế, chính sách ưu đãi.

Thành phố Đà Nẵng sẽ tập trung phát triển lĩnh vực công nghiệp công nghệ cao, xây dựng trung tâm công nghệ cao, khai thác tiềm năng kinh tế biển như vận tải biển, đóng tàu, đánh bắt xa bờ. Thành phố phát triển các ngành sản xuất, các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh, phát triển các dịch vụ có thể mạnh như vận tải, đường sắt, đường bộ, cảng biển, bưu chính - viễn thông, tư vấn, chuyển giao công nghệ.

Bên cạnh đó, thành phố Đà Nẵng cũng không ngừng tăng cường năng lực, hiện đại hóa công nghệ của các doanh nghiệp ngành xây dựng. Phát triển các khu công nghiệp tập trung, đặc biệt là khu công nghệ cao và khu công nghiệp công nghệ thông tin. Khuyến khích phát triển mạnh công nghiệp phụ trợ, các sản phẩm chủ lực, có lợi thế cạnh tranh.

Thành phố Đà Nẵng đã và đang tăng cường liên kết vùng, tạo nên sức mạnh mới để phát triển lực lượng sản xuất cũng như kinh tế - xã hội trong thời kỳ đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Để đảm bảo tốc độ tăng trưởng kinh tế như mong muốn, thành phố Đà Nẵng tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng của ngành công nghiệp cao như hiện nay. Cụ thể, tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2001 - 2010 là 16,01%/năm, chiếm 46,7% GDP của thành phố.

Thành phố Đà Nẵng tập trung đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu trong nội bộ ngành công nghiệp - xây dựng, phát triển ngành công nghiệp công nghệ thông tin trở thành một ngành kinh tế quan trọng của thành phố, xây dựng đồng bộ

kết cấu hạ tầng và triển khai thực hiện cơ chế chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư tại các khu công nghiệp. Phát triển công nghiệp của thành phố theo hướng công nghiệp sạch, phần lớn có hàm lượng kỹ thuật cao, không ảnh hưởng đến cảnh quan du lịch và môi trường khu vực.

Trong lĩnh vực dịch vụ, thành phố Đà Nẵng phát triển mạnh các hoạt động dịch vụ có thể mạnh như vận tải đường sắt, đường bộ, cảng biển, sân bay quốc tế, bưu chính viễn thông,...xây dựng thành phố Đà Nẵng trở thành đầu mối trung chuyển, quá cảnh và giao thương hàng hóa - dịch vụ của miền Trung. Bên cạnh đó, thành phố sẽ tận dụng tối đa điều kiện hạ tầng và cảnh quan thiên nhiên phong phú để phát triển đa dạng các loại hình du lịch như du lịch núi, du lịch biển, du lịch nghỉ dưỡng, du lịch sinh thái, du lịch văn hóa lịch sử,...qua đó đưa lĩnh vực du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn trong cơ cấu kinh tế của thành phố.

Đặc biệt, du lịch sẽ được tập trung đầu tư trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của thành phố, đưa Đà Nẵng thành trung tâm du lịch lớn của đất nước, đầu mối trung chuyển quá cảnh và giao lưu hàng hóa - dịch vụ của miền Trung - Tây Nguyên. Để thu hút nhiều hơn nữa nguồn đầu tư, thành phố tiếp tục xây dựng những cơ chế, chính sách vượt trội để đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng của thành phố, xây dựng các dự án trọng tâm, trọng điểm, những chiến lược xúc tiến đầu tư cấp vùng.

Khu vực kinh tế nông nghiệp, nông thôn của thành phố được đầu tư phát triển toàn diện, cả trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, thủy sản và dẫn đi vào nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sinh thái của vùng ven đô thị. Thành phố Đà Nẵng hướng đến mục tiêu giảm tỷ trọng nông nghiệp thuần túy, tăng tỷ trọng tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ ngành nghề nông thôn. Phát triển nông nghiệp toàn diện, theo hướng hiện đại, bền vững. Xây dựng nông thôn

mới văn minh, kết hợp hài hòa các yếu tố kinh tế, văn hóa, xã hội và bảo vệ môi trường.

Là địa phương có nghề cá phát triển mạnh trong khu vực cùng vùng nông nghiệp ven đô khá phong phú, thành phố Đà Nẵng có điều kiện phát triển nền nông nghiệp đô thị với những sản phẩm đa dạng, đặc thù và có chất lượng cao. Đây mạnh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

Ngành thủy sản - nông - lâm của thành phố Đà Nẵng có sự chuyển dịch cơ cấu tích cực theo hướng phát triển kinh tế biển, bảo vệ rừng và môi trường, cụ thể: tăng tỉ trọng các ngành thủy sản, chăn nuôi, giảm tỉ trọng khai thác lâm nghiệp và giữ ổn định tỉ trọng nông nghiệp. Sản xuất của ngành thủy sản - nông - lâm phát triển theo hướng tập trung hóa, chuyên môn hóa; hình thành các vùng chuyên canh, các trang trại sản xuất tập trung.

Đặc biệt, để phát huy tiềm năng, lợi thế của mình, thành phố Đà Nẵng phấn đấu trở thành một trung tâm kinh tế biển, trung tâm hậu cần nghề cá mạnh của cả vùng và cả nước, với hệ thống kết cấu hạ tầng, cơ sở dịch vụ phục vụ nuôi trồng, đánh bắt, chế biến và xuất khẩu thủy sản đồng bộ và hiện đại. Phát triển kinh tế biển gắn với bảo vệ tài nguyên biển, an ninh và chủ quyền biển, đảo của quốc gia. Mục tiêu chung của đất nước là cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020 thì thành phố Đà Nẵng phải phấn đấu đạt mục tiêu này trước năm 2020.

Về hệ thống kết cấu hạ tầng: Phát huy những thành tựu đã đạt được về xây dựng kết cấu hạ tầng, quản lý, chỉnh trang và phát triển đô thị thời gian qua, trong thời gian tới, thành phố Đà Nẵng tiếp tục hoàn thiện và từng bước hiện đại hóa hệ thống kết cấu hạ tầng của thành phố. Hệ thống giao thông đô thị được thành phố tiếp tục tổ chức tốt, nhất là hệ thống giao thông công cộng.

Thành phố Đà Nẵng luôn coi trọng công tác giữ gìn vệ sinh, bảo vệ môi trường, đảm bảo phát triển bền vững và chất lượng cuộc sống của nhân dân ngày một nâng cao, xứng đáng là đô thị loại I của cả nước và xứng đáng là trung tâm phát triển kinh tế của khu vực miền Trung - Tây Nguyên.

2.2.3. Ảnh hưởng của toàn cầu hóa và cách mạng khoa học công nghệ hiện đại đối với sự phát triển của lực lượng sản xuất ở thành phố Đà Nẵng

Trong thời đại ngày nay, cùng với xu thế toàn cầu hóa, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nên đời sống xã hội không thể không dựa vào nền tảng vững chắc của khoa học - công nghệ hiện đại. Trước đây, C. Mác đã từng cho rằng: *“Theo đà phát triển của nền đại công nghiệp, việc tạo ra của cải thực sự trở nên ít phụ thuộc vào thời gian lao động và vào số lượng lao động đã hao phí hơn là vào những tác nhân được dựa vào vận động trong suốt thời gian lao động. Đến một trình độ nào đó, tri thức khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp”* [43, tr.341]. Nhận định này của C. Mác ngày càng được thực tiễn chứng minh, khoa học - công nghệ hiện đại ngày càng đóng vai trò là yếu tố then chốt của công nghiệp hóa, hiện đại hóa, quyết định lợi thế cạnh tranh và tốc độ phát triển của các quốc gia.

Tóm lại, vai trò to lớn của khoa học - công nghệ trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở thành phố Đà Nẵng thể hiện ở chỗ:

Thứ nhất, khoa học - công nghệ là yếu tố quan trọng tạo nên sự phát triển nhanh chóng của lực lượng sản xuất của thành phố Đà Nẵng trong quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Nó trở thành điều kiện, phương tiện cơ bản để nâng cao hiệu quả của hệ thống các nguồn lực khác.

Thứ hai, sự tác động của khoa học - công nghệ là nhân tố tích cực thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện

đại hóa. Đồng thời, nó là tiền đề quan trọng nhất cho việc thực hiện quá trình chuyển từ tăng trưởng theo chiều rộng sang tăng trưởng theo chiều sâu ở thành phố Đà Nẵng hiện nay.

Thứ ba, khoa học - công nghệ góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống cả về vật chất và tinh thần của nhân dân thành phố.

Thứ tư, khoa học - công nghệ góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh, nâng cao vị trí và lợi thế so sánh của thành phố Đà Nẵng với các tỉnh, thành phố khác trong quá trình phát triển lực lượng sản xuất, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

CHƯƠNG 3
PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN
LỰC LƯỢNG SẢN XUẤT Ở THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
THỜI KỲ ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HÓA,
HIỆN ĐẠI HÓA

3.1. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN LỰC LƯỢNG SẢN XUẤT Ở
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

3.1.1. Phát triển lực lượng sản xuất theo hướng công nghiệp hóa,
hiện đại hóa

a. Những thuận lợi trong phát triển lực lượng sản xuất ở thành phố
Đà Nẵng

Kinh tế thành phố Đà Nẵng có sự phát triển tương đối toàn diện, đạt tốc độ tăng trưởng khá, hiệu quả và sức cạnh tranh không ngừng được nâng lên. Tốc độ tăng GDP bình quân 11%/năm. GDP bình quân đầu người năm 2010 đạt 2.015 USD. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực theo hướng “dịch vụ - công nghiệp - nông nghiệp”.

Kết cấu hạ tầng phát triển nhanh cả về mặt quy mô và tốc độ, do đó đã tạo nền tảng phát triển các lĩnh vực khác; công tác quản lý đô thị, tài nguyên và bảo vệ môi trường chuyên biến tích cực. Các chủ trương về khai thác quỹ đất, tạo vốn để xây dựng kết cấu hạ tầng theo phương châm “Nhà nước và nhân dân cùng làm” cùng với công tác đền bù, giải tỏa tái định cư được Thành ủy, chính quyền thành phố chi đạo thực hiện có hiệu quả, thể hiện sự năng động, sáng tạo trong cách nghĩ, cách làm của Thành ủy cũng như chính quyền thành phố Đà Nẵng và sự đồng thuận cao của nhân dân thành phố.

Thành phố Đà Nẵng là một trong những địa phương có tốc độ tăng trưởng kinh tế khá cao trong cả nước, với tốc độ tăng trưởng GDP bình quân giai đoạn 1997 - 2010 (theo giá cố định 1994) đạt 11,30%/năm so với mức bình quân 7,27%/năm của cả nước. Qua các năm, giá trị sản xuất công nghiệp, thủy sản - nông - lâm, tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ xã hội đều có xu hướng tăng lên. Điều quan trọng là mức tăng trưởng này khá phù hợp với sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế của thành phố theo hướng giảm tỉ trọng ngành nông nghiệp, tăng dần tỉ trọng ngành công nghiệp - xây dựng và dịch vụ - du lịch.

Thu nhập bình quân đầu người của thành phố Đà Nẵng trong những năm qua được nâng lên rõ rệt, năm sau cao hơn năm trước. Nếu GDP bình quân đầu người tính theo giá hiện hành năm 1997 là 4,8 triệu/người, đến năm 2000 là 6,9 triệu/người, năm 2005 là 14,8 triệu/người thì năm 2010 đã đạt mức 35,8 triệu/người/năm (tăng gấp 7,4 lần so với năm 1997).

Bên cạnh đó, công tác thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao cũng luôn được lãnh đạo thành phố quan tâm, chú trọng. Các cấp, ban, ngành có liên quan đã triển khai tốt chính sách thu hút, trọng dụng nhân tài của thành phố, mà cụ thể là Quyết định 47/2008/QĐ - UBND về phê duyệt Đề án hỗ trợ đào tạo bậc đại học tại các cơ sở giáo dục trong nước và ở nước ngoài bằng ngân sách Nhà nước dành cho học sinh các trường THPT trên địa bàn thành phố và Quyết định 17/2010/QĐ - UBND về việc tiếp nhận, bố trí và chính sách ưu đãi đối với những người tự nguyện đến làm việc tại các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Tính đến tháng 7 năm 2011, toàn thành phố Đà Nẵng đã tiếp nhận được 184 người, trong đó có 10 tiến sĩ, 144 thạc sĩ. Ngoài ra, còn có một số lượng lớn cán bộ được cử đi đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ ở nước ngoài theo Đề án 393 của thành phố và đối tượng đào tạo lãnh đạo, quản lý cho các chức danh chủ chốt

tại phường, xã theo Đề án 89. Vấn đề đào tạo cũng như thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao sẽ là chiến lược dài hạn, nhằm góp phần đảm bảo sự phát triển nhanh chóng lực lượng sản xuất của thành phố Đà Nẵng.

Công tác huy động các nguồn lực cho đầu tư phát triển ở thành phố Đà Nẵng tăng nhanh. Hoạt động của các thành phần kinh tế khá sôi động. Tốc độ đô thị hóa phát triển tương đối toàn diện, bộ mặt đô thị dần được hình thành theo hướng văn minh, hiện đại. Các lĩnh vực giáo dục - đào tạo, khoa học và công nghệ, văn hóa - xã hội đều có sự tiến bộ vượt bậc. Công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân, giảm nghèo, chăm lo đối tượng thuộc diện chính sách, đối tượng xã hội và người nghèo, các chương trình “thành phố 5 không”, “thành phố 3 có”... đạt nhiều kết quả đáng khích lệ, góp phần xây dựng thành phố Đà Nẵng theo hướng văn minh, hiện đại, giàu tính nhân văn.

Lĩnh vực Quốc phòng - An ninh gắn với xây dựng khu vực phòng thủ được củng cố; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và sự ổn định chính trị - xã hội trên địa bàn tiếp tục được giữ vững. Công tác xây dựng Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ; công tác xây dựng chính quyền, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các cơ quan dân cử; xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh.

Mặt trận và các đoàn thể chính trị - xã hội tiếp tục được đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động. Quyền làm chủ và dân chủ của nhân dân không ngừng được tôn trọng và phát huy; đồng thuận xã hội và khối đại đoàn kết toàn dân được tăng cường. Cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” được tổ chức triển khai sâu rộng, đạt kết quả bước đầu quan trọng, tạo sức lan tỏa sâu rộng trong chính quyền cũng như nhân dân thành phố.

b. Những khó khăn trong phát triển lực lượng sản xuất ở thành phố Đà Nẵng

Bên cạnh những thuận lợi nêu trên, thì phát triển lực lượng sản xuất ở thành phố Đà Nẵng cũng gặp phải những khó khăn như:

Kinh tế thành phố Đà Nẵng mặc dù có tốc độ tăng trưởng khá cao, nhưng quy mô kinh tế còn nhỏ bé, chưa ổn định, chưa tương xứng với tiềm năng và lợi thế của thành phố. Vai trò động lực, liên kết khu vực và tính lan tỏa của thành phố Đà Nẵng nhìn chung còn hạn chế. Tăng trưởng kinh tế chủ yếu còn phát triển theo chiều rộng, chậm phát triển theo chiều sâu...

Nhìn chung, kinh tế thành phố Đà Nẵng chưa hình thành được các ngành mũi nhọn và những sản phẩm chủ lực, mang tính đặc trưng. Thế mạnh kinh tế biển chưa được khai thác tốt. Trong lĩnh vực nông nghiệp, các phương thức canh tác nông nghiệp tiên tiến chưa được ứng dụng trên diện rộng. Quy mô của các doanh nghiệp còn nhỏ bé, sức cạnh tranh yếu, hiệu quả sản xuất - kinh doanh chưa cao. Khu vực kinh tế dân doanh chưa được quan tâm đầu tư đúng mức.

Nhìn một cách tổng quát, lĩnh vực công nghiệp chế biến chiếm tỷ trọng lớn nhất, trên 94,5% cơ cấu công nghiệp của thành phố Đà Nẵng. Kế đến là lĩnh vực công nghiệp sản xuất, phân phối điện, nước chiếm 5%, công nghiệp khai thác mỏ chiếm 0,5%.

Về thương mại, dịch vụ, du lịch của thành phố Đà Nẵng, tuy tốc độ tăng trưởng khá nhưng chưa đồng bộ; quy mô công nghiệp còn nhỏ; công nghiệp, dịch vụ công nghệ cao phát triển chậm. Kinh tế biển chưa được đầu tư, phát triển đúng tầm chiến lược biển của quốc gia. Kết cấu hạ tầng tuy được đầu tư phát triển nhanh nhưng chưa thật sự đồng bộ, chưa đáp ứng được yêu cầu đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Lĩnh vực văn hóa, xã hội vẫn còn những mặt hạn chế; kết cấu hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị phục vụ công tác đào tạo cũng như nghiên cứu khoa học còn thiếu và yếu, chưa đáp ứng yêu cầu đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao. Kết quả công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị, đào tạo đội ngũ cán bộ chưa ngang tầm với nhiệm vụ chính trị của thời kì mới. Năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của một số tổ chức cơ sở đảng còn hạn chế.

Về lực lượng lao động: Lực lượng lao động của thành phố Đà Nẵng chiếm gần 50% dân số thành phố. Theo số liệu thống kê của Trung tâm Xúc tiến đầu tư thành phố, năm 2011 lao động có trình độ đại học, cao đẳng chiếm 18% lực lượng lao động thành phố, công nhân kỹ thuật chiếm 9%, trung cấp chiếm 5% và 68% lực lượng lao động khác. Qua con số thống kê có thể thấy, lực lượng lao động thành phố được đào tạo cơ bản, có trình độ chuyên môn kỹ thuật và tay nghề, có thể đáp ứng nhu cầu về nguồn nhân lực của các doanh nghiệp tại thành phố cũng như cả ở khu vực miền Trung - Tây Nguyên.

Hiện nay, toàn thành phố có 24 trường đại học và cao đẳng, 19 trường trung học chuyên nghiệp và 59 trung tâm dạy nghề. Trong đó, Đại học Đà Nẵng là đại học đa ngành và đa cấp có quy mô lớn, đóng vai trò chủ đạo trong việc đào tạo nguồn nhân lực và nghiên cứu khoa học ở khu vực miền Trung - Tây Nguyên nói riêng và cả nước nói chung.

Ngoài những lợi thế về dân số và nguồn lực lao động như trên, thì chất lượng và cơ cấu nguồn nhân lực của thành phố Đà Nẵng nhìn chung còn nhiều bất cập. Về tổng thể, thị trường lao động của thành phố Đà Nẵng có đặc điểm cung lớn hơn cầu. Tỷ lệ lao động qua học nghề, nhất là đào tạo nghề chính quy còn thấp dẫn đến chất lượng lao động thấp, nguồn nhân lực dư thừa, phân bố mất cân đối.

Lực lượng lao động tuy đông, nhưng chất lượng chưa cao, năng suất lao động hạn chế nên giá thành thấp, không đáp ứng được yêu cầu của công việc. Hiện nay tỷ lệ lao động qua đào tạo còn thấp trong tổng số lực lượng lao động xã hội của thành phố. Phần lớn lao động có tay nghề chuyên môn cao làm ở các cơ quan trung ương, cũng như tập trung ở hai đầu đất nước là Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh. Ở nông thôn, lao động qua đào tạo còn thấp.

Cơ cấu lao động qua đào tạo giữa đại học, trung học chuyên nghiệp và công nhân kỹ thuật ở thành phố Đà Nẵng còn bất hợp lý, tình trạng “thừa thầy thiếu thợ” vẫn diễn ra. Lực lượng lao động của thành phố tuy tiếp thu nhanh, khéo tay và có tính sáng tạo, song tính kỷ luật còn yếu, tác phong công nghiệp chưa cao.

Tóm lại, lực lượng lao động của thành phố Đà Nẵng về tổng thể còn thiếu và yếu; thị trường nhỏ, manh mún. Chính vì thế nên *“phấn đấu đến năm 2020, Đà Nẵng có quy mô dân số không vượt quá 2 triệu người, trở thành một thành phố có môi trường đô thị văn minh và giàu tính nhân văn, có thiên nhiên trong lành và đời sống văn hóa cao, làm giàu bằng kinh tế tri thức; một thành phố hấp dẫn và đáng sống”* [2, tr. 25].

Ngoài nguyên nhân chủ quan thì những hạn chế, khó khăn trong phát triển lực lượng sản xuất ở thành phố Đà Nẵng thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa còn do ảnh hưởng một phần không nhỏ trình độ phát triển chưa cao của khu vực kinh tế miền Trung, Tây Nguyên.

3.1.2. Những phương hướng lớn nhằm phát triển lực lượng sản xuất ở thành phố Đà Nẵng

a. Phát triển các ngành dịch vụ, nhất là dịch vụ du lịch và thương mại

Thành phố Đà Nẵng tập trung phát triển mạnh du lịch và các dịch vụ mà thành phố có thế mạnh, xây dựng thành phố Đà Nẵng trở thành một trong

những trung tâm thương mại, du lịch, dịch vụ lớn của cả nước. Cụ thể, thành phố Đà Nẵng sẽ phối hợp với Tổng cục Du lịch xúc tiến xây dựng một số khu du lịch cao cấp đạt tiêu chuẩn quốc tế, có các dịch vụ dành riêng cho người nước ngoài, xây dựng phương án, đề án đưa khu vực Hải Vân, bán đảo Sơn Trà vào phát triển du lịch.

Bên cạnh đó, thành phố sẽ mở ra nhiều tour, tuyến và đa dạng hóa các loại hình du lịch, nâng cao chất lượng các sản phẩm du lịch, đẩy mạnh hoạt động quảng bá, thu hút khách du lịch, nhất là khách nước ngoài. Đồng thời, nâng thời gian lưu trú của khách, tăng cường đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý và kinh doanh du lịch ngang tầm với yêu cầu mới.

Về ngành thương mại, thành phố Đà Nẵng sẽ phát huy lợi thế về vận tải, xây dựng Đà Nẵng trở thành đầu mối trung chuyển, quá cảnh và giao thương hàng hóa - dịch vụ của khu vực, trở thành trung tâm thương mại lớn của miền Trung cũng như của cả nước. Hàng loạt công trình lớn sẽ được xây dựng như: Trung tâm hội chợ triển lãm quốc tế, trung tâm thông tin thương mại và thương mại điện tử miền Trung tại thành phố Đà Nẵng.

Ngoài ra, thành phố Đà Nẵng còn phát triển các kho trung chuyển, xây dựng và nâng cấp các trung tâm thương mại, các khu dịch vụ thương mại tổng hợp. Thành phố cũng tiếp tục thúc đẩy mở rộng một số hoạt động, ngành dịch vụ mũi nhọn như tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, thị trường chứng khoán, kiểm toán, chuyển giao công nghệ, tư vấn đầu tư... để thúc đẩy tăng trưởng cao, tiến tới làm tốt chức năng hậu cần dịch vụ cho cả miền Trung và Tây Nguyên. Thành phố Đà Nẵng đẩy mạnh hơn lĩnh vực xuất khẩu, phấn đấu tăng tỷ trọng xuất khẩu sản phẩm dịch vụ từ 5,9% (năm 2003) và 30% (năm 2010) lên hơn 50% (năm 2015).

Thành phố Đà Nẵng hướng trọng tâm vào “*phát triển dịch vụ đa dạng, với tốc độ tăng trưởng cao hơn khu vực sản xuất và cao hơn tốc độ tăng GDP, phấn đấu sớm trở thành một trong bốn trung tâm thương mại - dịch vụ lớn*” [2, tr. 27]. Phấn đấu đưa thành phố Đà Nẵng vừa là trung tâm giao thương trong nước, vừa là cửa ngõ giao thương với nước ngoài. Đầu tư phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của thành phố. Ưu tiên phát triển và hiện đại hóa các ngành dịch vụ, nhất là dịch vụ du lịch, thương mại, tài chính, ngân hàng và các dịch vụ có giá trị gia tăng cao như viễn thông, vận tải, cảng biển, chăm sóc sức khỏe, giáo dục, đào tạo khoa học, công nghệ. Khuyến khích sản xuất và đẩy mạnh xuất khẩu; tăng tỷ trọng xuất khẩu sản phẩm chế biến.

b. Phát triển công nghiệp công nghệ cao, đẩy mạnh phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ vào sản xuất

Thành phố Đà Nẵng ưu tiên đầu tư đẩy mạnh phát triển công nghệ thông tin, trong đó đẩy mạnh phát triển công nghệ phần mềm, chú trọng ứng dụng, phát triển hạ tầng công nghệ thông tin - viễn thông, đào tạo nguồn nhân lực, phấn đấu trở thành một trong những địa phương dẫn đầu về ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin, trung tâm phát triển về công nghiệp phần mềm của miền Trung - Tây Nguyên và cả nước. Thành phố phối hợp với các cơ quan Trung ương xúc tiến công tác đầu tư xây dựng khu công nghiệp công nghệ cao và thu hút các cơ quan nghiên cứu khoa học - công nghệ triển khai các hoạt động vào thành phố.

Thành phố Đà Nẵng xác định “*phát triển công nghiệp và xây dựng theo hướng tăng hàm lượng khoa học và công nghệ; chú trọng công nghệ cao, thân thiện với môi trường*” [2, tr. 27]. Tăng cường năng lực, hiện đại hóa công nghệ của các doanh nghiệp ngành Xây dựng. Phát triển các khu công nghiệp tập trung, đặc biệt là khu công nghệ cao và khu công nghiệp công

nghệ thông tin. Khuyến khích phát triển mạnh công nghiệp phụ trợ; các sản phẩm chủ lực, có lợi thế cạnh tranh. Phát triển nông nghiệp ngoại thành theo hướng gắn với công nghệ cao, công nghệ sinh học.

c. Xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ và hiện đại

Thành phố Đà Nẵng tăng cường đẩy mạnh công tác quy hoạch, đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng một cách đồng bộ, xây dựng thành phố theo hướng văn minh, hiện đại. Cụ thể, thành phố sẽ xây dựng quy hoạch sử dụng khu vực bán đảo Sơn Trà, Hải Vân, sân bay Nước Mặn...nhằm phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - văn hóa - du lịch - dịch vụ gắn với quốc phòng - an ninh.

Bên cạnh đó, thành phố Đà Nẵng cũng chủ động kiến nghị với Trung ương, và phối hợp với các bộ, ngành sớm ra quyết định đầu tư xây dựng các công trình trọng điểm như: đường cao tốc Đà Nẵng - Dung Quất (Quảng Ngãi), Đà Nẵng - Huế, Đà Nẵng - Hội An,...Nâng cấp mở rộng ga hàng không quốc tế Đà Nẵng, cảng Liên Chiểu, đường sắt 2 chiều Đà Nẵng - Quảng Ngãi, Làng Đại học Đà Nẵng, khu liên hợp thể thao, khu công nghệ cao, các viện nghiên cứu khoa học chuyên ngành, di dời ga đường sắt, kho vũ khí, kho xăng dầu ra khỏi khu vực trung tâm thành phố,...

Nâng cao chất lượng công tác quy hoạch và quản lý đô thị, tạo bước đột phá về xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ và hiện đại, quản lý và sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên. Rà soát, bổ sung quy hoạch định hướng phát triển không gian thành phố đến năm 2025, đặc biệt là quy hoạch phát triển giao thông vận tải.

Chú trọng tổ chức không gian đô thị phù hợp, hài hòa với thiên nhiên và đảm bảo phát triển bền vững. Đầu tư tập trung, đã và đang hoàn thành đúng tiến độ những công trình kết cấu hạ tầng then chốt như: cầu Rồng, cầu Nguyễn Văn Trỗi mới, cầu Nguyễn Hữu Thọ, Nhà ga sân bay quốc tế, cảng

Tiên Sa (giai đoạn 2), cảng Liên Chiểu (giai đoạn 1), Nhà ga xe lửa mới, đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi, đường Hồ Chí Minh (đoạn Nam Đông - Túy Loan), tuyến Hành lang Kinh tế Đông - Tây từ cảng Đà Nẵng đến cửa khẩu Nam Giang, các tỉnh lộ ĐT601, ĐT604 và các đường vành đai khác; các khu đô thị mới Tây Bắc, Đa Phước, nam Cẩm Lệ; khu đô thị sinh thái Hòa Xuân gắn với khu liên hợp thể thao; quần thể du lịch sinh thái Sơn Trà, Bà Nà - Suối Mơ, Trung tâm hành chính thành phố, dự án khu phức hợp thương mại - dịch vụ cao tầng tại địa điểm sân vận động Chi Lăng hiện nay.

Tiếp tục hoàn thiện hệ thống giao thông đô thị theo hướng hiện đại, kiên quyết không để xảy ra ùn tắc giao thông, giải quyết cơ bản vấn đề ngập úng cục bộ. Hoàn thành xây dựng nhà máy cấp nước Hòa Liên, phân đấu 100% dân số nội thành và 95% dân số nông thôn được cấp nước sạch. Thành phố Đà Nẵng *“ưu tiên phát triển giao thông công cộng, giảm dần phương tiện giao thông cá nhân trong nội thành; nghiên cứu, thiết kế, xây dựng hệ thống tàu điện ngầm, bãi đỗ xe ngầm”* [2, tr. 29]. Bên cạnh đó, thành phố đẩy nhanh hiện đại hóa hạ tầng viễn thông và ngầm hóa đường dây điện, điện thoại, cáp viễn thông, truyền hình tại khu vực trung tâm thành phố. Phát triển vận tải hành khách công cộng, hệ thống trạm dừng nghỉ, bến xe, nhà ga, hệ thống điều khiển giao thông theo quy hoạch.

d. Phát triển nhanh nguồn nhân lực chất lượng cao

Thành phố Đà Nẵng quán triệt mục tiêu đào tạo người lao động có kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp ở các trình độ khác nhau, có đạo đức, lương tâm nghề nghiệp, đào tạo nghề gắn với nhu cầu sử dụng lao động. Trong những năm tới, Thành phố Đà Nẵng phấn đấu nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, phục vụ yêu cầu phát triển lực lượng sản xuất trong thời kỳ đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Điều này càng có ý nghĩa quan trọng khi tốc độ phát triển kinh tế - xã

hội của các ngành kinh tế mũi nhọn như công nghiệp, thương mại, dịch vụ đang diễn ra mạnh mẽ, đòi hỏi phải có nguồn nhân lực đủ về số lượng và mạnh về chất lượng.

Phát triển giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ, nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao, đáp ứng yêu cầu của thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Thành phố Đà Nẵng sẽ tập trung phát triển quy mô các cấp học, ngành học, đi đôi với nâng cao chất lượng dạy và học, xây dựng Làng Đại học Đà Nẵng, xúc tiến mở Trường đại học y khoa Đà Nẵng, từng bước nâng số lao động qua đào tạo nghề lên 40 - 45%, tốc độ đổi mới công nghệ trung bình 20 - 30%/năm, đối với ngành sản xuất ưu tiên phải đạt tốc độ đổi mới 30 - 35%/năm.

Thành phố chú trọng công tác đào tạo nghề và công nhân lành nghề, hình thành được một trường dạy nghề trọng điểm quốc gia. Trong thời gian qua, hơn 4 vạn học sinh vào học tại các cơ sở đào tạo nghề, góp phần tăng tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề từ 22% (năm 1999), 32% (năm 2003) lên hơn 50% (năm 2010). Thông qua 5 trung tâm và một công ty tư nhân hoạt động trong lĩnh vực tư vấn việc làm và tư vấn nghề, nên lĩnh vực đào tạo nghề của thành phố Đà Nẵng đã cung ứng cho thị trường hơn 59 nghìn lượt người lao động, trên 32 nghìn người được tiếp nhận vào làm việc tại các thành phần kinh tế, góp phần giải quyết công ăn việc làm, tăng thu nhập cho người dân thành phố.

Thành phố tập trung xây dựng và phát triển có trọng điểm các ngành công nghệ cao, ưu tiên công nghệ thông tin, công nghệ tự động hóa, xây dựng và phát triển con người đảm bảo khả năng tiếp thu, ứng dụng và phát triển công nghệ hiện đại, tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật cho khoa học - công nghệ, đổi mới cơ chế quản lý và nâng cao năng lực quản lý nhà nước, hình thành thị trường khoa học - công nghệ.

Không chỉ chú trọng đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, thành phố Đà Nẵng luôn quan tâm đến sự phát triển toàn diện, đặc biệt chú trọng đến nhân tố con người, tích cực xây dựng và phát huy nguồn lực con người. Cụ thể như *“Xây dựng Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn trở thành trường THPT chuyên chất lượng cao trọng điểm quốc gia. Xúc tiến mạnh mẽ việc thành lập trường đại học quốc tế”* [2, tr. 31]. Thành lập trung tâm công nghệ phần mềm và những chính sách chiêu hiền, đãi sĩ...tất cả đều hướng tới mục tiêu phục vụ sự nghiệp “trồng người” cao cả và phát triển nhanh nguồn nhân lực chất lượng cao.

3.2. GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN LỰC LƯỢNG SẢN XUẤT Ở THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG THỜI KỲ ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA

3.2.1. Phát triển lực lượng sản xuất trên cơ sở khơi dậy nguồn lực con người, nguồn tài nguyên vốn có của thành phố

Để phát triển lực lượng sản xuất trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, thành phố Đà Nẵng tập trung đầu tư phát triển các ngành kinh tế với những sản phẩm, dịch vụ có chất lượng và giá trị gia tăng cao, đảm bảo cạnh tranh trong nước và xuất khẩu. Tập trung phát triển mạnh du lịch và các dịch vụ mà thành phố có thế mạnh, xây dựng thành phố Đà Nẵng trở thành một trong những trung tâm thương mại, du lịch, dịch vụ lớn của cả nước.

Tăng cường sự phối hợp với các tỉnh Quảng Nam, Thừa Thiên - Huế và các tỉnh duyên hải miền Trung, Tây Nguyên để tổ chức có hiệu quả các lễ hội, tăng cường quảng bá và khai thác “con đường di sản miền Trung”, tổ chức tốt cuộc thi bắn pháo hoa quốc tế nhằm thu hút khách du lịch đến với Đà Nẵng.

Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, xây dựng thành phố Đà Nẵng trở thành trung tâm kinh tế biển của khu vực. Tiếp tục phát triển các sản phẩm công nghiệp chủ lực như: sấm lốp ô tô, chế biến thủy sản, dệt may, da giày, nước uống, nước giải khát, hàng điện tử, công nghệ phần mềm... với tốc độ bình quân hàng năm từ 15 - 16%. Thành phố cần tập trung kêu gọi đầu tư để phát triển các khu công nghiệp hiện có, đồng thời triển khai xây dựng Khu Công nghệ cao (1.010 ha) tại Hòa Liên, Khu Công nghệ thông tin tập trung (131 ha) tại Hòa Nhơn để tạo ra nhiều sản phẩm có hàm lượng chất xám cao.

Tiếp tục đầu tư và đưa vào hoạt động các dự án phục vụ du lịch và thương mại ở các khu ven biển Liên Chiểu - Thuận Phước, Sơn Trà - Điện Ngọc; Quần thể khu du lịch Bà Nà - Suối Mơ, Bán đảo Sơn Trà, Khu đô thị sinh thái Hòa Xuân (437 ha), Khu đô thị Đa Phước (235 ha), các dự án phức hợp trục đường Hùng Vương... với các loại hình nghỉ dưỡng, khách sạn, vui chơi trên biển, giải trí cao cấp, phục vụ mua sắm.

Xúc tiến kêu gọi đầu tư để tiến hành xây dựng các dự án Khu Công viên văn hóa Ngũ Hành Sơn (140 ha), Khu du lịch và giải trí tổng hợp Làng Vân (1.065 ha), Khu du lịch Nam Ô (37 ha) và các dự án phức hợp thương mại tại sân vận động Chi Lăng...

Hướng ưu tiên phát triển lực lượng sản xuất trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa của thành phố Đà Nẵng, là dựa trên nguồn lực con người, trên cơ sở lợi thế so sánh của thành phố Đà Nẵng so với các tỉnh, thành phố trong khu vực miền Trung - Tây Nguyên. Đà Nẵng tiếp tục hoàn thiện công tác quy hoạch đô thị, đầu tư xây dựng, phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ. Tập trung tạo sự đột phá trong phát triển các ngành kinh tế, đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong nội bộ các ngành, chuyển dịch cơ cấu kinh tế

thành phố từ công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp sang cơ cấu dịch vụ - công nghiệp - nông nghiệp.

Thành phố Đà Nẵng sẽ tập trung phát triển lĩnh vực công nghiệp công nghệ cao, xây dựng trung tâm công nghệ cao, khai thác tiềm năng kinh tế biển, phát triển các ngành sản xuất, các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh, phát triển các dịch vụ có thế mạnh như vận tải, đường sắt, đường bộ, cảng biển, bưu chính - viễn thông, tư vấn, chuyển giao công nghệ. Đặc biệt, du lịch sẽ được tập trung đầu tư để trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của thành phố, đưa thành phố Đà Nẵng trở thành trung tâm du lịch lớn của cả nước, là đầu mối trung chuyển quá cảnh và giao lưu hàng hóa - dịch vụ của miền Trung - Tây Nguyên.

Thành phố Đà Nẵng tiếp tục giữ vững và nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện ở các ngành học và bậc học. Trong thời gian, thành phố Đà Nẵng sẽ ưu tiên đào tạo cán bộ đầu ngành, đào tạo đội ngũ các nhà doanh nghiệp giỏi, các nhà quản lý giỏi để đảm nhận vai trò quản lý, điều hành kinh tế vĩ mô của thành phố. Thực hiện chính sách chiêu hiền đãi sĩ, phát triển đội ngũ tư vấn các ngành trong nước và nước ngoài, thực thi một số giải pháp thiết thực để những người Việt Nam trên khắp mọi miền có điều kiện tham gia xây dựng thành phố Đà Nẵng.

Cùng với đó, thành phố Đà Nẵng cần quan tâm, chú trọng nâng cao mức sống của nhân dân, đặc biệt là người dân ở các xã miền núi, vùng ven biển và các gia đình chính sách, các hộ di dời tái định cư. Các công trình văn hóa, các hoạt động bảo tồn, tôn tạo giá trị các di sản văn hóa trên địa bàn thành phố được quan tâm, đầu tư chu đáo. Thành phố tiếp tục thực hiện chiến lược về tăng cường tài chính cho quản lý môi trường và bắt đầu triển khai chiến lược này từ những việc làm cụ thể với một lộ trình chi tiết, khoa học.

Thành phố Đà Nẵng đã làm tốt công tác huy động các nguồn lực cho sự phát triển lực lượng sản xuất, khơi dậy ý chí và nguồn lực trong các tầng lớp nhân dân. Nhiều công trình kết cấu hạ tầng quan trọng như cầu, đường, trường, trạm,... đã có sự đóng góp to lớn về công sức, tiền của, đất đai, nhà cửa của nhân dân. Dự án cầu quay Sông Hàn là ví dụ điển hình. Các cán bộ, chiến sĩ và nhân dân đã đóng góp 27 tỷ đồng, chiếm 30% tổng vốn đầu tư xây dựng cây cầu để đưa cầu quay Sông Hàn trở thành biểu tượng về tinh thần đoàn kết của quân và dân thành phố Đà Nẵng.

Thành phố Đà Nẵng có được những thành quả như ngày hôm nay, đó là kết quả của sự khơi dậy nguồn lực con người, nguồn tài nguyên vốn có của thành phố, sự đồng thuận sâu sắc của Đảng bộ, chính quyền các cấp cũng như toàn thể nhân dân thành phố trong việc thực thi những nhiệm vụ mà Trung ương và Thành ủy, chính quyền thành phố đã đề ra. Điển hình là từ năm 1997 đến nay, gần 90 nghìn hộ dân phải thực hiện công cuộc di dời đầy vất vả, gian truân để phục vụ công cuộc xây dựng kết cấu hạ tầng, chỉnh trang đô thị của thành phố, vì một thành phố Đà Nẵng phát triển, văn minh và là thành phố đáng sống nhất của Việt Nam.

3.2.2. Nâng cao quy mô, chất lượng và hiệu quả của nền kinh tế, tiếp tục đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại

Thành phố Đà Nẵng mở rộng quy mô kinh tế theo hướng chuyển tăng trưởng kinh tế chủ yếu từ phát triển theo chiều rộng, tăng trưởng nhờ tăng thêm vốn đầu tư, lao động và các nguồn tài nguyên, sang dần tăng trưởng chủ yếu theo chủ yếu theo chiều sâu, tăng trưởng nhờ ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ và nguồn nhân lực chất lượng cao, nâng cao năng suất lao động, chất lượng và hiệu quả hoạt động, đồng thời sử dụng tiết kiệm các nguồn tài nguyên.

Thành phố đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong nội bộ các ngành, chuyển dịch cơ cấu kinh tế từ công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp sang dịch vụ - công nghiệp - nông nghiệp. Tập trung phát triển lĩnh vực công nghiệp công nghệ cao, xây dựng trung tâm công nghệ cao, khai thác tiềm năng kinh tế biển, phát triển các ngành sản xuất, các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh, phát triển các dịch vụ có thế mạnh như vận tải, đường sắt, đường bộ, cảng biển, bưu chính - viễn thông, tài chính, ngân hàng, giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ, tư vấn, chuyển giao công nghệ.

Phát triển công nghiệp và xây dựng theo hướng tăng hàm lượng khoa học và công nghệ; chú trọng công nghệ cao, thân thiện với môi trường, như sản phẩm thiết bị điện, điện tử, phần mềm tin học, dược, vật liệu mới, công nghiệp cơ khí chế tạo, cơ khí chính xác; công nghiệp chế biến hàng xuất khẩu. Tăng cường năng lực, hiện đại hóa công nghệ của các doanh nghiệp ngành Xây dựng. Khuyến khích phát triển mạnh công nghiệp phụ trợ; các sản phẩm chủ lực có lợi thế cạnh tranh.

Thành phố Đà Nẵng là một trong những địa phương có những mô hình nông nghiệp đô thị khá độc đáo. Gần đây, nhất là khi Chi thị 12/2006/CT - UBND của UBND thành phố Đà Nẵng về cấm nuôi gia súc, gia cầm ở khu vực nội thị có hiệu lực, việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi diễn ra khá sôi động. Nghề làm sinh vật cảnh, trồng rau mầm, nấm ăn phát triển nhanh, nông dân không chỉ tạo ra sản phẩm có giá trị mà còn có cơ hội làm giàu.

Đặc biệt, du lịch sẽ được tập trung đầu tư trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của thành phố. Đưa Đà Nẵng trở thành trung tâm du lịch lớn của cả nước, đầu mối trung chuyển quá cảnh và giao lưu hàng hóa - dịch vụ của miền Trung - Tây Nguyên.

Nâng cao chất lượng công tác quy hoạch và quản lý đô thị, tạo bước đột phá về xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng theo hướng đồng bộ và hiện đại, quản lý và sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên. Thực hiện đồng bộ cơ chế, chính sách để thu hút đầu tư, khuyến khích các thành phần kinh tế phát triển; đẩy mạnh hội nhập kinh tế quốc tế, hợp tác và liên kết khu vực.

Phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, văn hóa và xã hội gắn liền với nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân. Tiếp tục đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trên các lĩnh vực. Phần đầu đưa thành phố Đà Nẵng về đích trước trong sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa của cả nước.

3.2.3. Xây dựng, hoàn thiện quan hệ sản xuất phù hợp, tiến bộ

Ở thành phố Đà Nẵng có đủ các loại hình quan hệ sản xuất, các doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp ngoài quốc doanh. Thành phố không ngừng tăng cường, củng cố kinh tế nhà nước, kinh tế tư nhân đúng hướng, tạo môi trường pháp lý để các thành phần kinh tế cùng phát triển. Cụ thể như:

Đối với kinh tế nhà nước

Theo phương án sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng, thì lộ trình sắp xếp, đổi mới các doanh nghiệp như sau:

Có 16 doanh nghiệp tiếp tục được nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và giữ nguyên tư cách pháp nhân gồm: Công ty Môi trường Đô thị Đà Nẵng, Công ty Quản lý và Khai thác công trình thủy lợi Đà Nẵng, Công ty Cấp nước Đà Nẵng, Công ty Hữu Nghị, Nhà xuất bản Đà Nẵng, Công ty Dệt may 29/3, Công ty Xổ số kiến thiết và Dịch vụ in Đà Nẵng, Công ty Xuất nhập khẩu Đà Nẵng, Công ty Du lịch - Dịch vụ Đà Nẵng, Công ty Tư vấn Thiết kế Xây dựng Đà Nẵng, Công ty Vận tải biển và Thương mại Đà Nẵng, Công ty Tư

vấn Thiết kế Xây dựng giao thông công chính Đà Nẵng, Công ty Xây dựng và Phát triển hạ tầng Đà Nẵng, Công ty Thủy sản và Thương mại Thuận Phước, Công ty Cơ khí ô tô và Thiết bị điện Đà Nẵng, Lâm trường Sông Nam.

Các doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa mà nhà nước nắm giữ trên 50% vốn là: Công ty Quản lý Bến và Dịch vụ vận tải Đà Nẵng, Công ty Sách và Thiết bị trường học Đà Nẵng, Công ty In Đà Nẵng, Công ty Dược Đà Nẵng, Công ty Kinh doanh và Chế biến hàng xuất khẩu Đà Nẵng, Công ty Dệt Đà Nẵng.

Doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa mà nhà nước giữ dưới 50% vốn điều lệ hoặc không nắm giữ cổ phần là: Công ty Phát triển công nghệ và Tư vấn đầu tư Đà Nẵng, Công ty Xây dựng và Trang thiết bị nội thất nhà trường Đà Nẵng, Công ty Phát triển đô thị và Khu công nghiệp Đà Nẵng, Công ty Lâm sản Xuất khẩu Đà Nẵng.

Chính sách cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước, trong đó nhà nước để lại một phần vốn là chủ trương chung của cả nước. Thành phố Đà Nẵng cho đến nay đã cổ phần hóa hầu hết các doanh nghiệp nhà nước, đa số các công ty cổ phần này đều làm ăn có hiệu quả hơn trước khi cổ phần, do đó đã tránh được tình trạng “Cha chung không ai khóc”.

Đối với kinh tế tập thể

Sau khi Luật hợp tác xã được ban hành, Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng đã thông qua Đề án số 38/BC - UB ngày 15/07/2002 về “Tiếp tục đổi mới, phát triển nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trên địa bàn thành phố Đà Nẵng”, kể từ đó, phong trào kinh tế tập thể mà nòng cốt là các hợp tác xã đã có bước tăng trưởng mạnh mẽ cả về số lượng cũng như chất lượng. Trong nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, kinh tế tập thể đã góp phần không nhỏ tăng thu ngân sách, giải quyết việc làm cho hàng nghìn lao động địa phương.

Thành phố Đà Nẵng cũng hình thành mô hình sản xuất “4 nhà” là nhà nông, nhà nước, nhà khoa học, nhà doanh nghiệp. Ủy ban nhân dân thành phố đã tổ chức nhiều cuộc họp nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các hợp tác xã trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Chính quyền thành phố còn thông qua các dự án sản xuất rau sạch, dự án phát triển làng nghề truyền thống, dự án chuyển đổi mô hình quản lý điện nông thôn...

Bên cạnh đó, Ủy ban nhân dân thành phố còn tiếp nhận, triển khai và tổ chức thành công kế hoạch đào tạo nghề miễn phí cho hơn 150 xã viên hợp tác xã và người lao động; bồi dưỡng nghiệp vụ cho hơn 80 cán bộ quản lý hợp tác xã. Ngoài ra, chính quyền thành phố còn tư vấn cho một số hợp tác xã lập dự án vay vốn, đổi mới máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, mở rộng sản xuất.

Nhiều hội nghị lãnh đạo các hợp tác xã với Đoàn đại biểu Quốc hội thành phố Đà Nẵng được tổ chức, nhằm thảo luận, góp ý kiến sửa đổi Luật hợp tác xã, từ đó ban hành chính sách hỗ trợ kinh tế hợp tác xã phát triển. Thành phố Đà Nẵng đề ra mục tiêu xây dựng 3 - 5 hợp tác xã điển hình tiên tiến, xây dựng các hợp tác xã kiểu mẫu dưới mô hình nông nghiệp - tiểu thủ công nghiệp kết hợp với ngành nghề truyền thống, giải quyết việc làm cho nhiều lao động, tạo ra sản phẩm chất lượng cao cho xã hội.

Chính sách để phát triển và quản lý kinh tế tư nhân

Hiện nay, thành phố Đà Nẵng có hơn 3,2 nghìn doanh nghiệp và trên 17,2 nghìn hộ kinh doanh cá thể. Chính quyền thành phố tạo lập sân chơi lành mạnh, bình đẳng cho các thành phần kinh tế, các loại hình doanh nghiệp. Trong đó có các chính sách hỗ trợ, phát triển kinh tế tư nhân.

Cụ thể như các chính sách về đảm bảo mặt bằng sản xuất, thành phố đã đầu tư hàng nghìn tỷ đồng từ ngân sách để tạo kết cấu hạ tầng như: giao thông, xây dựng, điện, nước, xây dựng các khu công nghiệp, cụm công

nghiệp...Ngoài ra, chính quyền thành phố còn kết hợp với các ngân hàng đóng trên địa bàn, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, trong đó có kinh tế tư nhân được vay vốn để sản xuất, kinh doanh. Qua đó, từng bước xóa bỏ tình trạng phân biệt, đối xử giữa các thành phần kinh tế, các loại hình doanh nghiệp khác nhau, trên cơ sở quán triệt nguyên tắc: tất cả các thành phần kinh tế, tất cả các doanh nghiệp đều có quyền và điều kiện bình đẳng như nhau trong việc tiếp cận những nguồn vốn chính thức nếu thực sự có những dự án khả thi.

Do điểm xuất phát của thành phố Đà Nẵng còn tương đối thấp cả về lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, nên việc từng bước cải tạo và xây dựng quan hệ sản xuất để thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển là một yêu cầu tất yếu. Quan hệ sản xuất được xây dựng phải dựa trên kết quả của sự phát triển lực lượng sản xuất, bất cứ một sự cải biến nào về mặt quan hệ sở hữu cũng đều là kết quả tất yếu của việc tạo nên những lực lượng sản xuất mới.

Tập trung phát triển lực lượng sản xuất hiện đại gắn liền với xây dựng quan hệ sản xuất phù hợp trên cả ba mặt: sở hữu, quản lý và phân phối nhằm thực hiện mục tiêu “Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng và văn minh”. Sự biến đổi của quan hệ sở hữu khiến quan hệ quản lý và phân phối cũng thay đổi, do vậy, quan hệ sản xuất trở nên linh hoạt và phù hợp hơn với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất vốn còn thấp và phát triển không đều giữa các vùng, ngành. Nhờ vậy đã khơi dậy và phát huy được tiềm năng về vốn, đất đai, lao động, kinh nghiệm sản xuất của người lao động.

Phát triển nhanh, hài hòa các thành phần kinh tế và các loại hình doanh nghiệp. Phải tăng cường tiềm lực và nâng cao hiệu quả kinh tế nhà nước. Kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, là lực lượng vật chất quan trọng để nhà nước định hướng và điều tiết nền kinh tế, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, tạo môi trường và điều kiện thúc đẩy các thành phần kinh tế cùng phát triển. Phát

triển kinh tế tập thể với nhiều hình thức hợp tác đa dạng mà nòng cốt là hợp tác xã. Thành phố Đà Nẵng cũng chủ trương phát triển kinh tế tư nhân, coi đó là một động lực quan trọng cho việc đảm bảo sự phát triển nhanh và bền vững, nhưng phải quản lý, định hướng bằng pháp luật và hệ thống cơ chế chính sách phù hợp.

3.2.4. Tăng cường sự lãnh đạo của Thành ủy, nâng cao hiệu lực quản lý của chính quyền các cấp đối với sự phát triển lực lượng sản xuất

Thành ủy cần có những nghị quyết chuyên đề về phát triển các lĩnh vực đặc biệt khuyến khích đầu tư và lĩnh vực khuyến khích đầu tư. Cụ thể, danh mục các lĩnh vực được đặc biệt khuyến khích đầu tư vào thành phố Đà Nẵng là: 1/ Sản xuất, chế biến xuất khẩu 80% sản phẩm trở lên. 2/ Chế biến nông sản, lâm sản (trừ gỗ), thủy sản từ nguồn nguyên liệu trong nước xuất khẩu 50% sản phẩm trở lên. 3/ Sản xuất các loại giống mới có chất lượng và có hiệu quả kinh tế cao. 4/ Nuôi trồng nông, lâm, thủy sản. 5/ Sản xuất thép cao cấp, hợp kim, kim loại màu, kim loại đặc biệt, phôi thép, sắt xộp, luyện gang.

6/ Sản xuất máy móc, thiết bị, cụm chi tiết trong các lĩnh vực: khai thác dầu khí, mỏ, năng lượng, sản xuất thiết bị nâng hạ cỡ lớn, sản xuất máy công cụ gia công kim loại, thiết bị luyện kim. 7/ Sản xuất thiết bị y tế trong công nghệ phân tích và công nghệ chiết xuất trong y học. 8/ Sản xuất thiết bị kiểm nghiệm độc chất trong thực phẩm. 9/ Sản xuất vật liệu mới, vật liệu quý hiếm, ứng dụng công nghệ mới để sản xuất thiết bị thông tin, viễn thông. 10/ Sản xuất sản phẩm công nghệ thông tin.

11/ Công nghiệp kỹ thuật cao. 12/ Đầu tư nghiên cứu - phát triển (R&D) chiếm 25% doanh thu. 13/ Sản xuất thiết bị xử lý chất thải. 14/ Sản xuất nguyên liệu thuốc kháng sinh. 15/ Xử lý ô nhiễm và bảo vệ môi trường, xử lý chất thải. 16/ Đầu tư theo hợp đồng BOT, BTO, BT [12, tr. 562].

Bên cạnh các lĩnh vực được đặc biệt khuyến khích đầu tư trên đây, thì thành phố Đà Nẵng cũng ưu tiên các lĩnh vực khuyến khích đầu tư như: 1/ Xây dựng khách sạn và khu du lịch đạt tiêu chuẩn 5 sao. 2/ Thăm dò, khai thác và chế biến khoáng sản. 3/ Sản xuất, chế biến xuất khẩu từ 50% sản phẩm trở lên. 4/ Sản xuất, chế biến xuất khẩu từ 30% sản phẩm trở lên và sử dụng nhiều nguyên vật liệu trong nước có giá trị từ 30% chi phí sản xuất trở lên. 5/ Chế biến nông sản, lâm sản (trừ gỗ rừng tự nhiên trong nước), thủy sản sau thu hoạch.

6/ Bảo quản nông sản sau thu hoạch. 7/ Phát triển công nghiệp hóa dầu, xây dựng, vận hành đường ống dẫn dầu, dẫn khí, kho, cảng dầu. 8/ Chế tạo thiết bị cơ khí chính xác, thiết bị kiểm tra, kiểm soát an toàn, sản xuất khuôn mẫu cho các sản phẩm kim loại và phi kim loại. 9/ Sản xuất khí cụ điện trung thế, cao thế. 10/ Sản xuất các loại động cơ diezen có công nghệ, kỹ thuật tiên tiến, sản xuất máy, phụ tùng ngành động lực, thủy lực, máy áp lực.

11/ Sản xuất phụ tùng ô tô, phụ tùng xe máy; sản xuất, lắp ráp thiết bị, xe máy thi công xây dựng; sản xuất thiết bị kỹ thuật cho ngành vận tải. 12/ Đóng tàu thủy, sản xuất động lực tàu thủy, thiết bị, phụ tùng cho các tàu vận tải, tàu đánh cá. 13/ Sản xuất thiết bị thông tin, viễn thông. 14/ Sản xuất linh kiện, thiết bị điện tử. 15/ Sản xuất thiết bị, phụ tùng máy nông nghiệp, lâm nghiệp, thiết bị tưới tiêu.

16/ Sản xuất các loại nguyên liệu thuốc trừ sâu bệnh. 17/ Sản xuất các loại thuốc trừ sâu bệnh, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y có phần giá trị gia tăng nội địa từ 40% trở lên. 18/ Sản xuất các loại hợp chất cơ bản, hóa chất tẩy rửa, phụ gia cho ngành hóa chất. 19/ Sản xuất xi măng đặc chủng, vật liệu composit, vật liệu cách âm, cách điện, cách nhiệt cao, vật liệu tổng hợp thay gỗ, vật liệu chịu lửa, chất dẻo xây dựng, sợi thủy tinh. 20/ Sản xuất các loại vật liệu xây dựng nhẹ.

21/ Sản xuất bột giấy. 22/ Sản xuất tơ sợi vải đặc biệt dùng trong ngành công nghiệp. 23/ Sản xuất nguyên liệu, phụ liệu cao cấp để sản xuất giày, dép, quần áo xuất khẩu. 24/ Sản xuất bao bì cao cấp phục vụ hàng xuất khẩu. 25/ Sản xuất nguyên liệu thuốc, sản phẩm thuốc chữa bệnh cho người, đạt tiêu chuẩn GMP quốc tế.

26/ Cải tạo, phát triển nguồn năng lượng. 27/ Vận tải hành khách công cộng. 28/ Xây dựng, cải tạo cầu đường bộ, đường sắt, sân bay, bến cảng, nhà ga. 29/ Xây dựng nhà máy sản xuất nước, hệ thống cấp thoát nước. 30/ Xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao. 31/ Dịch vụ kỹ thuật phục vụ nông, lâm, ngư nghiệp [12, tr. 563].

Chính quyền thành phố cần có biện pháp cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao vị thế cạnh tranh

Trong những năm qua, cải thiện môi trường đầu tư đã trở thành chủ đề thời sự “rất nóng hổi” của chính quyền thành phố Đà Nẵng. Có vị trí thuận lợi và kết cấu hạ tầng tốt vẫn chưa đủ, thành phố Đà Nẵng đang “tăng tốc” kêu gọi đầu tư bằng nhiều biện pháp tích cực, xây dựng môi trường đầu tư theo hướng cởi mở và thông thoáng nhất nhằm thu hút các nhà đầu tư đến và cam kết ở lại lâu dài với thành phố.

Mình chứng là hoạt động kêu gọi đầu tư của chính quyền thành phố Đà Nẵng đã thay đổi từ bị động, phân tán trong thu hút đầu tư sang chủ động tìm kiếm, tiếp cận, mời gọi đầu tư. Từ năm 2000, thành phố Đà Nẵng đã thành lập Trung tâm xúc tiến đầu tư thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư. Cùng với các tỉnh miền Trung, Đà Nẵng bắt đầu tổ chức các hội nghị, hội thảo mời gọi đầu tư. Cách làm này được duy trì đều đặn hàng năm đã tạo nên ấn tượng tốt và dần

xóa bỏ những định kiến trong giới đầu tư xưa nay về miền Trung, một vùng đất nhỏ hẹp, thụ động, nhiều khó khăn.

Công tác tuyên truyền, quảng bá hình ảnh thành phố Đà Nẵng ngày càng được chú trọng và tổ chức sôi động hơn. Cụ thể như thành lập Văn phòng đại diện thành phố Đà Nẵng tại Nhật Bản theo quyết định 155/QĐ - UB ngày 14/09/2004 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng, nhằm mục đích thúc đẩy hơn nữa mối quan hệ hợp tác giữa thành phố Đà Nẵng và Nhật Bản trên các lĩnh vực đầu tư, thương mại, du lịch, phát triển nguồn nhân lực, giao lưu văn hoá và các lĩnh vực khác.

Các hoạt động xúc tiến, vận động đầu tư được đa dạng hóa với phương cách trực tiếp và đối thoại. Các hội nghị xúc tiến thu hút đầu tư của thành phố Đà Nẵng phản ánh sự thay đổi quan trọng, năng động và chủ động trong cách làm: đó là lắng nghe, trao đổi trực tiếp cùng các nhà đầu tư nước ngoài để kịp thời tháo gỡ mọi vấn đề còn khiến họ e ngại. Chính những thay đổi đó của chính quyền thành phố Đà Nẵng đã tạo dấu ấn cho các nhà đầu tư.

Hoạt động cải cách hành chính trong cấp phép và hỗ trợ sau đầu tư được đẩy mạnh. Chính quyền thành phố Đà Nẵng đang thực hiện nhiều biện pháp đồng bộ trong đó có cải cách thủ tục hành chính theo cơ chế “một cửa” và chính sách ưu đãi. Không chỉ nỗ lực cải thiện môi trường, hoàn thiện kết cấu hạ tầng, mà chính quyền thành phố Đà Nẵng còn chú trọng đến đời sống của gia đình, thân nhân doanh nhân nước ngoài.

Thành phố Đà Nẵng đề ra các chính sách thu hút đầu tư trong và ngoài nước như: về thủ tục hành chính thì giải quyết nhanh, gọn. Thời hạn cấp phép đầu tư được rút ngắn, theo đó, không quá 5 ngày làm việc đối với dự án thuộc diện thẩm định và không quá 3 ngày làm việc đối với dự án thuộc diện đăng ký cấp giấy phép đầu tư. Về đảm bảo mặt bằng sản xuất, kinh doanh; miễn

tiền thuê đất cho các dự án đầu tư có trong danh mục miễn giảm, giảm 10% tiền sử dụng đất nếu nhà đầu tư nộp đủ tiền sử dụng đất trong vòng 60 ngày kể từ khi nhà đầu tư nhận được thông báo nộp tiền; ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp; ưu đãi cho mở rộng, đầu tư chiều sâu; ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung; ưu đãi về thuế thu nhập cá nhân; ưu đãi về thuế nhập khẩu...

Thành phố Đà Nẵng chủ trương tạo vốn từ quỹ đất để xây dựng kết cấu hạ tầng, chỉnh trang đô thị, triển khai nhiều công trình quy mô lớn, góp phần thay đổi nhanh chóng diện mạo của thành phố. Để giải quyết tình trạng “đóng băng” tại các khu công nghiệp, thành phố đã thực hiện một loạt cơ chế, chính sách đồng bộ, tạo nên sự chuyển biến tích cực trong thu hút đầu tư vào khu công nghiệp. Chẳng hạn, thành phố đã chuyển đổi chủ đầu tư khu công nghiệp từ doanh nghiệp nhà nước sang đơn vị sự nghiệp kinh tế; sử dụng ngân sách thành phố trang trải kinh phí giải phóng mặt bằng; bảo lãnh tiền vay và trả lãi vay đầu tư hạ tầng khu công nghiệp; thực hiện mở rộng khu vực ưu đãi về miễn, giảm tiền thuê đất và các loại thuế, thậm chí chính quyền thành phố Đà Nẵng còn cấp sổ đỏ cho doanh nghiệp mua đất lâu dài trong khu công nghiệp,...

Chính vì môi trường đầu tư thông thoáng và nhiều chính sách ưu đãi như vậy, nên thành phố Đà Nẵng luôn đứng trong top 10 địa phương có thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài FDI lớn nhất cả nước. Nét nổi bật nữa là, trong quá trình huy động vốn trong nước, chính quyền thành phố Đà Nẵng đã làm tốt công tác tuyên truyền, vận động người dân thông qua phương thức “Nhà nước và nhân dân cùng làm”. Nhiều công trình kết cấu hạ tầng quan trọng của thành phố Đà Nẵng đã được hoàn thành, mà cầu quay Sông Hàn là minh chứng tiêu biểu cho sự đồng thuận, đóng góp của nhân dân thành phố.

Bên cạnh đó, hoạt động xúc tiến đầu tư của thành phố Đà Nẵng có xu hướng không còn dừng lại ở cấp địa phương, mà đã đi từ quy hoạch chung của vùng và đất nước, nhằm làm rõ từng thế mạnh riêng, sức mạnh chung để thu hút đầu tư. Một ví dụ điển hình là thành phố Đà Nẵng đã thúc đẩy sáng kiến liên kết trong phát triển đầu tư du lịch, gắn thành phố Đà Nẵng với con đường di sản miền Trung và các tỉnh, thành phố khác trong cả nước.

Thành phố Đà Nẵng tăng cường đẩy mạnh cải cách hành chính, chống quan liêu tham nhũng, tiêu cực. Để làm được điều đó, thành phố sẽ đẩy mạnh Chương trình cải cách hành chính, trong đó lấy cải cách thủ tục hành chính và kiện toàn đội ngũ cán bộ làm khâu đột phá. Bên cạnh đó, thành phố cũng thường xuyên tăng cường công tác giáo dục phẩm chất, đạo đức, lối sống, kiên quyết chống các hành vi quan liêu, tham nhũng, thiếu trách nhiệm, cửa quyền, những nhiễu... đối với nhân dân của cán bộ, công chức các cấp.

Về chi đạo điều hành, thành phố tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của cấp ủy, hướng mạnh về cơ sở. Thành phố tiếp tục thực hiện đồng bộ cơ chế, chính sách để thu hút đầu tư, khuyến khích các thành phần kinh tế phát triển; đẩy mạnh hội nhập kinh tế quốc tế, hợp tác và liên kết khu vực. Phấn đấu duy trì vị trí dẫn đầu cả nước về chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI); tạo lập điều kiện thuận lợi để thu hút mạnh các nguồn vốn quốc tế; các nhà đầu tư lớn, có công nghệ cao, công nghệ nguồn, nhất là các tập đoàn đa quốc gia. Nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế; tranh thủ nguồn vốn từ các bộ, ngành Trung ương.

KẾT LUẬN

Chủ nghĩa duy vật lịch sử khẳng định rằng, lịch sử xã hội loài người trước hết là lịch sử phát triển của sản xuất vật chất, lịch sử vận động của các phương thức sản xuất thay thế nhau. Mỗi hình thái kinh tế - xã hội có phương thức sản xuất đặc thù của nó. Và sự thay thế của các phương thức sản xuất chính là cơ sở của sự thay thế các hình thái kinh tế - xã hội nối tiếp nhau. Điều này chứng tỏ, phương thức sản xuất giữ vai trò quyết định trong sự chuyển biến của xã hội loài người qua các giai đoạn lịch sử.

Ngày nay, xu hướng toàn cầu hóa, quốc tế hóa phát triển ngày càng mạnh mẽ cả về chiều rộng lẫn chiều sâu và dần trở thành một xu thế khách quan cuốn hút tất cả các quốc gia trên thế giới tham gia. Động lực chính của xu hướng toàn cầu hóa là sự phát triển của lực lượng sản xuất mà lực lượng sản xuất thì không ngừng lớn mạnh, đây là quy luật chung của mọi quốc gia, mọi thời đại và mọi chế độ xã hội. Việt Nam quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, khi đất nước chưa có tiền đề về cơ sở vật chất kỹ thuật do chủ nghĩa tư bản tạo ra, do đó, nước ta tất yếu phải phát triển lực lượng sản xuất theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Việt Nam nói chung và thành phố Đà Nẵng nói riêng muốn phát triển kinh tế - xã hội một cách nhanh chóng và bền vững, thì yêu cầu đặt ra trên hết là phải chú trọng phát triển lực lượng sản xuất. Phải xác định rõ vị trí và vai trò của lực lượng sản xuất trong xã hội, cũng như vị trí, vai trò của từng yếu tố cấu thành lực lượng sản xuất.

Thành phố Đà Nẵng, với vị trí, vai trò là thành phố trực thuộc Trung ương, một thành phố lớn, một trung tâm kinh tế - xã hội của các tỉnh miền Trung - Tây Nguyên. Với vị trí, vai trò đó, thành phố Đà Nẵng phải đi đầu

trong các tỉnh miền Trung - Tây Nguyên và cả nước trong thực hiện mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, đi đầu trong việc chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế từ chủ yếu phát triển theo chiều rộng, tăng trưởng nhờ tăng thêm vốn đầu tư, lao động và các nguồn tài nguyên, sang dần tăng trưởng chủ yếu theo chiều sâu, tăng trưởng nhờ ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ và nguồn nhân lực chất lượng cao, nâng cao năng suất lao động, chất lượng và hiệu quả hoạt động, đồng thời sử dụng tiết kiệm các nguồn tài nguyên.

Với niềm tin và khát vọng sâu sắc, Đảng bộ và nhân dân thành phố Đà Nẵng nhất định sẽ phấn đấu xây dựng thành phố Đà Nẵng trở thành thành phố giàu về kinh tế, phát triển về văn hóa, khoa học - kỹ thuật, đẹp về con người, cảnh quan thiên nhiên, đô thị, sạch về môi trường và vững mạnh về an ninh - quốc phòng, cùng cả nước thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] TS. Nguyễn Bá Ân (2012), *Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước giai đoạn 2011 - 2020*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [2] Ban Tuyên giáo Thành ủy Đà Nẵng (2011), *Sổ tay tuyên truyền năm 2011*, Trung tâm thông tin công tác tuyên giáo, Đà Nẵng.
- [3] Ban Tuyên huấn Trung ương (1985), *Triết học Mác- Lênin - chủ nghĩa duy vật lịch sử*, NXB sách giáo khoa Mác - Lênin, Hà Nội.
- [4] Bộ Giáo dục và đào tạo (2002), *Giáo trình kinh tế chính trị Mác - Lênin*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [5] Bộ Giáo dục và đào tạo (2004), *Giáo trình triết học Mác- Lênin*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [6] Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Giáo trình kinh tế chính trị Mác - Lênin*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2006.
- [7] Bộ Giáo dục và đào tạo (2008), *Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.
- [8] Phạm Văn Chung (2005), *Học thuyết Mác về hình thái kinh tế xã hội và lý luận về con đường phát triển xã hội chủ nghĩa ở nước ta*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [9] Nguyễn Trọng Chuẩn (1990), “Góp vào vấn đề phát triển lực lượng sản xuất ở nước ta hiện nay”, *Tạp chí Triết học*, (2).
- [10] Nguyễn Trọng Chuẩn, Nguyễn Thế Nghĩa, Đặng Hữu Toàn (2002), *Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam - lý luận và thực tiễn*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

- [11] Nguyễn Trọng Chuẩn (2009), “Xu hướng phát triển của giai cấp công nhân Việt Nam trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa theo hướng hiện đại hóa và hội nhập quốc tế”, *Tạp chí Triết học*, (12).
- [12] Công ty cổ phần thông tin kinh tế đối ngoại (2005), *Đà Nẵng - thế và lực mới trong thế kỷ XXI*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [13] Vũ Đình Cự (1997), *Khoa học và công nghệ lực lượng sản xuất hàng đầu*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [14] Hồ Anh Dũng (2002), *Phát huy yếu tố con người trong lực lượng sản xuất ở Việt Nam hiện nay*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [15] TS. Phạm Ngọc Dũng (2011), *Công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn từ lý luận đến thực tiễn ở Việt Nam hiện nay*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [16] PGS.TS. Trương Minh Dục (2010), *Miền Trung và Tây Nguyên trong thời kỳ đổi mới*, NXB Chính trị - Hành chính, Hà Nội.
- [17] Phan Minh Đại (2010), *Đà Nẵng toàn cảnh*, NXB Đà Nẵng.
- [18] Đại học Quốc gia Hà Nội (2010), *giai cấp công nhân Việt Nam trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [19] Đảng cộng sản Việt Nam (1998), *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban chấp hành Trung ương khóa VIII*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [20] Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [21] Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [22] Đảng Cộng sản Việt Nam (2010), *Văn kiện Đại hội Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

- [23] Lê Xuân Đình (1999), “Ưu tiên phát triển lực lượng sản xuất”, *Tạp chí cộng sản*, (5).
- [24] Võ Nguyên Giáp (1981), *Thanh niên với cách mạng khoa học kỹ thuật*, NXB Thanh niên, Hà Nội.
- [25] Lương Đình Hải (2009), “Trách nhiệm đào tạo nguồn nhân lực trong điều kiện kinh tế tri thức ở Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Triết học*, (12).
- [26] PGS.TS. Trần Hậu - PGS.TS. Đoàn Minh Huân (2012), *Phát triển dịch vụ xã hội ở nước ta đến năm 2020 - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [27] Nguyễn Văn Hòa, (2009) “Phát triển giáo dục đào tạo - một động lực để phát triển kinh tế tri thức ở nước ta hiện nay”, *Tạp chí Triết học*, (12).
- [28] TS. Dương Anh Hoàng (2012), *Phát triển nguồn nhân lực phục vụ công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở Thành phố Đà Nẵng*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [29] Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2002), *Kinh tế Chính trị Mác - Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [30] Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2002), *Kinh tế Chính trị Mác - Lênin về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [31] Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh, PGS.TS. Võ Văn Đức - TS. Đinh Ngọc Giang (đồng chủ biên), *Một số vấn đề kinh tế - xã hội nảy sinh trong quá trình công nghiệp hóa đô thị hóa ở Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2012.
- [32] Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh (2012), PGS.TS.

- Nguyễn Khánh Bất, ThS. Trần Thị Huyền (đồng chủ biên), *Xây dựng đội ngũ trí thức thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo tư tưởng Hồ Chí Minh*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [33] Nguyễn Tấn Hưng (2011), “Đào tạo cán bộ và phát triển nguồn nhân lực - Khâu đột phá trong chiến lược phát triển của Bình Phước”, *Tạp chí công sản*, (4).
- [34] Nguyễn Đắc Hưng, *Trí thức Việt Nam tiến cùng thời đại*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2008.
- [35] GS.TS. Nguyễn Văn Khánh (2012), *Nguồn lực trí tuệ Việt Nam - Lịch sử, hiện trạng và triển vọng*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [36] TS. Trần Xuân Kiên (2012), *Việt Nam tầm nhìn 2050*, NXB Thanh niên, Hà Nội.
- [37] PGS. TS. Ngô Thắng Lợi (2011), *Hoạch định phát triển kinh tế - xã hội - Lý luận và thực tiễn ở Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [38] TS. Trần Hồng Lưu (2010), *Vai trò của trí thức khoa học trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam hiện nay*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [39] V.I.Lênin (1976), *Bút ký Triết học*, NXB Sự thật, Hà Nội.
- [40] V.I.Lênin (1982), *Toàn tập, tập 38*, NXB Sự thật, Hà Nội.
- [41] C.Mác (1960), *Tư bản, quyển I, tập II*, NXB Sự thật, Hà Nội.
- [42] C.Mác và Ph.Ăngghen (1970), *Tuyển tập, tập 1*, NXB Sự thật, Hà Nội.
- [43] C.Mác và Ph.Ăngghen (1993), *Toàn tập, tập 23*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [44] C.Mác và Ph.Ăngghen (1993), *Toàn tập, tập 46*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [45] C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập, tập 4*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

- [46] C.Mác và Ph.Ăngghen (2004), *Hệ tư tưởng Đức*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [47] PGS. TS Phạm Thành Nghị (2010), *Phát triển con người vùng Tây Bắc nước ta*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [48] Nguyễn Thế Nghĩa (2007), *Những chuyên đề triết học*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [49] Phạm Ngọc Quang (2003), “Kinh tế tri thức - xét từ giác độ lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất”, *Tạp chí Triết học*, (3).
- [50] Lương Xuân Quỳnh (2010), *Xây dựng quan hệ sản xuất định hướng xã hội chủ nghĩa và thực hiện tiến bộ công bằng, xã hội ở Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [51] Trần Văn Sơn (2009), “Tri thức khoa học - Vốn và hàng hóa quý hiếm trong thị trường kinh tế tri thức”, *Tạp chí Triết học*, (12).
- [52] PGS.TS. Nguyễn Đăng Thành (2012), *Phát triển nguồn nhân lực ở vùng dân tộc thiểu số Việt Nam đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [53] Nguyễn Duy Thông (1982), Nguyễn Trọng Chuẩn, Đỗ Long, *Cách mạng khoa học - kỹ thuật trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [54] Lê Huy Thực (2003), “Về luận điểm khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp”, *Tạp chí Triết học*, (2).
- [55] TS. Phạm Thị Túy (2010), *Thu hút và sử dụng ODA vào phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế ở Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [56] *Từ điển Triết học*, NXB Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1975.
- [57] Viện Nghiên cứu phát triển kinh tế - xã hội Hà Nội (2012), *Phát triển bền vững kinh tế - xã hội các thành phố theo hướng hiện đại*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

[58] TS. Hồ Đức Việt (2010), *Xây dựng, phát triển thị trường khoa học và công nghệ trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

[59] PGS.TS. Ngô Doãn Vịnh (2011), *Nguồn lực và động lực cho phát triển nhanh và bền vững nền kinh tế Việt Nam trong giai đoạn 2011 - 2020*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

Trang Website:

[60] Website: www.danang.gov.vn

